

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

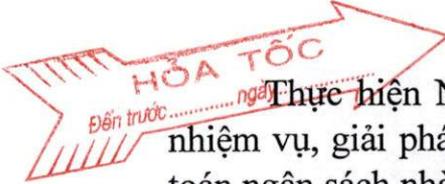
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 10180/BKHĐT-TH

V/v hoàn thiện dự thảo Báo cáo tổng
kết tình hình thực hiện Nghị quyết số
01/NQ-CP năm 2024

Hà Nội, ngày 10 tháng 12 năm 2024

Kính gửi: Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ



Thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 05/01/2024 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2024, trên cơ sở báo cáo của các Bộ, cơ quan trung ương, địa phương, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã tổng hợp, xây dựng Dự thảo Báo cáo Tổng kết tình hình thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 05/01/2024 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2024 (dự thảo Báo cáo gửi kèm).

Đề nghị Quý Cơ quan trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, rà soát, có ý kiến trực tiếp vào dự thảo Báo cáo, trong đó lưu ý:

- Bổ sung các nội dung còn thiếu thuộc ngành, lĩnh vực phụ trách, đặc biệt các nội dung được ghi cụ thể tại Dự thảo Báo cáo và các phụ lục kèm theo.
- Cập nhật số liệu và tình hình thực hiện các nhiệm vụ đến thời điểm báo cáo và dự kiến cả năm 2024.

Đề nghị Quý Bộ, Cơ quan khẩn trương nghiên cứu, rà soát, gửi ý kiến về Bộ Kế hoạch và Đầu tư bằng văn bản và qua thư điện tử (địa chỉ: thktxh@mpi.gov.vn) trước ngày 13 tháng 12 năm 2024 để kịp tổng hợp, hoàn thiện, báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

Bộ Kế hoạch và Đầu tư trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ KH&ĐT: Bộ trưởng (để b/c);
- Văn phòng Bộ (Để tổng hợp báo cáo của Bộ KH&ĐT);
- các đơn vị thuộc Bộ (để tham gia ý kiến);
- Lưu: VT, Vụ TH.

T.03

KT. BỘ TRƯỞNG

THỨ TRƯỞNG



Trần Quốc Phương

¹ Trong trường hợp cần thiết, xin liên hệ đ/c Hoàng Kim Tú, theo số điện thoại 080.44978.



Phụ lục

(Kèm theo văn bản số 10180/BKHĐT-TH ngày 10 tháng 12 năm 2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

Yêu cầu góp ý đối với Dự thảo Báo cáo Tổng kết tình hình và kết quả thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 05 tháng 01 năm 2024 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2024:

1. Đối với nội dung phần lời Dự thảo Báo cáo:

- Đề nghị bổ sung các nội dung còn thiếu thuộc ngành, lĩnh vực phụ trách, đặc biệt các nội dung được ghi cụ thể tại Dự thảo Báo cáo và phụ lục kèm theo.

- Đề nghị cập nhật số liệu đến thời điểm báo cáo và dự kiến cả năm 2024.

2. Đối với các nhiệm vụ tại các Phụ lục kèm theo dự thảo Báo cáo:

a) Đối với Phụ lục 1:

Đề nghị Ngân hàng Nhà nước Việt Nam báo cáo các chỉ tiêu số 1, 2; Bộ Khoa học và Công nghệ báo cáo chỉ tiêu số 9; Bộ Thông tin và Truyền thông báo cáo chỉ tiêu số 21, 57; Bộ Nội vụ báo cáo chỉ tiêu số 60, 61, 62.

b) Đối với Phụ lục 3: Đề nghị Quý Cơ quan rà soát có ý kiến bổ sung làm rõ các nội dung, cụ thể như sau:

(1) Đối với 22 nhiệm vụ chưa báo cáo²: đề nghị Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, Bộ Ngoại giao, Bộ Quốc phòng, Bộ Tài chính, Bộ Thông tin và Truyền thông báo cáo kết quả thực hiện các nhiệm vụ theo đúng tiến độ tại Nghị quyết 01/NQ-CP.

(2) Đối với 26 nhiệm vụ dự kiến sẽ hoàn thành trong tháng 12 hoặc Quý IV³: đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Thông tin và Truyền thông báo cáo cập nhật về tình hình và dự kiến kết quả thực hiện các nhiệm vụ tính đến 31/12/2024.

(3) Đối với 25 nhiệm vụ đang tiếp tục triển khai thực hiện⁴: Đề nghị Bộ Công thương, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Tư pháp, Bộ Thông tin và Truyền

² Gồm: Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội (09 nhiệm vụ), Bộ Ngoại giao (04 nhiệm vụ); Bộ Quốc phòng (01 nhiệm vụ); Bộ Tài chính (05 nhiệm vụ); Bộ Thông tin và Truyền thông (03 nhiệm vụ).

³ Bộ Giáo dục và Đào tạo (04 nhiệm vụ); Bộ Khoa học và Công nghệ (01 nhiệm vụ); Bộ Kế hoạch và Đầu tư (06 nhiệm vụ); Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (01 nhiệm vụ); Bộ Nội vụ (03 nhiệm vụ); Bộ Tài chính (03 nhiệm vụ); Bộ Tài nguyên và Môi trường (03 nhiệm vụ); Bộ Thông tin và Truyền thông (05 nhiệm vụ).

⁴ Bộ Công thương (05 nhiệm vụ); Bộ Kế hoạch và Đầu tư (02 nhiệm vụ); Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (01 nhiệm vụ); Bộ Tài nguyên và Môi trường (02 nhiệm vụ); Bộ Tư pháp (04 nhiệm vụ); Bộ Thông tin và Truyền thông (01 nhiệm vụ); Bộ Xây dựng (01 nhiệm vụ); Bộ Y tế (05 nhiệm vụ); Ủy ban Dân tộc (04 nhiệm vụ).

thông, Bộ Xây dựng, Bộ Y tế, Ủy ban Dân tộc làm rõ thêm về tình hình thực hiện, khả năng hoàn thành nhiệm vụ trong năm 2024 và dự kiến thời gian hoàn thành.

(4) Đối với 15 nhiệm vụ lùi thời gian thực hiện⁵: Đề nghị Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Xây dựng, Ủy ban Dân tộc, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cung cấp bổ sung thông tin làm rõ về văn bản đề xuất lùi thời gian thực hiện; văn bản của cấp có thẩm quyền (Thủ tướng Chính phủ, Chính phủ) cho lùi thời gian thực hiện.

(5) Đối với 09 nhiệm vụ xin rút khỏi chương trình công tác⁶: Đề nghị Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Thông tin và Truyền thông cung cấp bổ sung thông tin làm rõ về văn bản của cấp có thẩm quyền (Thủ tướng Chính phủ, Chính phủ) cho rút khỏi chương trình công tác.

⁵ Bộ Khoa học và Công nghệ (01 nhiệm vụ); Bộ Kế hoạch và Đầu tư (01 nhiệm vụ); Bộ Tài nguyên và Môi trường (08 nhiệm vụ); Bộ Thông tin và Truyền thông (01 nhiệm vụ); Bộ Xây dựng (02 nhiệm vụ); Ủy ban Dân tộc (01 nhiệm vụ); Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (01 nhiệm vụ).

⁶ Bộ Khoa học và Công nghệ (01 nhiệm vụ); Bộ Kế hoạch và Đầu tư (01 nhiệm vụ); Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (04 nhiệm vụ); Bộ Tài nguyên và Môi trường (02 nhiệm vụ); Bộ Thông tin và Truyền thông (01 nhiệm vụ).

DANH SÁCH GỬI VĂN BẢN

I. CÁC BỘ, CƠ QUAN NGANG BỘ (22):

TT	BỘ/ CƠ QUAN NGANG BỘ	TT	BỘ/ CƠ QUAN NGANG BỘ
1.	Bộ Quốc phòng	12.	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
2.	Bộ Công an	13.	Bộ Nội vụ
3.	Bộ Ngoại giao	14.	Bộ Y tế
4.	Bộ Tư pháp	15.	Bộ Khoa học và Công nghệ
5.	Bộ Tài chính	16.	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
6.	Bộ Công thương	17.	Bộ Tài nguyên và Môi trường
7.	Bộ Lao động – Thương binh và xã hội	18.	Thanh tra Chính phủ
8.	Bộ Giao thông vận tải	19.	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
9.	Bộ Xây dựng	20.	Ủy ban Dân tộc
10.	Bộ Thông tin và truyền thông	21.	Văn phòng Chính phủ
11.	Bộ Giáo dục và Đào tạo	22.	Bộ Kế hoạch và Đầu tư (gửi các Vụ, Viện, đơn vị thuộc Bộ)

II. CƠ QUAN THUỘC CHÍNH PHỦ(8):

TT	CƠ QUAN THUỘC CHÍNH PHỦ	TT	CƠ QUAN THUỘC CHÍNH PHỦ
1.	Đài Tiếng nói Việt Nam	5.	Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ VN
2.	Đài Truyền hình Việt Nam	6.	Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội VN
3.	Bảo hiểm xã hội Việt Nam	7.	Ủy ban quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp
4.	Thông tấn xã Việt Nam	8.	Ban quản lý Lăng chủ tịch HCM

Số: /BC-BKHĐT

Hà Nội, ngày tháng năm 2024

DỰ THẢO

BÁO CÁO

Tổng kết tình hình thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 05/01/2024 về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2024

(Tài liệu báo cáo tại Hội nghị của Chính phủ với các địa phương ngày tháng năm 2025)

Kính gửi: Chính phủ

I. BỐI CẢNH VÀ TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT

Năm 2024 là năm tăng tốc, bứt phá, có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong việc thực hiện thắng lợi Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025, thực hiện các Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng, Kết luận của Trung ương, Bộ Chính trị, Nghị quyết của Quốc hội và Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2021 - 2030. Nước ta bước vào thực hiện nhiệm vụ phát triển KTXH trong bối cảnh tình hình thế giới, khu vực tiếp tục diễn biến nhanh, mạnh, phức tạp, khó lường, thuận lợi, thời cơ và khó khăn, thách thức đan xen nhưng khó khăn, thách thức nhiều hơn; nhiều yếu tố rủi ro, bất định, diễn biến mới phát sinh vượt ngoài khả năng dự báo của các nước, các tổ chức quốc tế. Các điểm nóng, xung đột, căng thẳng trên thế giới tiếp tục diễn biến phức tạp, tiềm ẩn nguy cơ lan rộng như xung đột tại Ukraine, Trung Đông, Israel với Iran, lực lượng Hezbollah; bất ổn chính trị, xã hội leo thang tại một số quốc gia, khu vực¹. Cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn ngày càng gay gắt, toàn diện hơn trên các lĩnh vực, cả về địa chính trị, địa kinh tế, công nghệ, thương mại, hàng hóa chiến lược..., "tạo dựng luật chơi" về chính trị - an ninh, kinh tế với việc thúc đẩy các sáng kiến trên phạm vi toàn cầu và trong khu vực, nhất là ở khu vực Châu Á- Thái Bình Dương và Ấn Độ Dương.

Kinh tế thế giới phục hồi chậm, thiếu vững chắc, nhiều rủi ro. Thị trường tài chính, tiền tệ, giá vàng, xăng dầu, nguyên vật liệu, hàng hóa, vận tải thế giới biến động mạnh...; đồng tiền của nhiều nước mất giá mạnh so với đồng USD, tạo áp lực lớn lên điều hành chính sách tiền tệ của các nước để ổn định tỷ giá, nhất là các nền kinh tế đang phát triển. Tăng trưởng thương mại toàn cầu được cải thiện, nhưng còn chậm, thiếu bền vững, đặc biệt trong bối cảnh sức mua tại các thị

¹ Các cuộc biểu tình phản đối du lịch tại Tây Ban Nha; biểu tình của nông dân châu Âu tại Pháp, Czech, Hy Lạp...; biểu tình phản đối bầu cử tại Pháp, Venezuela...; bất ổn tại Hàn Quốc, Nhật Bản, Syria...; làn sóng đảo chính và biểu tình chống Chính phủ tại một số quốc gia tại khu vực Sahel, châu Phi và châu Phi - Nam Sahara tiếp tục diễn biến phức tạp".

trường lớn như Mỹ, EU, Trung Quốc... còn yếu². Nhiều nước gia tăng các hàng rào kỹ thuật, biện pháp bảo hộ thương mại, điều tra chống bán phá giá, thúc đẩy thực thi, “pháp lý hóa” các tiêu chuẩn, tiêu chí mới về thương mại và đầu tư quốc tế. Các nước đẩy mạnh tái cơ cấu, cải cách thể chế, tranh thủ các thành tựu công nghệ mới để thích ứng, tạo sự khác biệt, gia tăng cạnh tranh để phát triển bút phá và tạo dựng vị trí; tăng cường tự chủ chiến lược trong các công nghệ lõi. Nhiều nước đã ban hành các chính sách mới, đột phá nhằm cạnh tranh trong thu hút đầu tư, đặc biệt trong một số lĩnh vực như bán dẫn, trí tuệ nhân tạo... Các tiêu chuẩn, khuôn khổ quản lý trí tuệ nhân tạo, quản trị dòng dữ liệu qua biên giới, tiền điện tử... đã được nghiên cứu, bước đầu đi vào triển khai tại một số nền kinh tế lớn. Các mô hình kinh tế xanh, kinh tế số, kinh tế tuần hoàn, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh... trở thành xu thế toàn cầu. Điều này mở ra cơ hội đột phá cho các quốc gia, nhưng cũng là thách thức lớn, nhất là đối với các nước đang phát triển để thu hẹp khoảng cách phát triển, buộc phải có sự điều chỉnh, thích ứng cả trong ngắn hạn và dài hạn. Thiên tai, bão lũ, hạn hán, biến đổi khí hậu, dịch bệnh... diễn biến phức tạp, trên phạm vi rộng, tác động nặng nề đến nhiều quốc gia; các vấn đề an ninh truyền thống và phi truyền thống, an ninh năng lượng, an ninh lương thực, an ninh mạng... ngày càng phức tạp, khó lường hơn.

Trong nước, nền kinh tế đã khẳng định sự phục hồi mạnh mẽ, nhất là trong những tháng gần đây. Nền kinh tế đã đạt nhiều kết quả tích cực, rõ nét, tháng sau tích cực hơn tháng trước, quý sau tốt hơn quý trước, phản ánh niềm tin, sự đồng lòng của Nhân dân đối với các chủ trương của Đảng, đứng đầu là Tổng Bí thư Tô Lâm, tự tin bước vào kỷ nguyên mới – kỷ nguyên vươn mình phát triển giàu mạnh, thịnh vượng của dân tộc và sự chỉ đạo, điều hành quyết liệt của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ. Cộng đồng doanh nghiệp trong và ngoài nước, các tổ chức quốc tế tin tưởng và đánh giá cao về triển vọng tăng trưởng của nước ta, cam kết đầu tư và gắn bó lâu dài, đồng hành cùng với sự phát triển của nền kinh tế Việt Nam, điển hình như sự kiện ký kết giữa Chính phủ và Tập đoàn NVIDIA gần đây.

Tốc độ tăng trưởng kinh tế ước cả năm ước đạt khoảng 6,8-7%, vượt mục tiêu Quốc hội đề ra (6-6,5%), thuộc nhóm ít các nước tăng trưởng cao trong khu vực, thế giới và được các tổ chức quốc tế đánh giá cao³. Kinh tế vĩ mô duy trì ổn định, lạm phát được kiểm soát, các cân đối lớn của nền kinh tế được bảo đảm; niềm tin của doanh nghiệp, nhà đầu tư, người dân được củng cố. An sinh xã hội, đời sống vật chất, tinh thần người dân không ngừng được nâng lên. Quốc phòng, an ninh, ổn định chính trị - xã hội được giữ vững, trật tự an toàn xã hội cơ bản được bảo đảm; các hoạt động đối ngoại, ngoại giao kinh tế, đối ngoại của Lãnh đạo cấp cao tiếp tục được đẩy mạnh, với nhiều kết quả rõ nét, vị thế, uy tín của Việt Nam tiếp tục được nâng lên, mở ra cơ hội phát triển mới cho đất nước. Chủ động phòng ngừa, ứng phó, kịp thời khắc phục hậu quả thiên tai, bão lũ, nhất là

² Theo số liệu từ WTO, tổng tăng trưởng thương mại hàng hóa và dịch vụ năm 2024 vẫn đang thấp hơn 1,2% so với mức cao kỷ lục là 4,2% trong giai đoạn 2006 - 2015.

³ IMF đánh giá Việt Nam là nước ASEAN duy nhất nằm trong nhóm 10 nước tăng trưởng cao nhất thế giới, ước tính đạt 6,4% trong giai đoạn 2024-2029. Standard Chartered dự báo GDP của Việt Nam tăng 6%, thuộc nhóm 5 nước tăng trưởng nhanh nhất Châu Á.

con bão số 3. Tuy nhiên, nhiệm vụ và yêu cầu phát triển KTXH đặt ra ngày càng nặng nề, thách thức hơn. Việt Nam là nền kinh tế đang phát triển, đang trong quá trình chuyển đổi, có độ mở cao, quy mô còn khiêm tốn, khả năng chống chịu còn hạn chế, vừa phải thích ứng với tình hình bên ngoài, vừa phải giải quyết các vấn đề nội tại, tập trung cải thiện, củng cố các yếu tố nền tảng, làm mới các động lực tăng trưởng truyền thống và phát triển các động lực mới; ứng phó thường xuyên với thiên tai, bão lũ, hạn hán...

Trong bối cảnh đó, nhờ sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị, sự lãnh đạo của Đảng, đứng đầu là Tổng Bí thư; sự ủng hộ, đồng hành của Quốc hội; sự chỉ đạo, điều hành quyết liệt, kịp thời, chính xác của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các bộ, cơ quan và địa phương, đã thực hiện quyết liệt, đồng bộ, hiệu quả, thực chất các nhiệm vụ, giải pháp đề ra tại Nghị quyết số 01/NQ-CP của Chính phủ. Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã tập trung điều hành, chỉ đạo các bộ ngành, địa phương nắm chắc tình hình, cụ thể hóa, triển khai các nhiệm vụ, giải pháp đã đề ra; điều hành chủ động, linh hoạt, hiệu quả chính sách tiền tệ, chính sách tài khóa; rà soát, hoàn thiện thể chế, pháp luật, cơ chế, chính sách để tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, tranh thủ tối đa cơ hội thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, xuất khẩu, thu hút đầu tư; thúc đẩy giải ngân vốn đầu tư công, nắm bắt tình hình, tháo gỡ kịp thời các khó khăn, vướng mắc tại địa phương; khởi công mới, hoàn thành đưa vào sử dụng nhiều dự án, công trình trọng điểm, nâng tổng chiều dài đường bộ cao tốc cả nước lên hơn 2.021 km, tập trung chỉ đạo, tháo gỡ kịp thời khó khăn, vận dụng nhiều giải pháp sáng tạo, linh hoạt, đổi mới để đẩy nhanh tiến độ, hoàn thành Dự án 500kV mạch 3 Quảng Trạch - Phó Núi sau hơn 6 tháng thi công thần tốc; Tập trung xử lý nhiều vấn đề tồn đọng kéo dài, nhất là hoàn thành phương án xử lý đối với 02 ngân hàng yếu kém và đang hoàn thiện phương án xử lý đối với 02 ngân hàng còn lại; quyết liệt chỉ đạo cơ cấu lại các dự án chậm tiến độ, kém hiệu quả; chỉ đạo giải quyết, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc tại 02 dự án cơ sở 2 Bệnh viện Bạch Mai và Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức...; Tổ chức nhiều hội nghị, cuộc họp để đôn đốc, chỉ đạo giải quyết khó khăn vướng mắc, thúc đẩy phát triển nhà ở xã hội; Thực hiện tốt các chính sách người có công, đối tượng chính sách, giảm nghèo, bảo đảm an sinh xã hội, cải thiện đời sống Nhân dân; ban hành các giải pháp, nhiệm vụ trọng tâm để khẩn trương khắc phục hậu quả bão số 3 (Yagi); Giữ vững quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội; Đẩy mạnh đối ngoại và hội nhập quốc tế, nhất là ngoại giao kinh tế phục vụ phát triển đất nước.

Bên cạnh đó, tập trung chỉ đạo, thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp căn cơ trong trung và dài hạn tại kế hoạch phát triển KTXH, cơ cấu lại nền kinh tế, tăng trưởng xanh, chú trọng thực hiện 03 đột phá chiến lược, 6 nhiệm vụ trọng tâm và 12 nhóm giải pháp chủ yếu; hoàn thiện thể chế, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, cải cách hành chính; đẩy nhanh tiến độ thực hiện các công trình kết cấu hạ tầng giao thông lớn, chiến lược...

Căn cứ Nghị quyết số 01/NQ-CP, các Bộ, cơ quan, địa phương đã tổ chức thực hiện:

(1) Xây dựng, ban hành Chương trình, kế hoạch hành động, văn bản cụ thể

triển khai thực hiện Nghị quyết, xác định rõ, đầy đủ các mục tiêu, nhiệm vụ (bao gồm nhiệm vụ chủ trì và nhiệm vụ phối hợp với các cơ quan liên quan trong tổ chức thực hiện), tiến độ thực hiện và phân công đơn vị chủ trì, gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, báo cáo tại phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 01 năm 2024.

(2) Nghiêm túc triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp đã được đề ra tại các Nghị quyết của Đảng, Quốc hội và các nhiệm vụ, giải pháp nêu tại Nghị quyết 01/NQ-CP; chủ động triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp cụ thể của bộ, ngành, địa phương, kịp thời xử lý các vấn đề phát sinh.

(3) Theo dõi sát, nắm chắc diễn biến tình hình, chủ động phân tích, dự báo, kịp thời tham mưu với Chính phủ các giải pháp ứng phó đồng bộ, hiệu quả. Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã phối hợp với các cơ quan liên quan cập nhật kịp thời kịch bản tăng trưởng GDP và lạm phát hàng quý phục vụ công tác quản lý, điều hành.

(4) Thường xuyên theo dõi, kiểm tra, giám sát tiến độ và kết quả thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ được giao; tăng cường chuyển đổi số, thực hiện công tác thống kê, báo cáo kịp thời, chính xác; định kỳ hàng quý, tổng hợp, đánh giá tình hình thực hiện các nhiệm vụ tại Nghị quyết số 01/NQ-CP, gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, báo cáo Chính phủ.

Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã phối hợp chặt chẽ với Văn phòng Chính phủ và các cơ quan liên quan đôn đốc, theo dõi, kiểm tra tình hình thực hiện Nghị quyết 01/NQ-CP.

Bộ Thông tin và Truyền thông đã chủ trì, phối hợp với Ban Tuyên giáo Trung ương, các cơ quan thông tấn, báo chí, các bộ, ngành và địa phương tổ chức phổ biến, tuyên truyền rộng rãi Nghị quyết số 01/NQ-CP.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU NĂM 2024

Theo báo cáo của các bộ, cơ quan, trong tổng số 71 chỉ tiêu cụ thể cho các ngành, lĩnh vực giao 15 bộ, cơ quan trung ương chủ trì theo dõi, đánh giá⁵, đến nay có 48 chỉ tiêu vượt và đạt mục tiêu phấn đấu năm 2024⁶; 15 chỉ tiêu không đạt⁷; 05 chỉ tiêu không đánh giá⁸ và 03 chỉ tiêu chưa thu thập được đầy đủ số liệu hoặc chưa có cơ sở để đánh giá⁹.

Trong tổng số 168 nhiệm vụ được Chính phủ giao cụ thể cho 17 bộ, cơ quan trung ương¹⁰, đến nay có 70 nhiệm vụ hoàn thành, đạt 41,67%¹¹. Còn lại 98 nhiệm

⁵ Tại Phụ lục số III kèm theo Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 05/01/2024.

⁶ Bộ Công Thương (07/08 chỉ tiêu); Bộ Khoa học và Công nghệ (01/02 chỉ tiêu); Bộ Thông tin và Truyền thông (07/13 chỉ tiêu); Văn phòng Chính phủ (02/09 chỉ tiêu); Bộ Tài nguyên và Môi trường (02/02 chỉ tiêu); Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội (01/01 chỉ tiêu); Bộ Giáo dục và Đào tạo (10/10 chỉ tiêu); Bộ Xây dựng (05/06 chỉ tiêu); Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (01/01 chỉ tiêu); Bộ Y tế (06/07 chỉ tiêu); Bảo hiểm xã hội Việt Nam (02/02 chỉ tiêu); Bộ Kế hoạch và Đầu tư (02/03 chỉ tiêu); Bộ Tài chính (02/02 chỉ tiêu).

⁷ Bộ Công Thương (01 chỉ tiêu); Bộ Thông tin và Truyền thông (04 chỉ tiêu); Văn phòng Chính phủ (07 chỉ tiêu); Bộ Kế hoạch và Đầu tư (01 chỉ tiêu); Bộ Xây dựng (01 chỉ tiêu); Bộ Y tế (01 chỉ tiêu).

⁸ Bộ Nội vụ (03 chỉ tiêu); Bộ Thông tin và Truyền thông (02 chỉ tiêu).

⁹ Bộ Khoa học và Công nghệ (01 chỉ tiêu); Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (02 chỉ tiêu).

¹⁰ Tại Phụ lục số IV kèm theo Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 05/01/2024.

¹¹ Bộ Khoa học và Công nghệ (04/08 nhiệm vụ); Bộ Kế hoạch và Đầu tư (20/30 nhiệm vụ); Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội (01/10 nhiệm vụ); Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (02/09 nhiệm vụ); Bộ Nội

vụ gồm: 15 nhiệm vụ xin lùi thời gian thực hiện¹², 9 nhiệm vụ xin rút khỏi Chương trình¹³; 51 nhiệm vụ các bộ, cơ quan trung ương đang triển khai thực hiện¹⁴, trong đó có 26 nhiệm vụ dự kiến hoàn thành trong tháng 12 hoặc Quý IV/2024¹⁵; 01 nhiệm vụ do nguyên nhân khác¹⁶ và 22 nhiệm vụ chưa báo cáo¹⁷.

(Chi tiết tình hình thực hiện nhiệm vụ được giao xin xem tại Phụ lục kèm theo).

Tình hình thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu của Nghị quyết số 01/NQ-CP như sau:

1. Ưu tiên thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, giữ vững ổn định vĩ mô, kiểm soát lạm phát, bảo đảm các cân đối lớn

a) Điều hành CSTT chủ động, linh hoạt, kịp thời, hiệu quả, phối hợp đồng bộ, hài hòa, chặt chẽ với chính sách tài khóa và các chính sách kinh tế vĩ mô:

Ngân hàng nhà nước (NHNN) điều hành chủ động, linh hoạt, đồng bộ các công cụ chính sách tiền tệ, phối hợp chặt chẽ với chính sách tài khóa và các chính sách kinh tế vĩ mô khác nhằm kiểm soát lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, hỗ trợ phục hồi, phát triển kinh tế, đảm bảo an toàn hệ thống tổ chức tín dụng (TCTD).

- *Điều hành nghiệp vụ thị trường mở linh hoạt, phù hợp với diễn biến thị trường:* duy trì chào mua giấy tờ có giá trên nghiệp vụ thị trường mở hàng ngày với khối lượng, kỳ hạn phù hợp để sẵn sàng hỗ trợ thanh khoản cho các TCTD, ổn định thị trường tiền tệ, qua đó góp phần ổn định kinh tế vĩ mô, hỗ trợ tăng trưởng kinh tế. Tại một số thời điểm tỷ giá chịu áp lực lớn, đã thực hiện phát hành tín phiếu NHNN để hỗ trợ ổn định tỷ giá và thị trường ngoại tệ.

- *Điều hành lãi suất:* tiếp tục chỉ đạo các TCTD tiết giảm chi phí hoạt động để giảm lãi suất cho vay; yêu cầu các TCTD công khai lãi suất cho vay bình quân, chênh lệch lãi suất tiền gửi và cho vay bình quân, thông tin về lãi suất cho vay các gói, chương trình tín dụng, sản phẩm (nếu có) trên trang thông tin điện tử của ngân hàng để khách hàng tham khảo khi tiếp cận vốn vay.

vụ (04/07) nhiệm vụ; Bộ Quốc phòng (02/03 nhiệm vụ); Bộ Tài chính (01/09 nhiệm vụ); Bộ Tài nguyên và Môi trường (12/27 nhiệm vụ); Bộ Tư pháp (01/08 nhiệm vụ); Bộ Thông tin và Truyền thông (11/19 nhiệm vụ); Bộ Xây dựng (08/11 nhiệm vụ); Bộ Y tế (01/06 nhiệm vụ); Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (01/01 nhiệm vụ); Ủy ban Dân tộc (02/07 nhiệm vụ).

¹² Bộ Khoa học và Công nghệ (01 nhiệm vụ); Bộ Kế hoạch và Đầu tư (01 nhiệm vụ); Bộ Tài nguyên và Môi trường (08 nhiệm vụ); Bộ Thông tin và Truyền thông (01 nhiệm vụ); Bộ Xây dựng (02 nhiệm vụ); Ủy ban Dân tộc (01 nhiệm vụ); Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (01 nhiệm vụ).

¹³ Bộ Khoa học và Công nghệ (01 nhiệm vụ); Bộ Kế hoạch và Đầu tư (01 nhiệm vụ); Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (04 nhiệm vụ); Bộ Tài nguyên và Môi trường (02 nhiệm vụ); Bộ Thông tin và Truyền thông (01 nhiệm vụ).

¹⁴ Bộ Công thương (5 nhiệm vụ); Bộ Giáo dục và Đào tạo (04 nhiệm vụ); Bộ Khoa học và Công nghệ (01 nhiệm vụ); Bộ Kế hoạch và Đầu tư (07 nhiệm vụ); Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (02 nhiệm vụ); Bộ Nội vụ (03 nhiệm vụ); Bộ Tài chính (03 nhiệm vụ); Bộ Tài nguyên và Môi trường (05 nhiệm vụ); Bộ Tư pháp (04 nhiệm vụ); Bộ Thông tin và Truyền thông (07 nhiệm vụ); Bộ Xây dựng (01 nhiệm vụ); Bộ Y tế (05 nhiệm vụ); Ủy ban Dân tộc (04 nhiệm vụ).

¹⁵ Bộ Giáo dục và Đào tạo (04 nhiệm vụ); Bộ Khoa học và Công nghệ (01 nhiệm vụ); Bộ Kế hoạch và Đầu tư (06 nhiệm vụ); Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (01 nhiệm vụ); Bộ Nội vụ (03 nhiệm vụ); Bộ Tài chính (03 nhiệm vụ); Bộ Tài nguyên và Môi trường (03 nhiệm vụ); Bộ Thông tin và Truyền thông (05 nhiệm vụ).

¹⁶ Bộ Khoa học và Công nghệ (01 nhiệm vụ Tích hợp vào dự thảo Nghị định phủ quy định một số nội dung về đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp sáng tạo và dự thảo Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (sửa đổi)

¹⁷ Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội (09 nhiệm vụ), Bộ Ngoại giao (04 nhiệm vụ); Bộ Quốc phòng (01 nhiệm vụ); Bộ Tài chính (05 nhiệm vụ); Bộ Thông tin và Truyền thông (03 nhiệm vụ).

- *Điều hành tỷ giá*¹⁷: tiếp tục điều hành tỷ giá linh hoạt, phù hợp; phối hợp đồng bộ các công cụ CSTT để hạn chế áp lực tỷ giá; thực hiện bán ngoại tệ cho các TCTD để hỗ trợ thanh khoản cho thị trường, bình ổn tỷ giá và thị trường ngoại tệ. Nhờ đó, thị trường ngoại tệ duy trì ổn định, thanh khoản ngoại tệ thông suốt, các nhu cầu ngoại tệ hợp pháp, hợp lệ của nền kinh tế được đáp ứng đầy đủ; tỷ giá diễn biến linh hoạt, phù hợp; mức mất giá của VND phù hợp với xu hướng chung của các đồng tiền trong khu vực và trên thế giới.

- *Phối hợp chặt chẽ với chính sách tài khóa và các chính sách khác*: NHNN và Bộ Tài chính cũng thường xuyên trao đổi các thông tin về thị trường tiền tệ, thị trường trái phiếu Chính phủ, việc điều hành ngân quỹ của Kho bạc Nhà nước để tăng cường sự phối hợp giữa công tác điều hành CSTT và chính sách tài khóa.

Triển khai đồng bộ các giải pháp để xử lý tình trạng chênh lệch ở mức cao giữa giá vàng miếng trong nước và vàng quốc tế. Triển khai các phiên đấu thầu bán vàng miếng và bán vàng miếng SJC trực tiếp. Kết quả là qua 9 phiên đấu thầu bán vàng miếng và 46 phiên bán vàng miếng SJC trực tiếp (tính đến 18/11/2024), NHNN đã cung ứng ra thị trường 359.800 lượng vàng SJC (khoảng 13,49 tấn vàng). Chênh lệch giá bán vàng miếng trong nước so với giá thế giới đã giảm, hiện chỉ còn chênh khoảng 3-5 triệu đồng/lượng so với giá vàng thế giới (khoảng 5%-7%).

- *Các giải pháp điều hành tín dụng được điều hành chủ động, linh hoạt, phù hợp với diễn biến kinh tế vĩ mô, lạm phát, đáp ứng nhu cầu vốn cho nền kinh tế*: NHNN đã giao toàn bộ chỉ tiêu tăng trưởng tín dụng năm 2024 cho các TCTD và thông báo công khai nguyên tắc xác định để TCTD chủ động thực hiện; chủ động điều chỉnh chỉ tiêu tăng trưởng tín dụng cho các TCTD, đồng thời nghiên cứu dỡ bỏ dần biện pháp giao chỉ tiêu tăng trưởng tín dụng; yêu cầu các TCTD thực hiện nghiêm túc các chỉ đạo về hoạt động tiền tệ, tín dụng, các quy định về cấp tín dụng. Tăng trưởng tín dụng an toàn, hiệu quả, lành mạnh, hạn chế nợ xấu gia tăng và phát sinh, đảm bảo an toàn hoạt động của TCTD; hướng tín dụng vào các lĩnh vực sản xuất, lĩnh vực ưu tiên, lĩnh vực là động lực tăng trưởng kinh tế theo chủ trương của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; kiểm soát chặt chẽ đối với lĩnh vực tiềm ẩn rủi ro. Tăng cường biện pháp rủi ro tín dụng, đảm bảo chất lượng tín dụng. Đến đầu tháng 12/2024, tín dụng toàn nền kinh tế tăng khoảng 12% so với cuối năm 2023.

Đẩy mạnh triển khai các chương trình, chính sách tín dụng đối với các lĩnh vực ưu tiên, các động lực tăng trưởng, tạo việc làm cho người dân¹⁸...

¹⁷ Năm 2024, thị trường ngoại tệ và tỷ giá chịu áp lực lớn, đa chiều và thay đổi nhanh chóng. Trong quý II/2024, thị trường và tỷ giá chịu áp lực tăng do Fed duy trì lãi suất cao, đồng USD tăng giá mạnh, chênh lệch lãi suất VND và USD duy trì âm và cung cầu thị trường trong nước kém thuận lợi. Sang quý III/2024, tỷ giá có xu hướng giảm nhờ tâm lý thị trường cải thiện với kỳ vọng Fed đẩy nhanh lộ trình hạ lãi suất, USD quốc tế hạ nhiệt, cân đối cung cầu cải thiện so với đầu năm và các biện pháp ổn định thị trường của NHNN. Tuy nhiên, từ đầu tháng 10 đến nay, tỷ giá có xu hướng tăng do áp lực quốc tế và trong nước quay trở lại.

¹⁸ Như: (i) Chương trình 120.000 tỷ đồng cho vay lãi suất ưu đãi đối với chủ đầu tư, người mua nhà các Dự án nhà ở xã hội, nhà ở công nhân, dự án cải tạo, xây dựng lại chung cư cũ. (ii) Chương trình cho vay đối với lĩnh vực lâm sản, thủy sản (quy mô ban đầu là 15.000 tỷ đồng, sau nâng lên thành 30.000 tỷ đồng và hiện quy mô đã lên tới 60.000 tỷ đồng); (iii) Chương trình tín dụng hỗ trợ liên kết sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm lúa gạo chất lượng cao và phát thải thấp vùng đồng bằng sông Cửu Long theo Quyết định 1490/QĐ-TTg.

b) Giữ chắc và theo dõi sát diễn biến tình hình kinh tế, giá cả, lạm phát thế giới, khu vực, tăng cường năng lực phân tích dự báo, có phản ứng chính sách kịp thời, phù hợp, hiệu quả với các vấn đề mới phát sinh, bảo đảm các cân đối lớn, nhất là về lương thực, năng lượng...

Lạm phát chịu áp lực tăng trong những tháng đầu năm chủ yếu do tác động của xu hướng tăng giá lương thực theo giá thế giới, giá điện, y tế, giá thuê nhà; tuy nhiên giá dầu giảm mạnh từ đầu quý III khiến lạm phát tăng chậm lại (lạm phát so với cùng kỳ T10/2024: 2,89% T9/2024: 2,63%; T8/2024: 3,45%; T5/2024: 4,4%; T12/2023: 3,58%). Bình quân 10 tháng đầu năm 2024, lạm phát chung là 3,78% - trong giới hạn mục tiêu. Ước cả năm 2024, lạm phát bình quân 2024 dưới 4%.

Về giá mặt hàng xăng, dầu: Bộ Tài chính đã phối hợp với Bộ Công Thương theo dõi chặt chẽ diễn biến giá xăng, dầu thế giới để điều hành giá xăng, dầu trong nước phù hợp với tình hình thị trường. Tính đến ngày 21/11/2024, Bộ Công Thương đã ban hành 03 lần điều hành giá xăng dầu. So với đầu năm 2024 (kỳ điều hành ngày 04/01/2024 và ngày 21/11/2024), giá tối đa mặt hàng xăng giảm từ 1.369-1.666 đồng/lít, tương đương giảm khoảng 6,37%-7,93%, dầu diesel giảm 868 đồng/lít, tương đương giảm 4,48%, dầu mazut tăng nhẹ 515 đồng/kg, tương đương tăng 3,32%, mặt hàng dầu hỏa giảm 1.037 đồng/lít, tương đương giảm 5,2%. **Đề nghị Bộ Tài chính, Bộ Công Thương, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam báo cáo thêm đối với nội dung này.**

c) Tăng cường công tác xúc tiến thương mại; tiếp tục đa dạng hóa thị trường xuất khẩu, sản phẩm, chuỗi cung ứng; củng cố và mở rộng thị phần hàng hóa Việt Nam tại các thị trường truyền thống

Bộ Công Thương đã triển khai đồng bộ, hiệu quả các công cụ chính sách nhằm đẩy mạnh và củng cố thị trường xuất khẩu. Nghiên cứu các thông tin thị trường, chính sách xuất nhập khẩu của các nước để kịp thời thông tin cho doanh nghiệp, hỗ trợ các doanh nghiệp khai thác hiệu quả các FTA; theo dõi sát tình hình của các thị trường xuất khẩu lớn, truyền thống của Việt Nam để kịp thời đề xuất các giải pháp tháo gỡ khó khăn; đẩy nhanh thông quan hàng hóa, nâng cao hiệu quả hoạt động xuất nhập khẩu tại khu vực cửa khẩu, đặc biệt là đối với các mặt hàng nông sản, thủy sản có tính chất thời vụ; chuyên nhanh, chuyển mạnh sang xuất khẩu chính ngạch; xây dựng và hoàn thiện các quy định pháp lý về thương mại biên giới, đặt biệt là với thị trường Trung Quốc¹⁹ để tạo thuận lợi cho các hoạt động thương mại biên giới; đa dạng hóa thị trường nhập khẩu; từng bước cải thiện cán cân thương mại với các thị trường theo hướng cân bằng hơn; kịp thời thông báo, tuyên truyền nâng cao nhận thức của các nhà sản xuất, xuất khẩu về các loại rào cản của các nước nhập khẩu.

Tập trung đẩy mạnh các hoạt động xúc tiến thương mại (XTTM) và xúc tiến

¹⁹ Xây dựng và trình Chính phủ văn bản (i) Nghị định số 122/2024/NĐ-CP ngày 04/10/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 14/2018/NĐ-CP năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết về hoạt động thương mại biên giới; (ii) Thông tư số 17/2024/TT-BCT ngày 08/10/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 22/2019/TT-BCT ngày 12/11/2019 quy định về việc tạm ngừng kinh doanh chuyên khẩu, kinh doanh tạm nhập tái xuất gỗ dán vào Việt Nam để tái xuất sang Hoa Kỳ; (ii) Thông tư số 18/2024/TT-BCT ngày 08/10/2024 quy định về Danh mục phế liệu tạm ngừng kinh doanh tạm nhập, tái xuất, chuyển khẩu.

xuất khẩu đối với các thị trường trọng điểm, tận dụng tối đa dư địa xuất khẩu do các FTA mang lại, đặc biệt là các FTA thế hệ mới với như CPTPP, EVFTA, RCEP; phối hợp với các đơn vị liên quan hỗ trợ doanh nghiệp thực hiện các hoạt động XTTM tại các thị trường mới, thị trường tiềm năng mà các doanh nghiệp chưa trực tiếp triển khai được hoạt động XTTM như Đông Âu, Bắc Âu, Ấn Độ, Trung Đông, châu Phi, Mỹ La-tinh nhằm mang tính bền vững, cân bằng hơn, đảm bảo thị trường ổn định, lâu dài cho hoạt động xuất khẩu, nâng cao hiệu quả của toàn bộ nền kinh tế; chủ trì, phối hợp với các cơ quan Chính phủ nước ngoài, cơ quan XTTM nước ngoài, Thương vụ Việt Nam tại nước ngoài tổ chức các hội thảo, tọa đàm, sự kiện kết nối giao thương để giúp các doanh nghiệp Việt Nam và nước ngoài có cơ hội tìm hiểu thị trường, kết nối các đối tác kinh doanh, đầu tư triển vọng²⁰. Thông qua các hoạt động XTTM, đã có hàng nghìn doanh nghiệp Việt Nam được hưởng lợi khi tham gia các chương trình; rất nhiều doanh nghiệp đã có cơ hội gặp gỡ, kết nối với các đối tác, quảng bá, giới thiệu sản phẩm đến các đối tác, doanh nghiệp, nhà nhập khẩu nước ngoài, ký kết hợp đồng xuất khẩu...

Bộ Công Thương đã phối hợp với các UBND tỉnh, thành phố tổ chức chuỗi Hội nghị XTTM và phát triển xuất nhập khẩu các vùng KTXH, tăng cường hỗ trợ xây dựng và triển khai các triển khai các hoạt động XTTM tập trung, quy mô lớn, mang tính liên kết vùng cho sản phẩm, ngành hàng có thế mạnh của vùng tại các thị trường mục tiêu, tăng cường sự phối kết hợp nguồn lực từ các hoạt động xúc tiến và từ các cơ quan bộ, ngành, địa phương, doanh nghiệp, tổ chức quốc tế, kết hợp có hiệu quả các hoạt động XTTM với xúc tiến đầu tư, văn hóa, du lịch...

Tập trung thực hiện các chương trình, hoạt động kết nối cung - cầu, tìm kiếm thị trường xuất khẩu²¹. Vận dụng các kênh đối thoại ngoại giao và thông qua hệ thống các thương vụ của Việt Nam tại nước ngoài, đặc biệt là tại các thị trường lớn để tích cực tìm kiếm những cơ hội, đơn hàng mới cho các ngành công nghiệp

²⁰ Cụ thể: (i) Phối hợp với Bộ Kinh tế và Công nghiệp Bulgaria, Phòng Thương mại và Công nghiệp Bulgaria tổ chức Tọa đàm Hợp tác thương mại và đầu tư Việt Nam – Bulgaria tại Bulgaria; (ii) phối hợp với Bộ Thương mại và Hội nhập quốc tế Kazakhstan tổ chức Tọa đàm Hợp tác thương mại và đầu tư Việt Nam – Kazakhstan tại Kazakhstan; (iii) phối hợp với Trung tâm ASEAN – Nhật Bản tổ chức Hội thảo Xu hướng sử dụng bao bì bền vững và xuất khẩu nông sản tại TP. Hồ Chí Minh; (iv) phối hợp với Cơ quan Hỗ trợ Thương mại Pháp tổ chức Tọa đàm Giới thiệu môi trường đầu tư, kinh doanh ở Việt Nam và Pháp tại TP. Hà Nội; (v) phối hợp với Chi nhánh Thương vụ Việt Nam tại Viễn Đông, LB Nga tổ chức Hội nghị Gặp gỡ, trao đổi thương mại giữa doanh nghiệp Việt Nam và doanh nghiệp vùng Viễn Đông, Liên bang Nga; (vi) phối hợp với Ủy ban XTTM tỉnh Tứ Xuyên tổ chức Hội nghị XTTM và Kết nối giao thương doanh nghiệp Việt Nam – Tứ Xuyên (Trung Quốc); (vii) phối hợp với Ủy ban XTTM tỉnh Sơn Đông tổ chức Hội nghị XTTM, Đầu tư và kết nối giao thương doanh nghiệp Việt Nam – Sơn Đông (Trung Quốc).

²¹ (i) Chương trình giới thiệu sản phẩm thương hiệu Việt Nam tại Quảng Tây (tháng 9/2024); (ii) Tổ chức đoàn giao thương, xúc tiến thương mại, tham gia triển lãm quốc tế WorldFood Istanbul 2024 tại Thổ Nhĩ Kỳ; (iii) Tổ chức Hội thảo kết nối doanh nghiệp Việt Nam – Bangladesh; (iv) Tổ chức đoàn xúc tiến thương mại và diễn đàn doanh nghiệp Việt Nam - Ấn Độ tại thị trường Ấn Độ; (v) Tổ chức Hội thảo kết nối doanh nghiệp Việt Nam – Singapore tận dụng Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP); (vi) Tổ chức Hội thảo giao thương kết nối doanh nghiệp Việt Nam – Indonesia tại Indonesia; (vii) Tổ chức Hội thảo giao thương kết nối doanh nghiệp Việt Nam – Malaysia tại Malaysia; (viii) Tổ chức Đoàn giao dịch thương mại mặt hàng gạo tại thị trường Trung Quốc; (ix) Đoàn doanh nghiệp Việt Nam tham gia Hội chợ ẩm thực, đồ uống châu Á – ACE 2024 tại Trung Quốc; (x) Chương trình giới thiệu sản phẩm thương hiệu Việt Nam tại Chiết Giang; (xi) Tổ chức Hội thảo giao thương kết nối doanh nghiệp Việt Nam – Thái Lan tại Thái Lan; (xii) Phối hợp với UBND tỉnh Long An tổ chức Hội nghị kết nối chuỗi cung ứng hàng hóa xuất nhập khẩu tỉnh Long An; (xiii) Phối hợp với UBND tỉnh Cà Mau tổ chức Hội nghị kết nối giao thương sản phẩm xuất khẩu, OCOP tỉnh Cà Mau; (xiv) Tổ chức đoàn công tác đi Hàn Quốc tham gia Hội thảo kết nối doanh nghiệp Việt Nam – Hàn Quốc để tận dụng lợi thế của Hiệp định EVFTA.

xuất khẩu, tìm kiếm, mở rộng thêm thị trường xuất khẩu mới bên cạnh các thị trường truyền thống; Ưu tiên khai thác và tận dụng tối đa các cơ hội từ các thị trường xuất khẩu trọng điểm, chiến lược.

Phối hợp với các bên liên quan, hiệp hội, doanh nghiệp, địa phương triển khai các Chiến lược phát triển các khu vực thị trường (gồm Hoa Kỳ, EU, Mỹ la tinh, Nhật Bản, Trung Quốc, Hàn Quốc và SNG) tới năm 2030, theo đó đồng bộ thực hiện các giải pháp về thông tin thị trường, tận dụng FTA đã ký kết, cũng như các khung khổ hợp tác sẵn có để đa dạng hóa thị trường, mặt hàng và kênh phân phối; tích cực tìm kiếm những cơ hội, đơn hàng mới cho các ngành công nghiệp xuất khẩu, tìm kiếm, mở rộng thêm thị trường xuất khẩu mới bên cạnh các thị trường truyền thống; Ưu tiên khai thác và tận dụng tối đa các cơ hội từ các thị trường xuất khẩu trọng điểm, chiến lược.

Đẩy mạnh triển khai hoạt động hợp tác quốc tế trong lĩnh vực XTTM nhằm thiết lập và thúc đẩy quan hệ với các tổ chức XTTM quốc tế và các cơ quan XTTM nước ngoài để làm nền tảng cho việc thúc đẩy thương mại giữa Việt Nam với nước đối tác và hỗ trợ các doanh nghiệp Việt Nam tìm kiếm đối tác, thâm nhập và mở rộng thị trường²².

d) Đẩy mạnh phát triển thị trường nội địa, triển khai hiệu quả các chương trình, đề án về phát triển thị trường trong nước

Bộ Công thương đã chủ trì phối hợp với các Bộ, ngành địa phương theo dõi sát diễn biến tình hình thị trường, bảo đảm đủ nguồn cung các mặt hàng thiết yếu phục vụ nhu cầu người dân, nhất là trong các dịp cao điểm lễ, Tết, không để xảy ra tình trạng thiếu hàng, sốt giá; Phối hợp với các đơn vị truyền thông cung cấp thông tin đầy đủ đến người dân về tình hình giá cả thị trường, các điểm bán hàng bình ổn, tình hình nguồn cung... để tạo tâm lý ổn định cho người tiêu dùng, xử lý kịp thời các thông tin sai lệch gây tâm lý bất ổn cho người tiêu dùng.

Phối hợp với các Sở Công Thương, hiệp hội, ngành hàng thực hiện nghiêm, hiệu quả các văn bản chỉ đạo nhằm đẩy mạnh tiêu thụ nông sản của các tỉnh, triển khai các hoạt động hỗ trợ thu mua, chế biến để tiêu thụ các mặt hàng nông sản của các địa phương có sản lượng nông sản lớn đang và sắp vào vụ thu hoạch, đẩy mạnh công tác hỗ trợ xúc tiến tiêu thụ nông sản trong và ngoài nước...²³.

²² Bộ Công thương đã đàm phán, tổ chức lễ ký kết 07 Bản ghi nhớ (MOU) về hợp tác trong triển khai hoạt động XTTM giữa Cục XTTM và các cơ quan XTTM nước ngoài để làm cơ sở thúc đẩy, triển khai hoạt động XTTM giữa Cục XTTM và đối tác, bao gồm: Cơ quan Thương mại và Đầu tư Chính phủ Australia (Austrade); Cơ quan hỗ trợ kinh doanh Pháp (Business France); Cơ quan Xúc tiến ngoại thương Costa Rica (PROCOMER); Sở Thương mại Khu tự trị dân tộc Choang Quảng Tây, Trung Quốc; Hội đồng Phát triển Thương mại Hồng Kông (HKTDCC); Cơ quan Phát triển Kinh doanh Slovenia (SPIRIT Slovenia); Trung tâm Xúc tiến xuất khẩu Moscow, LB Nga; Tiếp tục đẩy mạnh triển khai các hoạt động hợp tác đa phương trong khuôn khổ các tổ chức mà Bộ (Cục XTTM) là thành viên bao gồm: Trung tâm Xúc tiến thương mại, Đầu tư và Du lịch ASEAN - Nhật Bản (AJC), Trung tâm Xúc tiến thương mại, Đầu tư, Văn hóa và Du lịch ASEAN – Hàn Quốc (AKC), Diễn đàn Xúc tiến thương mại châu Á (ATPF).

²³ Bộ Công Thương đã hỗ trợ, chỉ đạo, hướng dẫn, phối hợp với các đơn vị liên quan và Sở Công Thương các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tích cực kêu gọi các doanh nghiệp phân phối lớn, các HTX, các chợ đầu mối căn cứ tình hình hoạt động và nhu cầu kinh doanh của doanh nghiệp, xây dựng chương trình hỗ trợ thu mua, chế biến để tiêu thụ các mặt hàng nông sản của các địa phương có sản lượng nông sản lớn đang và sắp vào vụ thu hoạch. Ngoài ra còn tham dự Lễ hội thu hoạch hành, tới thị xã Kinh Môn năm 2024; Hội nghị xúc tiến tiêu thụ vải thiều và nông sản tỉnh Hải Dương với hệ thống thương vụ VN và doanh nghiệp nước ngoài; Tham dự cuộc họp lần thứ nhất

Tiếp tục triển khai hiệu quả các chương trình, Đề án về phát triển thị trường trong nước, như: Đề án phát triển thị trường trong nước gắn với Cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”; Đề án “Đổi mới phương thức kinh doanh tiêu thụ nông sản giai đoạn 2021 - 2025 định hướng đến năm 2030”; triển khai việc hỗ trợ xây dựng điểm bán và giới thiệu sản phẩm OCOP tại một số địa phương theo Chương trình OCOP... Tăng cường các hoạt động cung cấp thông tin thị trường và hoạt động nâng cao năng lực triển khai các hoạt động xúc tiến thương mại trên nền tảng số cho các địa phương, hiệp hội ngành hàng, doanh nghiệp, hợp tác xã nhằm tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong xúc tiến thương mại.

Bộ Công Thương đang chủ trì phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng Quyết định thay thế Quyết định số 34/2018/QĐ-TTg ngày 10/8/2018 của Thủ tướng Chính phủ; Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 98/2020/NĐ-CP ngày 26/8/2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thương mại, sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng cấm và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.

Kiểm tra, kiểm soát thị trường có trọng tâm, hiệu lực, hiệu quả, nhất là các lĩnh vực, mặt hàng thiết yếu tác động lớn đến kinh tế - xã hội, sản xuất trong nước và quyền lợi người tiêu dùng; đấu tranh, xử lý nghiêm các hành vi buôn lậu, gian lận thương mại, hàng giả, đầu cơ, thao túng, tăng giá bất hợp lý. Tập trung đẩy mạnh công tác ứng phó với các vụ việc phòng vệ thương mại do nước ngoài điều tra và áp dụng đối với hàng xuất khẩu của Việt Nam. Bộ Công Thương đã phối hợp với các hiệp hội, ngành hàng theo dõi sát sao tình hình nhập khẩu các mặt hàng chủ chốt để đảm bảo thị trường trong nước phát triển lành mạnh, hướng dẫn các doanh nghiệp sản xuất trong nước nộp hồ sơ yêu cầu điều tra áp dụng biện pháp phòng vệ thương mại khi có dấu hiệu hàng hóa nhập khẩu gia tăng nhanh gây thiệt hại cho ngành sản xuất trong nước theo đúng các quy định của pháp luật Việt Nam và WTO.

Nhìn chung, thị trường hàng hóa trong nước cơ bản giữ vững ổn định, cung cầu hàng hóa được giữ vững, mặt hàng thiết yếu khác, nguồn cung ổn định nên giá không có biến động lớn, một số mặt hàng nhóm nhiên liệu năng lượng giá biến động theo giá thế giới như xăng dầu, LPG, qua đó, có đóng góp quan trọng thực hiện mục tiêu kiểm soát lạm phát của Chính phủ.

d) Đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân vốn đầu tư công, đặc biệt là các dự án trọng điểm, quan trọng quốc gia, đường cao tốc, liên vùng, ven biển và các chương trình mục tiêu quốc gia

Để thực hiện thắng lợi mục tiêu đề ra, các bộ, cơ quan trung ương và địa phương xác định việc giải ngân vốn đầu tư công là một nhiệm vụ chính trị trọng tâm cần sự tham gia của tất cả các cấp, các ngành ngay từ những tháng đầu năm để giải ngân đạt trên 95%, phấn đấu giải ngân 100% kế hoạch đầu tư công được Thủ

tướng Chính phủ giao và hoàn thành 3.000 km đường cao tốc.

Chủ động lựa chọn, phân bổ và giao chi tiết kế hoạch đầu tư vốn NSNN năm 2025 ngay sau khi được Thủ tướng Chính phủ giao kế hoạch năm 2025 cho các nhiệm vụ, dự án đã đủ thủ tục đầu tư, đủ điều kiện giải ngân; bảo đảm các nguyên tắc, thứ tự ưu tiên bố trí vốn theo quy định tại Luật Đầu tư công, các Nghị quyết của Quốc hội về dự toán NSNN và phân bổ NSTW năm 2025; Hoàn thành các thủ tục đề thu hồi vốn ứng trước, thanh toán nợ đọng xây dựng cơ bản của các dự án (nếu có) trong Quý I năm 2025.

Các bộ, cơ quan trung ương và địa phương thực hiện xây dựng kế hoạch giải ngân theo từng tháng, quý cho từng nhiệm vụ, dự án; Phân công Lãnh đạo chịu trách nhiệm theo dõi tiến độ thực hiện và giải ngân của từng nhiệm vụ, dự án theo kế hoạch đã đặt ra, đôn đốc, kịp thời tháo gỡ khó khăn cho từng dự án; Kết quả giải ngân của từng nhiệm vụ, dự án được phân công theo dõi là căn cứ để đánh giá, bình xét thi đua của các cấp, các ngành và mức độ hoàn thành nhiệm vụ năm 2025 người đứng đầu.

Về công tác GPMB: (i) Tập trung cho công tác Quy hoạch, xây dựng bảng giá đất, kế hoạch sử dụng đất và khai thác quỹ đất để phát triển kết cấu hạ tầng một cách hiệu quả, tiết kiệm nhất; (ii) Tăng cường tuyên truyền, vận động nhân dân, phát huy vai trò của các cấp ủy, Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể chính trị - xã hội... tham gia vào công tác dân vận để có sự đồng thuận lớn trong việc bồi thường GPMB; (iii) Các địa phương và các chủ đầu tư phải đảm bảo mặt bằng sạch khi triển khai thi công dự án.

Các bộ quản lý ngành, lĩnh vực theo phân công có phương án bảo đảm vật liệu xây dựng (đất, đá, cát...) đáp ứng đầy đủ, kịp thời nhu cầu của các dự án giao thông quan trọng quốc gia, có tính liên vùng; hướng dẫn các bộ, địa phương về quy trình cấp phép mỏ, khai thác nguyên vật liệu đá, cát, đất, sỏi, cát biển cho dự án đầu tư công bảo đảm nhanh, hiệu quả, đúng quy định của pháp luật. Thường xuyên theo dõi bám sát diễn biến thị trường vật liệu xây dựng, đặc biệt là vật liệu chủ yếu phục vụ dự án đầu tư công, đề xuất các giải pháp để bảo đảm cung cầu hàng hóa, giá cả vật liệu xây dựng.

e) Đẩy mạnh quảng bá, xúc tiến du lịch

Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã tổ chức nhiều hoạt động nhằm quảng bá, xúc tiến du lịch như: Tổ chức Hội thi hướng dẫn viên giỏi toàn quốc tại tỉnh Điện Biên; Liên hoan ẩm thực toàn quốc nhân sự kiện Năm Du lịch quốc gia Điện Biên 2024; chuẩn bị tổ chức Bế mạc Năm Du lịch Quốc gia (DLQG) 2024 tại tỉnh Bình Thuận; xây dựng Đề án tổ chức Năm du lịch quốc gia 2025 tại tỉnh Thừa Thiên Huế; xây dựng Kế hoạch và Đề án tổ chức Hội nghị quốc tế về Du lịch nông thôn của UN Tourism.

Ban hành Quy chế thực hiện nhiệm vụ xúc tiến quảng bá và hỗ trợ phát triển du lịch từ nguồn ngân sách nhà nước cấp cho Quỹ hỗ trợ phát triển du lịch; Kế hoạch tổ chức Hội nghị triển khai điều tra tài nguyên du lịch năm 2024 tại thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Triển khai Chương trình “Tổ chức các hoạt động liên kết phát triển du lịch TP. Hồ Chí Minh và các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long”. Tổ

chức Hội nghị hợp tác du lịch Việt Nam - Đài Loan. Triển khai công tác liên quan đến các Hội chợ du lịch²⁴; Đón các đoàn doanh nghiệp, báo chí, người có tầm ảnh hưởng quốc tế khảo sát du lịch Việt Nam tại một số thị trường trọng điểm. Phối hợp thực hiện các nội dung về việc tổ chức Festival sâm Ngọc Linh lần thứ 1 năm 2024.

Tổ chức Hội nghị công bố “Quy hoạch mạng lưới cơ sở văn hóa và thể thao, Quy hoạch hệ thống du lịch thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045”. Xây dựng Đề án thành lập Văn phòng xúc tiến du lịch Việt Nam tại một số thị trường trọng điểm ở nước ngoài; Đề án thành lập Văn phòng xúc tiến du lịch Việt Nam tại Lào.

2. Tiếp tục rà soát, hoàn thiện thể chế, pháp luật, cơ chế, chính sách gắn với nâng cao hiệu lực, hiệu quả tổ chức thực hiện pháp luật; đẩy mạnh cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, quy định kinh doanh

a) Rà soát, hoàn thiện thể chế, pháp luật, cơ chế, chính sách gắn với nâng cao hiệu lực, hiệu quả tổ chức thực hiện pháp luật

Công tác xây dựng, hoàn thiện thể chế là một trong ba đột phá chiến lược tiếp tục được nêu tại Đại hội XIII của Đảng. Trong năm 2024, Bộ Tư pháp đã chủ trì xây dựng, trình Chính phủ trình Quốc hội thông qua 02 luật, 01 nghị quyết tại kỳ họp thứ 7 Quốc hội khóa XV²⁵; tiếp tục nghiên cứu xây dựng 03 luật để trình Quốc hội thông qua và cho ý kiến tại các Kỳ họp tiếp theo²⁶; hoàn thiện hồ sơ 02 luật đề nghị bổ sung vào Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2025 của Quốc hội theo quy định²⁷; tham mưu trình Chính phủ ban hành 05 nghị định. Bên cạnh đó, Bộ Tư pháp đã phối hợp với các Bộ, ngành xây dựng, hoàn thiện để giúp Chính phủ trình Quốc hội thông qua 28 luật; cho ý kiến đối với 10 luật khác.

Để công tác xây dựng pháp luật đạt hiệu quả cao, Bộ Tư pháp cùng với Văn phòng Chính phủ tham mưu cho Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ưu tiên dành nhiều thời gian cho công tác xây dựng pháp luật, thảo luận và cho ý kiến về dự thảo văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL) tại các Phiên họp thường kỳ và nhiều Phiên họp chuyên đề về xây dựng pháp luật (từ đầu năm đến nay đã tổ chức 09 Phiên); tổ chức Hội nghị trực tuyến toàn quốc về công tác xây dựng và hoàn thiện thể chế, qua đó xác định nhiều phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp quan trọng nhằm tiếp tục đổi mới, tạo chuyển biến mạnh mẽ công tác xây dựng pháp luật.

Công tác thẩm định đề nghị xây dựng, dự án, dự thảo VBQPPL luôn được chú trọng nâng cao chất lượng, đẩy nhanh về tiến độ. Từ 01/01/2024 đến giữa tháng 11/2024, Bộ Tư pháp đã có ý kiến thẩm định đối với 29 đề nghị xây dựng

²⁴ Hội chợ ITB 2025; Hội chợ WTM 2024 tại Anh; Hội chợ CITM 2024

²⁵ Gồm: Luật Thủ đô (sửa đổi); Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản; Nghị quyết số 129/2024/QH15 ngày 08/6/2024 về Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2025, điều chỉnh Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2024.

²⁶ Gồm: dự thảo Luật Công chứng (sửa đổi) để trình Quốc hội XV thông qua tại kỳ họp thứ 8; xây dựng Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi), Luật Tương trợ tư pháp về dân sự để trình Quốc hội XV cho ý kiến tại kỳ họp thứ 9. Hoàn thiện dự thảo Luật Công chứng (sửa đổi) để trình Quốc hội XV thông qua tại kỳ họp thứ 8; xây dựng dự thảo Luật Ban hành VBQPPL (sửa đổi) để trình Quốc hội cho ý kiến, thông qua tại Kỳ họp thứ 9; xây dựng Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi), Luật Tương trợ tư pháp về dân sự, Luật Luật sư (sửa đổi), Luật Giám định tư pháp (sửa đổi) để trình Quốc hội XV cho ý kiến tại kỳ họp thứ 9.

²⁷ Xây dựng dự thảo Luật Ban hành VBQPPL (sửa đổi) để trình Quốc hội cho ý kiến, thông qua tại Kỳ họp thứ 9; xây dựng Luật Luật sư (sửa đổi) để trình Quốc hội XV cho ý kiến tại kỳ họp thứ 9.

văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL) (gồm: 13 luật, 14 nghị quyết của Quốc hội, 02 nghị định); 158 dự án, dự thảo VBQPPL (gồm: 16 luật, 08 nghị quyết của Quốc hội, 02 nghị quyết của Ủy ban Thường vụ quốc hội, 02 nghị quyết liên tịch, 01 pháp lệnh, 106 nghị định, 23 quyết định). Nhiều ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp được các cơ quan, người có thẩm quyền ban hành VBQPPL đánh giá cao, coi là ý kiến quan trọng để quyết định ban hành văn bản.

Bên cạnh đó, Bộ Tư pháp tiếp tục theo dõi, đôn đốc, phối hợp chặt chẽ với các Bộ, cơ quan liên quan trong việc xây dựng văn bản quy định chi tiết các luật, nghị quyết đã được Quốc hội thông qua tại kỳ họp thứ 6, thứ 7; báo cáo Chính phủ về tình hình xây dựng, ban hành văn bản quy định chi tiết trình Chính phủ tại các Phiên họp thường kỳ. Tính đến ngày 07/11/2024, tổng số văn bản chậm chưa ban hành (trừ những văn bản chậm ban hành có lý do khách quan) là 11 văn bản (gồm: 09 nghị định, 02 thông tư).

Công tác kiểm tra, rà soát VBQPPL tiếp tục được tăng cường chỉ đạo, nâng cao chất lượng và hiệu quả thực hiện²⁸. Bộ Tư pháp đã tiếp nhận, phân loại kiểm tra đối với 2.794 văn bản (gồm 236 văn bản của cơ quan cấp bộ và 2.558 văn bản của chính quyền cấp tỉnh)²⁹; tổ chức, triển khai thực hiện việc kiểm tra văn bản do các bộ cơ quan ngang bộ và chính quyền cấp tỉnh ban hành theo 03 chuyên đề³⁰; tổ chức các đoàn kiểm tra liên ngành kiểm tra công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa VBQPPL tại các bộ, ngành, địa phương³¹. Thực hiện tốt vai trò tham mưu cho Thủ tướng Chính phủ trong thành lập, giữ vai trò thường trực giúp việc Ban Chỉ đạo rà soát, xử lý vướng mắc trong hệ thống VBQPPL và Tổ công tác của Thủ tướng Chính phủ về rà soát VBQPPL theo Kế hoạch hoạt động đã đề ra.

Công tác thi hành án dân sự tiếp tục đạt được nhiều kết quả tích cực, năm 2024 đạt mức cao nhất từ trước đến nay, nhất là thu hồi tài sản trong các vụ án hình sự về tham nhũng, kinh tế. Công tác phổ biến, giáo dục pháp luật (PBGDPL) có nhiều đổi mới theo phương châm hướng về cơ sở và phát huy sự vào cuộc thực chất của cả hệ thống chính trị. Kịp thời tham mưu hướng dẫn, chỉ đạo triển khai PBGDPL các luật, nghị quyết, các văn bản quy phạm pháp luật mới ban hành.

Công tác theo dõi thi hành pháp luật tiếp tục được triển khai thực hiện có trọng tâm, trọng điểm, bám sát các lĩnh vực trọng tâm, liên ngành. Bộ Tư pháp đã tham mưu trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch theo dõi tình hình thi

²⁸ Ban cán sự đảng Bộ Tư pháp đã ban hành văn bản gửi Ban cán sự đảng các bộ, cơ quan ngang bộ, Ban thường vụ các tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc Trung ương về việc tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác kiểm tra, rà soát VBQPPL (Công văn số 825-CV/BCSĐ ngày 19/7/2024); Nghị quyết “Về tiếp tục nâng cao chất lượng, hiệu quả thực hiện công tác kiểm tra, rà soát văn bản quy phạm pháp luật” (Nghị quyết số 133-NQ/BCSĐ ngày 17/9/2024).

²⁹ Số liệu tính từ ngày 22/12/2023 đến ngày 22/10/2024.

³⁰ Gồm: (1) Kiểm tra chuyên đề về các văn bản liên quan đến việc thực hiện chính sách, pháp luật về quản lý thị trường bất động sản và phát triển nhà ở xã hội giai đoạn 2015-2023; (2) Kiểm tra chuyên đề về các văn bản liên quan đến việc thực hiện chính sách, pháp luật về đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập giai đoạn 2018-2023; (3) Kiểm tra chuyên đề về các văn bản QPPL có quy định thủ tục hành chính trái thẩm quyền. Hiện nay, chuyên đề (1) và (3) đã hoàn thành, đối với chuyên đề (2), Bộ đang hoàn thiện các kết luận kiểm tra các văn bản đề ban hành theo quy định.

³¹ Như: Bộ Ngoại giao, Ủy Ban dân tộc và các địa phương: Cà Mau, Đà Nẵng, Thừa Thiên Huế, Bình Định, Thành phố Hồ Chí Minh.

hành pháp luật trong lĩnh vực trọng tâm, liên ngành năm 2024³²; ban hành Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật trong lĩnh vực trọng tâm của Bộ Tư pháp năm 2024³³; tiếp tục nghiên cứu trình Chính phủ và ban hành theo thẩm quyền các VBQPPL về công tác xử lý vi phạm hành chính và theo dõi thi hành pháp luật³⁴; tổ chức các đoàn kiểm tra công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính, theo dõi tình hình thi hành pháp luật và kiểm tra, điều tra, khảo sát tình hình thi hành pháp luật³⁵.

Trong năm 2024³⁶, Bộ Tư pháp đã tiến hành 44 Đoàn thanh tra, kiểm tra, tổ công tác, xác minh³⁷; ban hành 22 văn bản đơn đốc thực hiện kết luận thanh tra³⁸; ban hành 07 Quyết định kiểm tra việc thực hiện kết luận thanh tra đối với 15 kết luận thanh tra³⁹; tiếp 369 lượt công dân đến khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh (trong đó có 85 lượt công dân đến khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh thuộc thẩm quyền, 284 lượt công dân đến khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh không thuộc thẩm quyền).

b) Đẩy mạnh cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, quy định kinh doanh; đẩy mạnh phân cấp trong giải quyết thủ tục hành chính; đơn giản hóa thủ tục hành chính nội bộ

Về nhiệm vụ đẩy mạnh cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, quy định kinh doanh: Văn phòng Chính phủ đã chủ trì xây dựng, tham mưu trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch cải cách thủ tục hành chính trọng tâm năm 2024⁴⁰; Quyết định phê duyệt Phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định, thủ tục hành chính liên quan đến Phiếu lý lịch tư pháp⁴¹.

³² Ban hành kèm theo Quyết định số 192/QĐ-TTg ngày 22/02/2024 của Thủ tướng Chính phủ.

³³ Quyết định số 538/QĐ-BTP ngày 29/3/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.

³⁴ Như: (i) Tham mưu trình Chính phủ ban hành Nghị định số 117/2024/NĐ-CP ngày 18/9/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 82/2020/NĐ-CP ngày 15/7/2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo trợ tư pháp; hành chính tư pháp; hôn nhân và gia đình; thi hành án dân sự; phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã; (ii) Ban hành Thông tư số 08/2024/TT-BTP ngày 15/8/2024 quy định chi tiết việc xem xét, đánh giá tình hình thi hành pháp luật; (iii) Xây dựng trình Chính phủ: Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính; Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 19/2020/NĐ-CP ngày 12/02/2020 của Chính phủ kiểm tra, xử lý kỷ luật trong thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính;...

³⁵ Gồm: 04 Đoàn Kiểm tra công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính (tại Bộ Giáo dục và Đào tạo, tỉnh Quảng Nam, tỉnh Bạc Liêu, tỉnh Tây Ninh); 03 Đoàn Kiểm tra việc thực hiện công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật và kiểm tra, điều tra, khảo sát tình hình thi hành pháp luật trong lĩnh vực trọng tâm, liên ngành năm 2024 (tại thành phố Hồ Chí Minh, thành phố Đà Nẵng, tỉnh Thừa Thiên Huế); 02 Đoàn Kiểm tra công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực thủy sản (tại tỉnh Bình Định, tỉnh Phú Yên).

³⁶ Số liệu tính đến ngày 31/10/2024.

³⁷ Cụ thể: 07 đoàn thanh tra hành chính, 10 đoàn thanh tra chuyên ngành, 02 đoàn thanh tra chuyên đề, 05 đoàn thanh tra đột xuất, 03 đoàn xác minh giải quyết khiếu nại, tố cáo, 07 đoàn kiểm tra việc thực hiện kết luận thanh tra, 08 tổ xác minh thu thập thông tin và 02 tổ xác minh tài sản, thu nhập.

³⁸ Đối với một số cơ quan, đơn vị, tổ chức là đối tượng thanh tra khi chưa có báo cáo kết quả thực hiện kết luận thanh tra theo quy định.

³⁹ Kết luận thanh tra số 29/KL-TTR ngày 15/10/2021; Kết luận thanh tra số 07/KL-TTR ngày 08/02/2024; Kết luận thanh tra số 08/KL-TTR ngày 08/02/2024; Kết luận thanh tra số 09/KL-TTR ngày 08/02/2024; Kết luận thanh tra số 10/KL-TTR ngày 08/02/2024; Kết luận thanh tra số 48/KL-TTR ngày 16/8/2023; Kết luận thanh tra số 20/KL-TTR ngày 06/8/2019; Kết luận thanh tra số 38/KL-TTR ngày 15/6/2023; Kết luận thanh tra số 29/KL-TTR, Kết luận số 30/KL-TTR; Kết luận số 31/KL-TTR ngày 14/10/2019; Kết luận thanh tra số 19/KL-TTR, số 20/KL-TTR và số 21/KL-TTR ngày 28/3/2023; Kết luận thanh tra số 01/KL-TTR ngày 28/01/2021.

⁴⁰ Quyết định số 104/QĐ-TTg ngày 25/01/2024 của Thủ tướng Chính phủ.

⁴¹ Quyết định số 498/QĐ-TTg ngày 11/6/2024 của Thủ tướng Chính phủ.

Về cắt giảm, đơn giản hóa quy định kinh doanh theo Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 12/5/2020 của Chính phủ: Trong 10 tháng đầu năm 2024, đã cắt giảm, đơn giản hóa 356 QĐKD tại 31 VBQPPL. Tính từ năm 2021 đến nay, 18 bộ, cơ quan đã cắt giảm, đơn giản hóa 3.131/15.801 QĐKD tại 272 VBQPPL, đạt 19,8%.

Về phân cấp trong giải quyết thủ tục hành chính theo Quyết định số 1015/QĐ-TTg ngày 30/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ: Tính trong 10 tháng năm 2024, tổng số thủ tục hành chính đã được các bộ, ngành phân cấp là 160 TTHC tại 29 VBQPPL. Lũy kế từ năm 2022 đến nay, đã có 19/21 bộ, cơ quan thực hiện phân cấp 316/699 TTHC (đạt 45%) tại 62 VBQPPL. Trong đó, 03 cơ quan đã thực hiện phân cấp đạt 100%, 08 bộ đạt từ 50% trở lên, 08 bộ đạt dưới 50% và 02 Bộ (Khoa học và Công nghệ, Ngoại giao) chưa thực hiện phân cấp theo phương án đã được phê duyệt. Tổng số thủ tục hành chính còn tiếp tục phải thực hiện phân cấp là 383 thủ tục hành chính.

Về rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính nội bộ theo Quyết định số 1085/QĐ-TTg ngày 15/9/2022 của Thủ tướng Chính phủ: Văn phòng Chính phủ ban hành văn bản hướng dẫn các bộ, ngành, địa phương thực hiện nhiệm vụ công bố, rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính nội bộ; rà soát, tổng hợp danh mục thủ tục hành chính nội bộ thuộc thẩm quyền giải quyết của các bộ, địa phương để làm cơ sở cho bộ, địa phương nhận diện, xác định phạm vi thủ tục hành chính nội bộ cần công bố, rà soát, đơn giản hóa⁴². Các bộ, ngành đã đơn giản hóa 95 thủ tục hành chính nội bộ, đang tiếp tục thực hiện đơn giản hóa 83 thủ tục hành chính nội bộ được Thủ tướng Chính phủ và Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ phê duyệt; các địa phương đã đơn giản hóa 376 thủ tục hành chính nội bộ, đang tiếp tục thực hiện đơn giản hóa 541 thủ tục hành chính nội bộ được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

3. Đẩy mạnh xây dựng, phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng chiến lược đồng bộ, hiện đại, nhất là hệ thống đường cao tốc, cảng hàng không, bến cảng, hạ tầng đô thị, hạ tầng liên vùng, hạ tầng số, hạ tầng xã hội, y tế, giáo dục...

a) Tập trung đẩy nhanh tiến độ triển khai thi công các công trình hạ tầng giao thông quan trọng quốc gia

- Về việc thực hiện mục tiêu đến năm 2025 phấn đấu hoàn thành, đưa vào khai thác 3000km đường bộ cao tốc, một số cảng hàng không trọng điểm và các công trình giao thông trọng yếu khác: Bộ Giao thông vận tải đã quyết liệt chỉ đạo tháo gỡ khó khăn, đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án quan trọng quốc gia, trọng điểm ngành giao thông vận tải bảo đảm tiến độ, chất lượng trên tinh thần đổi mới tư duy, phương thức, cách làm, không đùn đẩy, né tránh. Bộ Giao thông vận tải đã tập trung nguồn lực, chỉ đạo các cơ quan tham mưu, phối hợp chặt chẽ với các bộ, ngành, địa phương, các chủ đầu tư/ban quản lý dự án, nhà thầu thi công khẩn trương huy động tối đa các nguồn lực, tổ chức thi công thành nhiều ca, kíp để đẩy nhanh tiến độ; ban hành nhiều Chỉ thị, Công điện về kiểm soát chất lượng, siết chặt kỷ

⁴² Công văn số 1927/VPCP-KSTT ngày 25/3/2024 và Công văn số 5990 /VPCP-KSTT ngày 22/8/2024 của Văn phòng Chính phủ.

luật, kỷ cương trong triển khai các dự án; thường xuyên tổ chức họp giao ban xây dựng cơ bản tại các dự án cao tốc, dự án trọng điểm của Ngành; tổ chức các đoàn kiểm tra, đôn đốc trực tiếp tại công trường; phối hợp địa phương tập trung chỉ đạo xử lý, tháo gỡ vướng mắc trong công tác giải phóng mặt bằng, nguồn cung vật liệu, bãi đổ thải; nghiêm khắc phê bình kiểm điểm trách nhiệm người đứng đầu các chủ đầu tư, ban quản lý dự án chậm tiến độ và kiểm soát tiến độ theo ngày/tuần/tháng; báo cáo, đề xuất kịp thời nhiều giải pháp kiến nghị Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo, xử lý tháo gỡ vướng mắc tại các phiên họp thường kỳ hàng tháng của Ban Chỉ đạo các công trình, dự án quan trọng quốc gia, trọng điểm ngành giao thông vận tải.

Đã hoàn thành 02 dự án cao tốc Cam Lâm - Vĩnh Hảo và Diên Châu - Bãi Vọt, nâng tổng số cao tốc đưa vào khai thác trên cả nước lên hơn 2.000 km và qua đó đã thông tuyến cao tốc Bắc - Nam từ Hà Nội đến Hồng Lĩnh (Hà Tĩnh) và từ TP. Hồ Chí Minh đi Nha Trang

Đang triển khai xây dựng 1.700km đường cao tốc (bao gồm đường cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021 - 2025, đường cao tốc Bắc - Nam phía Tây đoạn Cao Lãnh - Lộ Tẻ - Rạch Sỏi, Tuyên Quang - Hà Giang, Hòa Bình - Mộc Châu, Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột, Biên Hòa - Vũng Tàu, Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng, Cao Lãnh - An Hữu, Vành đai 4 - Vùng Thủ đô Hà Nội, Vành đai 3 - Thành phố Hồ Chí Minh).

Đã trình Quốc hội điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án Cảng hàng không quốc tế Long Thành⁴³ (Nghị quyết số 140/2024/QH15 của Quốc hội).

- *Về chủ trương đầu tư đường sắt tốc độ cao Bắc - Nam*: Bộ Giao thông vận tải đã hoàn thiện Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi Dự án đầu tư đường sắt tốc độ cao Bắc - Nam trình Chính phủ tại Tờ trình số 11264/TTr-BGTVT ngày 16/10/2024 và trình Quốc hội thông qua chủ trương đầu tư đường sắt tốc độ cao Bắc - Nam. Đến nay, Quốc hội đã thông qua chủ trương đầu tư Dự án.

b) Tập trung tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong thực hiện các dự án hạ tầng quy mô lớn

Đề nghị Bộ Giao thông vận tải báo cáo về nội dung này.

c) Theo dõi diễn biến thị trường vật liệu xây dựng, bảo đảm cân đối cung cầu, bình ổn thị trường, đặc biệt là các vật liệu chủ yếu

Triển khai các nhiệm vụ tại Công điện số 02/CD-TTg ngày 09/01/2024 của Thủ tướng Chính phủ tập trung tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc liên quan đến định mức, đơn giá xây dựng; khai thác, cung ứng vật liệu xây dựng cho các dự án, công trình giao thông trọng điểm, quan trọng quốc gia, Bộ Xây dựng đã: (1) Ban hành các văn bản gửi UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương đề nghị tổ chức xác định và công bố giá xây dựng, chỉ số giá xây dựng trên địa bàn và rà soát các quy định về quản lý chi phí đầu tư xây dựng, hợp đồng xây dựng và định mức xây dựng; tổng hợp các khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện và đề xuất các giải pháp tháo gỡ, bảo đảm khả thi; (2) Ban hành các văn bản hướng dẫn nguyên tắc tính toán,

⁴³ Tờ trình số 747/TTr-CP ngày 06/11/2024.

xác định chi phí liên quan đến cấp mỏ và khai thác vật liệu theo cơ chế đặc thù đã được Quốc hội và Chính phủ cho phép. (3) Rà soát, tổng hợp danh mục các định mức cần sửa đổi, bổ sung theo đề nghị của các tổ chức, cá nhân, định mức đặc thù chuyên ngành và chủ đầu tư các dự án xây dựng công trình, nghiên cứu xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện trong năm 2024 và các năm tiếp theo; (4) Tiếp tục rà soát cho ý kiến đối với các định mức dự toán xây dựng công trình áp dụng tại các Dự án cải tạo, nâng cấp đường sắt, cảng hàng không, đường bộ cao tốc Bắc Nam.

Tiếp tục triển khai Chương trình phát triển vật liệu xây không nung năm 2030 theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ; Chỉ thị 08/CT-TTG ngày 26/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ về đẩy mạnh xử lý, sử dụng tro, xỉ, thạch cao của các nhà máy nhiệt điện, hóa chất, phân bón làm nguyên liệu sản xuất vật liệu xây dựng và trong công trình xây dựng do Thủ tướng Chính phủ ban hành; Đề án an ninh kinh tế trong lĩnh vực vật liệu xây dựng; nghiên cứu đề xuất cơ chế chính sách phát triển sản xuất gạch nung theo công nghệ hiện đại, tiết kiệm tài nguyên, năng lượng, bảo vệ môi trường...

Tổ chức Hội nghị trực tuyến về “Tháo gỡ khó khăn, thúc đẩy sản xuất, tiêu thụ xi măng, sắt thép và vật liệu xây dựng”; Phối hợp với các bộ, ngành hướng dẫn các doanh nghiệp xuất khẩu khoáng sản làm vật liệu xây dựng theo Thông tư số 04/2021/TT-BXD về hướng dẫn xuất khẩu khoáng sản làm vật liệu xây dựng; Tiếp tục rà soát, đề xuất hoàn thiện các chính sách liên quan đến lĩnh vực vật liệu xây dựng và khoáng sản làm vật liệu xây dựng gắn với giải pháp phát triển ổn định bền vững, sử dụng vật liệu thay thế, vật liệu xây dựng tiết kiệm tài nguyên khoáng sản, tiết kiệm năng lượng, thân thiện với môi trường; vật liệu cho khu vực biển đảo.

Hoàn thành dự thảo Thông tư ban hành Quy trình đánh giá an toàn công trình trong quá trình khai thác sử dụng; rà soát, sửa đổi của Thông tư 06/2021/TT-BXD về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động xây dựng; nghiên cứu, xây dựng Thông tư hướng dẫn quy trình, quy định kỹ thuật kiểm kê khí nhà kính, đo đạc, báo cáo, thẩm định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính ngành xây dựng; tiếp tục hoàn thiện Thông tư sửa đổi, bổ sung Thông tư 14/2017/TT-BXD về hướng dẫn xác định và quản lý chi phí dịch vụ công ích đô thị; Thông tư sửa đổi, bổ sung Thông tư số 12/2021/TT-BXD ban hành định mức xây dựng.

d) Triển khai kịp thời, hiệu quả Kế hoạch thực hiện Quy hoạch điện lực quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; đảm bảo an ninh năng lượng, cung ứng đủ điện, xăng dầu cho tiêu dùng, sản xuất kinh doanh

Đề nghị Bộ Công Thương báo cáo về nội dung này.

đ) Tiếp tục chuyển dịch, phát triển và phổ cập hạ tầng viễn thông truyền thống sang hạ tầng số

Bên cạnh việc tích cực thúc đẩy phủ sóng thông tin di động băng rộng cho các vùng lõm sóng, Bộ Thông tin và Truyền thông đã cấp phép cho Viettel, VNPT, Mobifone chính thức thương mại hóa 5G trên băng tần 2,6 GHz và 3,5 GHz thông qua hình thức đấu giá. Đây là lần đầu tiên Bộ Thông tin và Truyền thông tổ chức đấu giá thành công quyền sử dụng tần số vô tuyến điện đối với băng tần triển khai

5G. Theo cam kết, các doanh nghiệp trúng đấu giá tần số sẽ phải cung cấp dịch vụ muộ n nhất vào tháng 4 năm 2025 .

Tập đoàn Viettel ngày 15/10/2024 đã chính thức khai trương cung cấp dịch vụ 5G trên toàn quốc. Tập đoàn VNPT và Tổng công ty Mobifone được cấp phép nhưng chưa chính thức cung cấp dịch vụ, hiện đang tiếp tục đầu tư thiết bị, hạ tầng.

Về phát triển hạ tầng công nghệ số và nền tảng số, ứng dụng số tạo động lực phát triển kinh tế số: Với vai trò của Cơ quan Thường trực của Ủy ban quốc gia về chuyển đổi số, Bộ Thông tin và Truyền thông đã ban hành: (1) Danh mục 38 nền tảng số quốc gia đồng thời ban hành khung tiêu chí và quy trình xét duyệt, công nhận, công bố và thu hồi công nhận nền tảng số quốc gia; (2) Hướng dẫn tổng thể các bộ, ngành, địa phương về việc thúc đẩy, phát triển và đưa vào sử dụng các nền tảng số. Bộ Thông tin và Truyền thông đã đăng tải và cập nhật thông tin về các nền tảng số tại Cổng Nền tảng số quốc gia, địa chỉ <https://ndp.dx.gov.vn/>. Các nền tảng dùng chung quốc gia sẽ là công cụ để các địa phương tham khảo, sử dụng để giải quyết vấn đề của địa phương, góp phần giải quyết vấn đề của quốc gia.

Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP) được xây dựng, từng bước kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các bộ, ngành, địa phương, là nền tảng quan trọng trong phát triển Chính phủ số, hiện đã kết nối với hệ thống của 90 cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp. Hiện nay, Nền tảng đã kết nối 103 bộ, ngành, địa phương, cơ quan, tổ chức ở Trung ương (cơ bản hết cơ quan cấp I); đã kết nối 10 cơ sở dữ liệu, 15 hệ thống thông tin cung cấp dịch vụ chia sẻ dữ liệu trên NDXP. Số lượng người dùng hàng tháng: 90/103 cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp với tổng số giao dịch từ khi đưa vào khai thác khai thác (2019) đến hết 15/9/2024 đạt khoảng 2,4 tỷ giao dịch.

e) Tích cực triển khai các tiêu chí, tiêu chuẩn về hạ tầng thương mại

Bộ Công Thương đã phối hợp với các bộ, ngành và địa phương, doanh nghiệp triển khai các tiêu chí, tiêu chuẩn về hạ tầng thương mại (tiêu chí cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn trong giai đoạn 2021-2025; mô hình chợ thí điểm bảo đảm an toàn thực phẩm theo Tiêu chuẩn Việt Nam (TCVN 11856) về chợ kinh doanh thực phẩm...).

Tập trung thúc đẩy phát triển hạ tầng thương mại điện tử, tạo động lực phát triển kinh tế số và thương mại điện tử, góp phần tạo ra một không gian phát triển mới. Đã xây dựng, vận hành Trục phát triển hợp đồng điện tử Việt Nam nhằm mục tiêu hỗ trợ các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân trong kiểm tra, xử lý, tập trung thông tin hợp đồng điện tử của cá nhân, doanh nghiệp, tổ chức trong hoạt động thương mại; xây dựng và vận hành nền tảng hỗ trợ thanh toán trực tuyến KeyPay nhằm phát triển hệ thống thanh toán thương mại điện tử quốc gia, hạ tầng thanh toán đảm bảo hỗ trợ dịch vụ hành chính công. KeyPay đã và đang giúp các đơn vị, bộ ngành giải quyết các khó khăn và rào cản trong ứng dụng triển khai thanh toán trực tuyến trong dịch vụ hành chính công trực tuyến mức độ. KeyPay góp phần thúc đẩy thương mại điện tử phát triển, cụ thể: Thúc đẩy phát triển thương mại điện tử G2B, G2C; Xây dựng thói quen sử dụng thanh toán không dùng tiền mặt trong giao dịch điện tử của người dân, doanh nghiệp; Đóng góp quan trọng trong việc thực hiện chính sách xây dựng, phát triển chính phủ số, xã hội số.

g) Tiếp tục đầu tư hoàn thiện hệ thống hạ tầng nông nghiệp, nông thôn, thích ứng với biến đổi khí hậu

Phát triển hệ thống hạ tầng nông nghiệp, nông thôn, nhất là công trình thủy lợi, cảng cá, trung tâm nghề cá lớn, khu neo đậu tránh trú bão; dự án hạ tầng phòng, chống thiên tai, chống sạt lở thích ứng biến đổi khí hậu, sạt lở bờ sông, bờ biển, lũ lụt, hạn hán. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phối hợp với các địa phương rà soát, kiểm tra các công trình thủy lợi, đê kè, hồ đập, hồ chứa thủy lợi... xung yếu, bị hư hại do bão số 3, có rủi ro, nguy cơ mất an toàn để có phương án sửa chữa, gia cố, nâng cấp, xây mới. Chỉ đạo sửa chữa, khắc phục các sự cố, hư hỏng công trình thủy lợi bị hư hỏng, trong đó tập trung nạo vét kênh mương, gia cố bờ kênh; sửa chữa các công trình trạm bơm, cống, đập để chủ động vận hành phục vụ cấp nước cho sản xuất nông nghiệp, công nghiệp và tiêu thoát nước; Hoàn thành xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt 04 Quy hoạch ngành quốc gia lĩnh vực nông nghiệp thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (Quy hoạch phòng chống thiên tai và thủy lợi, Quy hoạch Lâm nghiệp, Quy hoạch Bảo vệ và Khai thác nguồn lợi thủy sản, Quy hoạch Hệ thống cảng cá và khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá).

Đôn đốc các địa phương, bộ ngành liên quan thực hiện Chương trình tổng thể phòng chống thiên tai quốc gia; Chiến lược Quốc gia về Phòng chống thiên tai đến năm 2030; Kế hoạch Phòng chống thiên tai Quốc gia đến năm 2025; Đề án phòng, chống sạt lở bờ sông, bờ biển đến năm 2030; Đề án nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng giai đoạn 2021-2025. Đã trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định về tín dụng nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn (Quyết định số 10/2024/QĐ-TTg ngày 15/7/2024).

Đã phối hợp với các địa phương chỉ đạo các cơ quan chức năng triển khai công tác bảo đảm an toàn hồ đập, đặc biệt là yêu cầu rõ trách nhiệm của địa phương đối với các hồ chứa vừa và nhỏ, vận hành theo đúng quy trình đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, không để xảy ra lũ nhân tạo, lũ quét do ảnh hưởng của hồ đập. Thường xuyên phối hợp theo dõi nguồn nước, hỗ trợ các địa phương ứng phó hạn hán, xâm nhập mặn, bảo đảm an toàn công trình thủy lợi và cấp nước cho sản xuất và sinh hoạt khu vực nông thôn.

h) Nghiên cứu, xây dựng các chính sách, định hướng về phát triển, quản lý hạ tầng kỹ thuật đô thị, không gian ngầm đô thị.

Tiếp tục nghiên cứu, xây dựng dự án Luật Cấp, thoát nước; rà soát xây dựng dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định về cây xanh và công viên công cộng đô thị thay thế Nghị định 64/2010/NĐ-CP; nghiên cứu, xây dựng Đề án Thành lập công thông tin giám sát trực tuyến về chỉ số cấp nước và chất lượng nước sạch của hệ thống cấp nước.

Về chiếu sáng đô thị, Bộ Xây dựng đang hoàn thiện dự thảo Báo cáo tổng kết đánh giá Định hướng phát triển chiếu sáng đô thị Việt Nam đến năm 2025; dự thảo Điều chỉnh Định hướng phát triển chiếu sáng đô thị Việt Nam.

Đề nghị Bộ Xây dựng báo cáo thêm về nội dung này.

4. Tập trung thực hiện hiệu quả, thực chất cơ cấu lại nền kinh tế gắn với

đổi mới mô hình tăng trưởng, tăng cường năng lực nội sinh, nâng cao năng lực cạnh tranh, phát triển nhanh, bền vững; đẩy mạnh phát triển kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, kinh tế ban đêm, thương mại điện tử, các ngành, lĩnh vực mới nổi, các mô hình kinh doanh mới, hiệu quả; làm mới các động lực tăng trưởng cũ và khai thác hiệu quả các động lực tăng trưởng mới

a) Cơ cấu lại các ngành, lĩnh vực và trong nội ngành

Cơ cấu giữa các ngành và trong nội ngành có sự chuyên dịch theo hướng hiện đại, thúc đẩy kinh tế xanh, tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh, phát huy tối đa các tiềm năng, lợi thế.

- Ngành nông nghiệp tiếp tục đẩy mạnh thực hiện cơ cấu lại ngành và Chiến lược phát triển ngành nông nghiệp, nông thôn bền vững giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 tiếp tục được đẩy mạnh theo hướng chuyển đổi mạnh tư duy từ sản xuất nông nghiệp sang kinh tế nông nghiệp, từ phát triển đơn ngành sang đa ngành tích hợp đa giá trị trong sản phẩm nông lâm thủy sản; phát triển nông nghiệp công nghệ, nông nghiệp sinh thái, nông nghiệp xanh, nông nghiệp tuần hoàn, nông nghiệp hữu cơ theo hướng chất lượng và giá trị gia tăng. Việc tổ chức lại sản xuất, tăng cường liên kết theo chuỗi giá trị gắn với an toàn thực phẩm tập trung vào những ngành có giá trị gia tăng cao hơn và có thị trường xuất khẩu đa dạng hơn đã được chú trọng thực hiện; chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi, khai thông các nguồn lực cho phát triển sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp. Nhiều mô hình sản xuất ứng dụng công nghệ cao xuất hiện, đầu tư của doanh nghiệp vào nông nghiệp gia tăng. An ninh lương thực được bảo đảm, an ninh dinh dưỡng được cải thiện. Phát triển các ngành, nghề gắn với định hướng phát triển kinh tế nông thôn, tiếp tục đẩy mạnh thực hiện.

Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt Quyết định số 540/QĐ-TTg ngày 19/6/2024 về Đề án phát triển khoa học và ứng dụng, chuyển giao công nghệ thúc đẩy kinh tế tuần hoàn trong nông nghiệp đến năm 2030; Tiếp tục triển khai Đề án phát triển Công nghiệp sinh học ngành nông nghiệp đến năm 2030; Đã triển khai thực hiện xây dựng và ứng dụng nền tảng số (desktop và mobile) quản lý sản phẩm tại cơ sở đóng gói phục vụ truy xuất nguồn gốc sản phẩm trái cây tươi xuất khẩu; tổ chức triển khai các nội dung, chương trình về sản xuất nông nghiệp sạch, hữu cơ, tuần hoàn, ứng dụng công nghệ cao, kiểm soát ATTP ngay từ các yếu tố đầu vào và liên kết sản xuất với tiêu thụ, phát triển chuỗi giá trị cung ứng nông sản thực phẩm đảm bảo nguồn cung thực phẩm chất lượng, an toàn cho tiêu dùng trong nước và xuất khẩu.

Thực hiện hiệu quả chính sách khuyến khích thực hành sản xuất nông nghiệp tốt và truy xuất nguồn gốc nông sản hàng hóa; cấp mã số vùng trồng; chuyển đổi cơ cấu cây trồng theo hướng tăng mạnh đối với những sản phẩm có lợi thế, giảm đối với sản phẩm có hiệu quả thấp. Chăn nuôi gia súc, gia cầm chuyển dịch nhanh từ hình thức chăn nuôi nông hộ nhỏ lẻ sang hình thức chăn nuôi trang trại, gia trại tập trung và các hộ chăn nuôi hướng chuyên nghiệp, bán công nghiệp góp phần nâng cao năng suất, chất lượng, khả năng kiểm soát dịch bệnh, an toàn thực phẩm. Hoạt động sản xuất, tiêu thụ sản phẩm thủy sản ổn định; triển khai quyết liệt, đồng

bộ các giải pháp chống khai thác thủy sản bất hợp pháp, không báo cáo, không theo quy định và phát triển bền vững ngành thủy sản để sớm tháo gỡ cảnh báo “Thẻ vàng” của Ủy ban Châu Âu. Công tác phát triển rừng tiếp tục quan tâm chỉ đạo, trồng rừng theo hướng thâm canh, chuyên hóa rừng kinh doanh gỗ nhỏ sang gỗ lớn.

Đẩy mạnh thực hiện Chiến lược phát triển cơ giới hóa và công nghiệp chế biến nông sản Việt Nam đến năm 2030, nâng cao năng lực chế biến, bảo quản nông sản, tăng cường chế biến sâu. Một số công nghệ hiện đại đã được áp dụng trong sản xuất như thiết bị bay không người lái phun thuốc bảo vệ thực vật, gieo hạt, bơm nước thông minh... Nhiều khâu sản xuất nông nghiệp đã được cơ giới hóa, một số khâu đạt mức độ cao.

Hệ thống cơ chế, chính sách và văn bản hướng dẫn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia (CTMTQG) về xây dựng nông thôn mới được ban hành đầy đủ, đã thực sự đi vào cuộc sống. Chương trình Mỗi xã một sản phẩm (OCOP) tiếp tục được các địa phương triển khai đồng bộ, rộng khắp. Đã có 63/63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đã xây dựng và ban hành Đề án/Kế hoạch triển khai Chương trình OCOP giai đoạn 2021-2025.

- Cơ cấu lại ngành công nghiệp tiếp tục chuyển biến tích cực theo đúng định hướng tăng tỷ trọng của ngành công nghiệp chế biến chế tạo, giảm dần ngành công nghiệp khai khoáng và từ các ngành thâm dụng lao động sang các ngành công nghiệp công nghệ cao. Ưu tiên phát triển một số ngành công nghiệp mũi nhọn, công nghệ mới, công nghệ cao, công nghiệp hỗ trợ; phát triển nhanh các ngành công nghiệp có giá trị gia tăng cao và dịch chuyển lên các công đoạn có giá trị gia tăng cao trong chuỗi giá trị toàn cầu và khu vực. Hỗ trợ triển khai các loại hình khu công nghiệp mới (như sinh thái, công nghệ cao, công nghiệp hỗ trợ, chuyên ngành). Xây dựng cơ chế và lộ trình phát triển số lượng doanh nghiệp sản xuất công nghiệp, đặc biệt quan tâm phát triển doanh nghiệp phụ trợ. Cơ cấu hàng hóa xuất khẩu tiếp tục cải thiện theo chiều hướng tích cực, giảm hàm lượng xuất khẩu thô, tăng xuất khẩu sản phẩm chế biến, sản phẩm công nghiệp, tạo điều kiện cho hàng hóa Việt Nam tham gia sâu hơn vào chuỗi sản xuất và cung ứng toàn cầu. Nhóm hàng công nghiệp chế biến tiếp tục chiếm tỷ trọng chủ yếu trong cơ cấu xuất khẩu.

Chính phủ tiếp tục tập trung hoàn thiện thể chế, pháp luật, chính sách phát triển công nghiệp, hạn chế sự chông chéo, bảo đảm tính ổn định, nhất quán, khuyến khích phát triển sản xuất; nghiên cứu, xây dựng dự án Luật Hóa chất (sửa đổi) và dự án Luật Điện lực (sửa đổi); hoàn thiện quy định về phát triển năng lượng tái tạo, điện mặt trời⁴⁴...

- Cơ cấu lại khu vực dịch vụ được thúc đẩy theo hướng dựa trên nền tảng công nghệ hiện đại, công nghệ số. Các ngành có tiềm năng, lợi thế, có hàm lượng khoa học, công nghệ cao được tập trung phát triển. Thương mại điện tử duy trì đà tăng trưởng. Chuyển đổi số hoạt động ngân hàng, thanh toán không dùng tiền mặt đạt nhiều kết quả tích cực. Hệ thống thanh toán điện tử liên ngân hàng, hệ thống

⁴⁴ Nghị định số 80/2024/NĐ-CP ngày 03/7/2024 về cơ chế mua bán điện trực tiếp giữa đơn vị phát điện năng lượng tái tạo với khách hàng sử dụng điện lớn

chuyển mạch tài chính và bù trừ điện tử, hoạt động an toàn, ổn định, thông suốt; nhiều chính sách, quy định được ban hành, triển khai nhằm đảm bảo an ninh, an toàn hoạt động thanh toán trong nền kinh tế. Việc triển khai thí điểm dùng tài khoản viễn thông thanh toán cho các hàng hóa, dịch vụ có giá trị nhỏ (Mobile-Money) góp phần tăng cường việc tiếp cận và sử dụng các dịch vụ tài chính của người dân, đặc biệt tại khu vực nông thôn, miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới và hải đảo.

Các phương thức vận tải tiếp tục được đa dạng hóa, nâng cao chất lượng dịch vụ, góp phần giảm áp lực cho vận tải đường bộ, đẩy mạnh hoạt động xuất nhập khẩu, đáp ứng nhu cầu đi lại của người dân trong tình hình mới. Đã nâng cấp 02 ga Sóng Thần và ga Cao Xá thành ga liên vận quốc tế đi Trung Quốc để vận chuyển hàng nông sản xuất khẩu; khai trương nhiều đoàn tàu chất lượng cao phục vụ khách du lịch trong nước và quốc tế, triển khai ứng dụng công nghệ thông tin, xây dựng, điều chỉnh kịp thời công tác tổ chức chạy tàu, cải tạo chỉnh trang các nhà ga trở thành điểm đến văn hóa. Các dự án nâng tĩnh không cầu, nhất là khu vực đồng bằng sông Cửu Long được tập trung triển khai; đồng thời nghiên cứu thay thế tuyến vận tải truyền thống kết nối hàng hóa từ các khu công nghiệp, cảng cạn, ICD thuộc tỉnh Ninh Bình, Hà Nam, Nam Định, Thái Bình đến cảng biển Hải Phòng, Quảng Ninh, góp phần giảm chi phí logistic.

Quy hoạch hệ thống du lịch thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045 được triển khai chủ động, tích cực. Chương trình quảng bá, xúc tiến du lịch năm 2024 được các địa phương trên cả nước đẩy mạnh; lượng khách quốc tế đến Việt Nam tăng khá cao so với cùng kỳ năm trước.

b) Tiếp tục đẩy mạnh cơ cấu lại thu, chi ngân sách nhà nước, nâng cao hiệu quả quản lý, phân bổ, sử dụng ngân sách nhà nước

Thế chế và chính sách cơ cấu lại ngân sách Nhà nước (NSNN), tiếp tục được sửa đổi, hoàn thiện theo hướng nâng cao vai trò của chính sách tài chính trong việc huy động và phân bổ và sử dụng hiệu quả nguồn lực trong và ngoài nước vào các mục tiêu ưu tiên phát triển kinh tế - xã hội. Gia tăng tỷ trọng các nguồn thu bền vững. Thu NSNN 11 tháng ước đạt 1.808,5 nghìn tỷ đồng, bằng 106,3% dự toán, tăng 16,1% so với cùng kỳ năm 2023; trong đó: thu nội địa đạt 104,3% dự toán, tăng 16,8%⁴⁵; thu từ dầu thô đạt 114,5% dự toán, giảm 7,8%; thu cân đối ngân sách từ hoạt động xuất, nhập khẩu đạt 121,9% dự toán, tăng 18,6% so với cùng kỳ năm 2023.

Tổng chi cân đối NSNN 11 tháng ước đạt 1.560,7 nghìn tỷ đồng, bằng 73,6% dự toán, tăng 4,7% so cùng kỳ năm 2023. Trong đó: chi đầu tư phát triển ước đạt 411 nghìn tỷ đồng, bằng 60,7% dự toán Quốc hội quyết định, tỷ lệ giải ngân ước đạt 60,43% kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao, giảm cả về giá trị (khoảng 50 nghìn tỷ đồng) và tỷ lệ so cùng kỳ (cùng kỳ năm 2023 giải ngân đạt 461 nghìn tỷ đồng, bằng 65,1% kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao); chi trả nợ lãi ước đạt 82,2% dự toán; chi thường xuyên ước đạt 83,8% dự toán; chi dự trữ ước đạt 89,4% dự toán.

Ngân sách trung ương đã chi từ dự phòng 24,7 nghìn tỷ đồng để bổ sung kinh phí thực hiện các nhiệm vụ quốc phòng, an ninh và hỗ trợ cho các địa phương thực

⁴⁵ Thu nội địa 11 tháng năm 2023 đạt 96,6% dự toán, giảm 1,8% so với cùng kỳ năm 2022.

hiện một số nhiệm vụ quan trọng, đột xuất, cấp bách; kinh phí phòng, chống dịch bệnh và khôi phục sản xuất sau thiên tai, dịch bệnh. Bên cạnh đó, thực hiện Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tài chính đã xuất cấp gần 16,78 nghìn tấn gạo dự trữ quốc gia để hỗ trợ cho các địa phương khắc phục hậu quả thiên tai, bão lũ, cứu trợ, cứu đói cho nhân dân.

Nợ công được quản lý chặt chẽ, giữ vững an ninh, an toàn nền tài chính quốc gia; siết chặt kỷ luật, kỷ cương; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý tài chính quốc gia.

Đề nghị Bộ Tài chính bổ sung thêm nội dung này.

c) Tiếp tục cơ cấu lại đầu tư công, nhất là vốn vay nước ngoài, bảo đảm thực chất, hiệu quả.

Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã chỉ đạo quyết liệt các bộ, cơ quan trung ương và địa phương thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp hướng dẫn xử lý, tháo gỡ vướng mắc, khó khăn một cách kịp thời, hiệu quả, để đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn đầu tư công; tăng cường hoạt động, phát huy vai trò của các Tổ công tác của Thủ tướng Chính phủ và các đoàn công tác của Thành viên Chính phủ để thúc đẩy giải ngân vốn đầu tư công, tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh.

Đã trình Quốc hội thông qua Luật Đầu tư công (sửa đổi) và có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2025 theo tinh thần đột phá; cải cách trong quản lý, sử dụng nguồn lực đầu tư công; tháo gỡ ngay các vướng mắc, điểm nghẽn, tăng tính chủ động cho bộ, ngành, địa phương. Tiếp tục đầu tư phải có trọng tâm, trọng điểm, không phân tán, dàn trải, manh mún, đúng mục tiêu, định hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội đề ra, tập trung nguồn lực cao độ để đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án quan trọng quốc gia, dự án đường cao tốc, dự án trọng điểm, dự án có tính chất liên vùng, tác động lan tỏa, tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội của các ngành, địa phương; Phát huy vai trò dẫn dắt, xác định vốn đầu tư công là “vốn môi” để huy động các nguồn lực đầu tư của khu vực ngoài nhà nước, tạo không gian, động lực mới thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo, đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, cá thể hóa trách nhiệm đi đôi với giám sát, kiểm tra, đánh giá việc thực hiện và khen thưởng, kỷ luật kịp thời, xử lý nghiêm hành vi vi phạm pháp luật, tham nhũng, tiêu cực, nhũng nhiễu, gây thất thoát, lãng phí trong hoạt động đầu tư công; Tiếp tục rà soát, kiên quyết loại bỏ những dự án kém hiệu quả, dự án chưa thật sự cần thiết; nâng cao chất lượng công tác chuẩn bị, đấu thầu, lựa chọn nhà thầu, bảo đảm lựa chọn nhà thầu có đầy đủ năng lực thực hiện dự án theo đúng tiến độ quy định.

d) Triển khai quyết liệt Đề án “Cơ cấu lại hệ thống các tổ chức tín dụng gắn với xử lý nợ xấu giai đoạn 2021-2025”

Cơ cấu lại hệ thống tổ chức tín dụng (TCTD) gắn với xử lý nợ xấu tiếp tục được triển khai trong giai đoạn vừa qua theo hướng tập trung hoàn thiện thể chế phù hợp nguyên tắc thị trường, cơ chế chính sách. Đề án Cơ cấu lại hệ thống các TCTD gắn với xử lý nợ xấu giai đoạn 2021-2025 đã được tiếp tục được triển khai thực hiện nhằm tạo bước chuyển rõ rệt, thực chất trong cơ cấu lại hệ thống các TCTD. Trong đó, đẩy mạnh xử lý nợ xấu; tập trung triển khai chỉ đạo của các cấp

có thẩm quyền về việc cơ cấu lại, xử lý các TCTD yếu kém, bảo đảm ổn định tình hình hoạt động và hỗ trợ các TCTD này từng bước phục hồi; chỉ đạo các TCTD hoàn thiện và triển khai quyết liệt phương án cơ cấu lại gắn với xử lý nợ xấu giai đoạn 2021-2025. Đẩy mạnh xử lý nợ xấu, thu hồi nợ xấu; nâng cao chất lượng tín dụng, ngăn ngừa, hạn chế nợ xấu mới phát sinh tiếp tục thực hiện có hiệu quả.

Các Ngân hàng thương mại nhà nước tiếp tục đóng vai trò chủ đạo trong hệ thống các TCTD cả về quy mô vốn, tài sản, huy động vốn và tín dụng; tích cực nâng cao chất lượng tài sản, kiểm soát chất lượng tín dụng và xử lý nợ xấu, đặc biệt là nỗ lực tự xử lý nợ xấu bằng các biện pháp đôn đốc thu hồi nợ, sử dụng dự phòng rủi ro...; đẩy mạnh cơ cấu lại mạng lưới kênh phân phối, trong đó ưu tiên phục vụ khu vực nông nghiệp, nông thôn.

Đối với các NHTM cổ phần, tập trung củng cố, chấn chỉnh toàn diện trên các mặt tài chính, quản trị và hoạt động nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh, năng lực cạnh tranh. Các ngân hàng đã tích cực tăng trưởng, mở rộng quy mô, đẩy mạnh tín dụng, thực hiện cơ cấu lại hoạt động theo hướng an toàn, lành mạnh hơn, giảm dần và hạn chế đầu tư vào các lĩnh vực tiềm ẩn rủi ro như cho vay đầu tư, kinh doanh chứng khoán, bất động sản (BDS); tích cực phát triển các dịch vụ thanh toán, dịch vụ phi tín dụng khác và mở rộng dịch vụ bán lẻ, tín dụng tiêu dùng.

Đối với 05 ngân hàng được kiểm soát đặc biệt: NHNN đã tập trung, khẩn trương phối hợp với Kiểm toán Nhà nước, tổ chức tư vấn định giá và các đơn vị liên quan, ban hành quyết định phê duyệt giá trị doanh nghiệp đối với 03 ngân hàng mua bắt buộc để thực hiện phương án chuyển giao theo Nghị quyết của Chính phủ. Thực hiện Nghị quyết của Chính phủ, NHNN đã ban hành Quyết định chuyển giao bắt buộc Ngân hàng Xây dựng và Ngân hàng Đại dương theo quy định. Đối với Ngân hàng Dầu khí Toàn Cầu và Ngân hàng Đông Á, hiện NHNN đang chỉ đạo ngân hàng nhận chuyển giao rà soát hoàn thiện trước khi trình Chính phủ phê duyệt phương án chuyển giao bắt buộc. Đối với NHTM cổ phần Sài Gòn (SCB), căn cứ quy định tại Luật Các TCTD năm 2024, NHNN đã có văn bản chỉ đạo SCB, Ban kiểm soát đặc biệt SCB rà soát, thực hiện việc đề xuất, xây dựng phương án cơ cấu lại SCB theo quy định tại Luật Các TCTD năm 2024.

Đối với hệ thống Quỹ tín dụng nhân dân: các Quỹ tín dụng nhân dân đã xây dựng và triển khai các giải pháp cơ cấu lại gắn với xử lý nợ xấu theo lộ trình kế hoạch, trong đó tập trung nâng cao năng lực tài chính, chất lượng tín dụng, hiệu quả hoạt động; tiếp tục chấp hành các quy định an toàn trong hoạt động theo quy định của NHNN.

Nợ xấu của hệ thống các TCTD có xu hướng tăng trong thời gian qua, tập trung tại một số TCTD yếu kém đã được NHNN nhận diện và đặt vào kiểm soát đặc biệt hoặc giám sát tăng cường. Nguyên nhân nợ xấu gia tăng chủ yếu do: (i) Kinh tế toàn cầu còn nhiều rủi ro và thách thức; kinh tế trong nước vẫn gặp nhiều khó khăn, chịu tác động của tình hình thế giới và diễn biến phức tạp của thiên tai; (ii) Thị trường chứng khoán, trái phiếu, thị trường bất động sản phục hồi còn chậm; (iii) Thị trường mua bán nợ chưa phát triển như kỳ vọng; một số nội dung của Nghị quyết số 42/2017/QH14 chưa được luật hóa đã ảnh hưởng đến việc xử lý thu hồi

nợ của các TCTD và tổ chức mua bán, xử lý nợ xấu; (iv) Năng lực quản trị của một số TCTD còn bất cập so với quy mô, tốc độ tăng trưởng và mức độ rủi ro; công tác thẩm định, xét duyệt cấp tín dụng chất lượng chưa cao; công tác kiểm tra, giám sát còn thiếu chặt chẽ...

NHNN đang tiếp tục thực hiện các giải pháp nhằm kiểm soát nợ xấu, góp phần bảo đảm an toàn hoạt động ngân hàng, cụ thể: (i) Tiếp tục triển khai thực hiện Đề án 689; (ii) Tiếp tục điều hành chủ động, linh hoạt, đồng bộ các công cụ CSTT và các giải pháp tín dụng phù hợp với diễn biến kinh tế vĩ mô, lạm phát, đáp ứng nhu cầu vốn cho nền kinh tế, góp phần hỗ trợ thúc đẩy tăng trưởng kinh tế; (iii) Tăng cường công tác giám sát tình hình hoạt động của TCTD; trong đó lưu ý đến: việc triển khai thực hiện phương án cơ cấu lại gắn với xử lý nợ xấu của TCTD; hoạt động cấp tín dụng, đặc biệt là cấp tín dụng đối với các lĩnh vực tiềm ẩn rủi ro; việc kiểm soát, xử lý, thu hồi nợ xấu và chất lượng tín dụng của TCTD; việc thực hiện cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ theo quy định tại Thông tư số 02/2023/TT-NHNN (đã được sửa đổi, bổ sung)...

đ) Đẩy nhanh tiến độ triển khai Đề án Cơ cấu lại doanh nghiệp nhà nước, trọng tâm là tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước giai đoạn 2021 - 2025 và thực hiện sắp xếp lại doanh nghiệp nhà nước giai đoạn 2021-2025

Công tác sắp xếp, đổi mới, tái cơ cấu, cổ phần hóa, thoái vốn nhà nước, nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp được chú trọng. Thực hiện Quyết định số 360/QĐ-TTg ngày 17/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ và các văn bản chỉ đạo của cấp có thẩm quyền, các Tập đoàn, Tổng công ty đã xây dựng, hoàn thiện Đề án cơ cấu lại giai đoạn đến năm 2025 (Đề án cơ cấu lại) trình trình cấp có thẩm quyền phê duyệt; theo đó, các Tập đoàn, Tổng công ty tập trung nguồn lực vào việc cơ cấu lại ngành, lĩnh vực kinh doanh chính; đẩy mạnh thoái vốn đầu tư ngoài ngành; cơ cấu lại các đơn vị thành viên, sản phẩm, thị trường, kế hoạch đầu tư, nguồn nhân lực; tăng cường đổi mới, hiện đại hóa quản trị doanh nghiệp; kiện toàn bộ máy quản lý, kiểm soát, kiểm toán nội bộ. Đến nay, Đề án cơ cấu lại của 17 Tập đoàn, Tổng công ty đã được phê duyệt⁴⁶; theo đó, các Tập đoàn, Tổng công ty đang khẩn trương triển khai thực hiện theo Đề án đã được phê duyệt, bảo đảm hiệu quả, thực chất, tiến độ yêu cầu đã đề ra. Hiện nay, đang xem xét, thẩm định Đề án cơ cấu lại của VEC và VNA.

Tính đến ngày 25/10/2024 đã có 107 doanh nghiệp được cấp có thẩm quyền phê duyệt Đề án cơ cấu lại doanh nghiệp theo Quyết định số 360/QĐ-TTg ngày 17/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ. Trong đó 9 Doanh nghiệp do Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt, 98 doanh nghiệp do các cơ quan đại diện chủ sở hữu đã phê duyệt.

Đề nghị Bộ Tài chính, Ủy ban quản lý vốn tại Doanh nghiệp báo cáo thêm về nội dung này.

e) Thúc đẩy phát triển thương mại điện tử tại Việt Nam

⁴⁶ PVN, TKV, Vinachem, Vinafood1, VNR, VNPT, Petrolimex, Vinafor, ACV, VIMC, VRG, Vinafood2, Mobifone, Vinataba, Vinacafe, SCIC, EVN.

Ngành công thương đã đẩy mạnh đào tạo, tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về thương mại điện tử và các chính sách phát triển kinh tế số; đấu tranh chống hàng giả trong thương mại điện tử, cảnh báo các hành vi vi phạm trong thương mại điện tử; xây dựng các kênh truyền thông về thương mại điện tử trên các nền tảng mạng xã hội như Youtube, Tiktok, Facebook...; nâng cao năng lực thực thi pháp luật và xử lý vi phạm trong thương mại điện tử⁴⁷.

Hỗ trợ doanh nghiệp ứng dụng công nghệ số và thương mại điện tử trong hoạt động sản xuất kinh doanh; Triển khai giải pháp hỗ trợ doanh nghiệp xuất nhập khẩu khai báo C/O (ecosys.gov.vn) mẫu Vsign và Dịch vụ hỗ trợ khai báo xuất xứ hàng hoá; Triển khai các giải pháp, chương trình kết nối tiêu thụ hàng hóa tại thị trường nội địa và đẩy mạnh xuất khẩu qua thương mại điện tử xuyên biên giới; Chủ động cung cấp thông tin về các hoạt động, sự kiện, vấn đề nổi bật liên quan thương mại điện tử; Tổ chức các chương trình liên kết vùng trong phát triển thương mại điện tử; Triển khai sự kiện ngày mua sắm trực tuyến 2024; xây dựng và triển khai sàn thương mại điện tử hợp nhất 63 tỉnh/thành (sanviet.vn) nhằm kết nối và tạo nền tảng hỗ trợ cho cả người bán, người mua và các nền tảng số trong việc cung cấp hàng hóa, kết nối dịch vụ; triển khai chương trình hỗ trợ doanh nghiệp xuất khẩu qua thương mại điện tử - Go Export nhằm hỗ trợ doanh nghiệp trong việc xuất khẩu trực tuyến và thúc đẩy phân phối hàng hoá qua nền tảng thương mại điện tử quốc tế; xây dựng và triển khai sáng kiến về hệ sinh thái xuất nhập khẩu trực tuyến (EcomEx) nhằm hỗ trợ doanh nghiệp Việt xuất khẩu (tại địa chỉ ECVN.com); vận hành cổng thông tin xuất khẩu (Vietnamexport.com); website hỗ trợ doanh nghiệp khai báo xuất xứ điện tử với Bộ Công Thương (Vsign.vn) nhằm hỗ trợ doanh nghiệp xuất khẩu in form C/O theo mẫu của Bộ Công thương thuận tiện, chính xác, giúp họ tiết giảm thời gian và chi phí đi lại; phần mềm Triển lãm thực tế ảo ifair.vn hỗ trợ doanh nghiệp xúc tiến bán hàng online một cách trực quan thông qua việc trải nghiệm sản phẩm từ nhiều góc độ khác nhau và hình ảnh rõ nét.

Tiếp tục phát huy vai trò tích cực trong Ủy ban Điều phối về thương mại điện tử và Kinh tế số trong ASEAN (ACCED) với trọng tâm là đơn vị chủ trì đàm phán Hiệp định khung ASEAN về Kinh tế số; Đẩy mạnh hoạt động hợp tác đa phương, song phương về thương mại điện tử và kinh tế số, thúc đẩy thương mại điện tử xuyên biên giới; Tiếp tục tham gia đàm phán Hiệp định khung ASEAN về Kinh tế số nhằm thực hiện công tác triển khai Hiệp định ASEAN về thương mại điện tử và Chương trình thương mại điện tử trong các Hiệp định mà Việt Nam tham gia với vai trò là thành viên trong Ủy ban Điều phối về thương mại điện tử và kinh tế số trong ASEAN (ACCED); Tổ chức 4 Hội nghị giữa Việt Nam và các nước đối tác Nhật Bản, Hàn Quốc, Ấn Độ và Singapore về thương mại xuyên biên giới; tổ chức các buổi hội thảo tập huấn về tận dụng lợi thế do các FTA mang lại nhằm nâng cao năng lực xuất khẩu trực tuyến, đồng thời, đăng tin bài tuyên truyền về cam kết thương mại điện tử, thương mại số, kinh tế số trong các FTA mà Việt Nam đã tham gia.

⁴⁷ Bộ Công thương đã triển khai hơn 40 lớp đào tạo, tập huấn về TMĐT cho các đối tượng là cán bộ quản lý nhà nước, doanh nghiệp, thanh niên khởi nghiệp và sinh viên trên 30 tỉnh, thành phố trong cả nước với 5.500 học viên. Nội dung chương trình đào tạo được các học viên đánh giá hữu ích, phục vụ cho công tác chuyên môn cũng như hỗ trợ các doanh nghiệp mở rộng kiến thức về kinh doanh trong TMĐT.

g) Tổ chức thực hiện hiệu quả các giải pháp tháo gỡ và thúc đẩy thị trường bất động sản phát triển an toàn, lành mạnh, bền vững.

Bộ Xây dựng tập trung đẩy mạnh hoạt động của Tổ công tác của Thủ tướng Chính phủ; tiếp tục triển khai chính sách tháo gỡ khó khăn cho thị trường theo Nghị quyết số 33/NQ-CP ngày 11/02/2023 của Chính phủ⁴⁸; đã tham mưu trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 927/QĐ-TTg ngày 30/8/2024 ban hành kế hoạch triển khai thực hiện Chỉ thị số 34-CT/TW ngày 24 tháng 5 năm 2024 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phát triển nhà ở xã hội trong tình hình mới.

Về tình hình triển khai chính sách tháo gỡ khó khăn cho thị trường theo Nghị quyết số 33/NQ-CP ngày 11/02/2023 của Chính phủ: Tổ công tác đã làm việc lần lượt với các địa phương, bao gồm: thành phố Hồ Chí Minh, thành phố Hà Nội, thành phố Đà Nẵng, thành phố Hải Phòng, thành phố Cần Thơ, tỉnh Đồng Nai, tỉnh Bình Thuận, tỉnh Bình Định và một số doanh nghiệp bất động sản để nghe báo cáo, nắm thông tin, tình hình và rà soát đến từng dự án bất động sản cụ thể để trao đổi, hướng dẫn, giải đáp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong triển khai thực hiện dự án bất động sản.

Về công bố thông tin về nhà ở và thị trường bất động sản: Ngày 13/8/2024, Bộ Xây dựng đã ban hành Thông cáo số 165/TC-BXD về việc công bố thông tin về nhà ở và thị trường bất động sản Quý II/2024. Theo khảo sát và tổng hợp báo cáo của một số tỉnh, thành phố lớn như Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh thì giá căn hộ chung cư tăng trung bình khoảng từ tăng 5% đến 6,5% trong quý II và 25% theo năm tùy từng khu vực; giá bán biệt thự, nhà liền kề trong dự án đều có xu hướng tăng so với quý trước; Giá văn phòng cho thuê, mặt bằng thương mại tăng nhẹ khoảng 1- 3%.

h) Tăng cường liên kết giữa tổ chức kinh tế tập thể, hợp tác xã với các thành phần kinh tế khác; nghiên cứu hình thức hỗ trợ đối với các doanh nghiệp xã hội; tổ chức triển khai hiệu quả Luật Hợp tác xã năm 2023

Về triển khai Luật Hợp tác xã năm 2023: Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã trình Chính phủ đã ban hành 02 Nghị định: Nghị định số 113/2024/NĐ-CP ngày 12/9/2024 quy định một số điều của Luật HTX 2023, Nghị định số 92/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ về đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tạo hành lang pháp lý đồng bộ, thuận lợi nhằm đẩy mạnh phân cấp, phân quyền phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của các cấp; thúc đẩy các tổ chức kinh tế tập thể phát triển năng động, hiệu quả, bền vững; xây dựng hệ sinh thái các tổ chức kinh tế hợp tác mạnh, giúp nâng cao thu nhập, chất lượng cuộc sống của các thành viên và thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội.

Đã tổ chức Diễn đàn Kinh tế hợp tác, hợp tác xã 2024 do Thủ tướng Chính phủ chủ trì với chủ đề “Hoàn thiện chính sách hỗ trợ của nhà nước theo Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 16/6/2022 - Động lực thúc đẩy phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã trong giai đoạn mới” nhằm tăng cường giao lưu, kết nối giữa các hợp tác xã

⁴⁸ Nghị quyết về một số giải pháp tháo gỡ và thúc đẩy thị trường bất động sản phát triển an toàn, lành mạnh, bền vững.

và giữa hợp tác xã với các thành phần kinh tế khác, thu thập thông tin, tháo gỡ khó khăn nhằm hoàn thiện thể chế.

Về phổ biến Luật và truyền thông chính sách: đã tích cực tuyên truyền phổ biến Luật thông qua nhiều hình thức phong phú, đa dạng như hội nghị, hội thảo, tọa đàm, phóng sự, tập huấn... Bên cạnh đó, các bộ ngành, địa phương cũng đã chủ động bố trí ngân sách, lồng ghép trong các chương trình, dự án có liên quan để thực hiện tuyên truyền, phổ biến Luật và các văn bản hướng dẫn.

5. Chú trọng phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, nhất là nguồn nhân lực trong lĩnh vực công nghệ sinh học, trí tuệ nhân tạo, chip và chất bán dẫn gắn với đẩy mạnh nghiên cứu khoa học, phát triển và ứng dụng công nghệ, thúc đẩy mạnh mẽ hơn nữa đổi mới sáng tạo khởi nghiệp

a) Tiếp tục thực hiện hiệu quả nhiệm vụ đổi mới căn bản toàn diện giáo dục và đào tạo, nâng cao chất lượng và phát triển nguồn nhân lực:

Ngành Giáo dục và Đào tạo tiếp tục thực hiện đồng bộ các nhiệm vụ, giải pháp về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục đào tạo (GDĐT) theo tinh Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI “Về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế”. Bộ Giáo dục và Đào tạo đã phối hợp với các ban, bộ, ngành, cơ quan liên quan hoàn thiện Đề án tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW trình Bộ Chính trị.

Công tác hoàn thiện thể chế, chính sách tiếp tục được ưu tiên thực hiện nhằm tạo hành lang pháp lý, từng bước tháo gỡ các nút thắt, vướng mắc từ thực tiễn đặt ra, đáp ứng yêu cầu đổi mới GDĐT⁴⁹.

Tiếp tục duy trì và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi, phổ cập giáo dục tiểu học, trung học cơ sở và xóa mù chữ. Chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ ngày càng được nâng cao, góp phần chuẩn bị điều kiện sẵn sàng cho trẻ em 5 tuổi vào học lớp 1 và đáp ứng yêu cầu liên thông Chương trình Giáo dục phổ thông 2018. Đến nay, đã hoàn thành việc thẩm định và phê duyệt danh mục sách giáo khoa từ lớp 1 đến lớp 12; sách giáo khoa tiếng dân tộc thiểu số và sách chữ nổi cho người khiếm thị đang tiếp tục được quan tâm thực hiện. Kỳ thi tốt nghiệp Trung học phổ thông, tuyển sinh đại học, cao đẳng sư phạm năm 2024 được tổ chức thành công, an toàn, nghiêm túc, công bằng, khách quan, đúng quy chế; học sinh Việt Nam tham dự các kỳ thi Olympic khu vực và quốc tế đạt nhiều thành tích, trong đó nhiều học sinh Việt Nam đạt điểm số vượt trội ở các nội dung thi. Công tác giáo dục thường xuyên, xây dựng xã hội học tập, học tập suốt đời được đẩy mạnh. Nhiều đề án về tăng cường công tác giáo dục chính trị tư tưởng, đạo đức, lối sống, kỹ năng sống được triển khai giúp học sinh, sinh viên có lối sống văn hóa, yêu nước, tự hào dân tộc, có ý thức tuân thủ pháp luật, xây dựng

⁴⁹ Kết quả, đến tháng 11, Bộ GDĐT đã trình Chính phủ ban hành 04 Nghị định, Nghị quyết; trình Thủ tướng Chính phủ ban hành 04 Quyết định, Chỉ thị; ban hành theo thẩm quyền 14 Thông tư, 09 Quyết định cá biệt; đồng thời, tham mưu Chính phủ trình Quốc hội xem xét, cho ý kiến đối với dự án Luật Nhà giáo tại kỳ họp thứ 8.

văn hóa học đường, ngăn chặn hiệu quả bạo lực học đường.

Xây dựng dự thảo, hoàn thiện Chương trình Giáo dục mầm non mới. Xây dựng tài liệu hướng dẫn thực hiện chương trình giáo dục mầm non mới (Giai đoạn thí điểm), tiếp tục xây dựng quy trình thí điểm và Hội thảo tham vấn, chuẩn bị cho thí điểm Chương trình giáo dục mầm non mới trong thời gian tới.

Cả nước đã hoàn thành phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi; duy trì vững chắc, từng bước nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục tiểu học và trung học cơ sở⁵⁰. Các địa phương tiếp tục rà soát, bổ sung các điều kiện về đội ngũ giáo viên và cơ sở vật chất đảm bảo để thực hiện duy trì và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi. Tập trung mọi nguồn lực, giải pháp tích cực nhằm củng cố, duy trì đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học vững chắc và phấn đấu đạt chuẩn mức độ cao hơn để nâng cao chất lượng giáo dục tiểu học, thực hiện “giáo dục tiểu học là giáo dục bắt buộc” theo Luật Giáo dục 2019. Đến nay, cả nước có 63/63 tỉnh, thành phố duy trì và đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học, đạt tỷ lệ 100%, trong đó có 36/63 tỉnh, thành phố được Bộ GDĐT công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3, đạt tỷ lệ 57% (tăng 06 đơn vị cấp tỉnh, tương ứng 9% so với cùng kỳ). 63/63 tỉnh đạt chuẩn phổ cập giáo dục trung học cơ sở mức độ 1 (đạt 100%); mức độ 2 là 16 tỉnh (chiếm 25,4); mức độ 3 là 09 tỉnh (chiếm 14,29%).

Tăng cường điều kiện về cơ sở vật chất, nhất là thiết bị dạy học (TBDH) và chú trọng tăng cường năng lực cho cán bộ quản lý, giáo viên trong việc khai thác sử dụng hiệu quả các TBDH đã được trang bị đối với từng nội dung kiến thức của các môn học, hoạt động giáo dục theo yêu cầu đổi mới phương pháp dạy học đáp ứng mục tiêu của đổi mới giáo dục phổ thông. Đẩy mạnh công tác thanh tra, kiểm tra việc lựa chọn SGK theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018, quản lý, sử dụng sách tham khảo tại các cơ sở giáo dục.

Công tác phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội trong giáo dục đạo đức, lối sống cho thanh thiếu nhi, học sinh, sinh được quan tâm, đẩy mạnh. Đã tích cực tổ chức quán triệt, triển khai các Chỉ thị, Nghị quyết, kết luận của Đảng; các đề án, chương trình của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về văn hóa ứng xử trong trường học; đồng thời ban hành các văn bản chỉ đạo, xây dựng tài liệu, tập huấn chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên, cộng tác viên về công tác xây dựng văn hóa ứng xử trong trường học.

Tích cực triển khai và tiếp tục chỉ đạo các địa phương đẩy mạnh thực hiện Đề án tổng thể phát triển giáo dục thể chất, thể thao trường học giai đoạn 2016-2020, định hướng đến năm 2025. Chỉ đạo, hướng dẫn các địa phương triển khai thực hiện nhiệm vụ giáo dục thể chất, hoạt động thể thao và y tế trường học⁵¹. Các cơ sở GDPT thực hiện nghiêm túc chương trình môn học giáo dục thể chất với thời lượng 2 tiết/tuần; chú trọng đổi mới nội dung, phương pháp dạy và học tương

⁵⁰100% tỉnh, thành phố trong cả nước duy trì và đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học và giáo dục THCS, trong đó 36/63 tỉnh, thành phố đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3 và xóa mù chữ mức độ 2; 11 tỉnh, thành phố đạt chuẩn phổ cập giáo dục THCS mức độ 2; 08 tỉnh, thành phố đạt chuẩn phổ cập giáo dục THCS mức độ 3.

⁵¹ Công văn số 4719/BGDĐT-GDTC ngày 27/8/2024 của Bộ GDĐT hướng dẫn nhiệm vụ giáo dục thể chất, hoạt động thể thao và y tế trường học năm học 2024-2025

đôi phù hợp với học sinh và điều kiện của nhà trường; tăng cường tổ chức hoạt động thể thao ngoại khóa cũng như lựa chọn được những nhân tố xuất sắc tham gia các giải thể thao cấp tỉnh, thành phố và Hội khỏe Phù đồng các cấp; thực hiện đổi mới phương pháp dạy học môn học giáo dục thể chất, trên cơ sở phát huy tính tích cực của người học.

Đẩy mạnh phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo cùng văn hóa khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo cho sinh viên. Đã tổ chức thành công Ngày hội khởi nghiệp quốc gia của học sinh, sinh viên lần thứ VI và Cuộc thi “Học sinh, sinh viên với ý tưởng khởi nghiệp lần thứ VI”; tiếp tục triển khai Đề án “Hỗ trợ học sinh, sinh viên khởi nghiệp đến năm 2025” nhằm thúc đẩy tinh thần khởi nghiệp của học sinh, sinh viên. Tăng cường các hoạt động kết nối, xúc tiến đầu tư đối với các ý tưởng, dự án khởi nghiệp của học sinh, sinh viên có tính khả thi cao. Hiện nay, Bộ GDĐT có 01 dự án hỗ trợ các dự án khởi nghiệp sinh viên sau ngày hội khởi nghiệp quốc gia với tổng số vốn là 5.900 triệu đồng cho 03 năm từ năm 2023 đến hết năm 2025, mỗi năm ươm tạo 10 dự án để hỗ trợ trở thành các doanh nghiệp khởi nghiệp kinh doanh tạo tác động xã hội. Mỗi dự án được hỗ trợ vốn mỗi khoảng 80 triệu đồng để hoàn thiện các sản phẩm mẫu trước khi đưa ra thị trường. Có 15 cơ sở GDĐT đã thành lập Quỹ hỗ trợ khởi nghiệp, điển hình Quỹ BK - Funds của Đại học Bách khoa Hà Nội có quy mô vốn xấp xỉ 30.000 triệu đồng.

Tập trung thực hiện nhiều chính sách, hoạt động thúc đẩy phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao trong các lĩnh vực công nghệ cao; xây dựng và áp dụng chuẩn chương trình đào tạo cho nhiều nhóm ngành, trong đó các nhóm ngành khoa học công nghệ, kỹ thuật (phục vụ Cách mạng công nghiệp 4.0 và chuyển đổi số) có chuẩn cao tương đương với khu vực và thế giới. Thủ tướng Chính phủ đã có Quyết định số 1017/QĐ-TTg ngày 21/9/2024 phê duyệt Chương trình "Phát triển nguồn nhân lực ngành công nghiệp bán dẫn đến năm 2030, định hướng đến năm 2050". Trên cơ sở chuẩn chương trình đào tạo, các cơ sở giáo dục đại học đã đổi mới nội dung, phương thức đào tạo nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo một số ngành nghề tiên tiến, tiếp cận trình độ các nước phát triển trong ASEAN và thế giới. Trong đó ưu tiên triển khai nhiều giải pháp nhằm đẩy mạnh việc đào tạo nguồn nhân lực cho công nghiệp chip bán dẫn tại Việt Nam; hình thành liên minh các trường đại học hàng đầu về kỹ thuật, công nghệ của Việt Nam. Hoạt động nghiên cứu khoa học tiếp tục phát triển, các công trình nghiên cứu ngày càng thực chất, đóng góp của các cơ sở giáo dục đại học trong công bố khoa học trong nước và quốc tế tiếp tục giữ vai trò chủ đạo. Thứ hạng của các cơ sở giáo dục đại học và ngành đào tạo của Việt Nam ngày càng tăng trong các bảng xếp hạng uy tín quốc tế và khu vực.

Tiếp tục phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục đáp ứng yêu cầu đổi mới GDĐT, Bộ GDĐT đã chỉ đạo, đôn đốc, kiểm tra các địa phương thực hiện tốt các quy định về công tác tuyển dụng, sử dụng, đánh giá, tinh giản biên chế ngành Giáo dục và khắc phục tình trạng thừa, thiếu giáo viên, nhất là các tỉnh miền núi. Đồng thời, phối hợp với Bộ Nội vụ rà soát, bổ sung biên chế trong tổng số biên chế được giao bổ sung giai đoạn 2022-2026 theo Quyết định số 72-QĐ/TW và tuyển dụng giáo viên, bảo đảm nguyên tắc “có học sinh phải có giáo viên đứng

lớp”, từng bước khắc phục tình trạng thiếu giáo viên tại các địa phương. Tiếp tục quan tâm đào tạo, bồi dưỡng để nâng cao trình độ, năng lực của đội ngũ nhà giáo; tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo theo Luật Giáo dục 2019 cấp học mầm non, tiểu học, THCS tiếp tục tăng lên; công tác bồi dưỡng thường xuyên được quan tâm thực hiện; kho học liệu số về bồi dưỡng giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục trên hệ thống TEMIS được xây dựng và phát huy hiệu quả, đáp ứng nhu cầu bồi dưỡng thường xuyên của giáo viên. Nhìn chung, về cơ bản đội ngũ giáo viên đáp ứng được yêu cầu đổi mới GDĐT hiện nay; có tinh thần trách nhiệm, tâm huyết đã tích cực, chủ động tham gia bồi dưỡng để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, không ngừng đổi mới, sáng tạo trong hoạt động dạy học và giáo dục; góp phần quan trọng trong việc nâng cao chất lượng giáo dục của các địa phương.

Mạng lưới, quy mô trường, lớp tiếp tục được quan tâm đầu tư. Các địa phương thực hiện rà soát, dồn dịch điểm trường lẻ, sáp nhập trường có quy mô nhỏ để tập trung đầu tư, bảo đảm điều kiện để thực hiện chương trình giáo dục mầm non, phổ thông, giáo dục thường xuyên; tăng số phòng học kiên cố, bán kiên cố và giảm số phòng học tạm, mượn tạo thuận lợi cho người dân, đảm bảo quyền lợi học tập của học sinh và phù hợp với quy hoạch, yêu cầu phát triển KTXH của địa phương; quan tâm đầu tư mua sắm trang thiết bị, đồ dùng dạy học phục vụ yêu cầu triển khai Chương trình Giáo dục mầm non, Chương trình Giáo dục phổ thông 2018.

Tự chủ đại học đã từng bước tạo ra những thay đổi căn bản và toàn diện cho hệ thống GDDH, bắt đầu đổi mới từ nhận thức tới tư duy và hành động. Việc cơ sở GDDH công lập được giao tự chủ đã tạo điều kiện để các trường từng bước hình thành cơ cấu nhân lực phù hợp, lực lượng lao động trực tiếp (giảng viên) tăng lên trong khi đội ngũ lao động gián tiếp (chuyên viên và nhân viên) giảm xuống. Trong đó, các trường chú trọng hơn đến việc sử dụng công nghệ thông tin, thực hiện chuyển đổi số hoặc thuê dịch vụ bên ngoài nhằm tăng hiệu quả hoạt động của bộ máy.

Tiếp tục đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, chỉ đạo điều hành và trong hoạt động dạy và học. Đến nay, đã hoàn thành việc xây dựng 100% các cơ sở dữ liệu của ngành giáo dục từ mầm non, phổ thông, kết nối Cơ sở dữ liệu ngành Giáo dục với các Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và bảo hiểm.

b) Phát triển giáo dục nghề nghiệp, gắn kết công tác đào tạo nghề với thị trường lao động, đáp ứng nguồn nhân lực chất lượng cao cho sự phát triển kinh tế xã hội của đất nước và hội nhập quốc tế

Tiếp tục triển khai thực hiện Chiến lược phát triển giáo dục nghề nghiệp giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045; Quyết định số 73/QĐ-TTg ngày 10/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045. Tăng cường chỉ đạo, hướng dẫn công tác tuyển sinh, trong đó hướng dẫn các cơ sở GDNN: (i) Rà soát, đánh giá thực trạng, năng lực tổ chức đào tạo các ngành, nghề, lĩnh vực mới nổi, kỹ năng mới (trí tuệ nhân tạo, chip bán dẫn, chuyển đổi năng lượng, tín chỉ cacbon, năng lượng hydrogen, logistics, đường sắt cao tốc, du lịch halal,...); đánh giá tình

hình, kết quả triển khai và đề xuất các giải pháp tổ chức đào tạo, liên kết tổ chức đào tạo hiệu quả các ngành nghề mới, kỹ năng mới; (ii) Chú trọng, đẩy mạnh công tác tuyển sinh, tổ chức đào tạo, đào tạo lại, bồi dưỡng nâng cao trình độ, kỹ năng nghề cho người lao động ở những ngành nghề mới, kỹ năng mới để đáp ứng nhu cầu lao động có kỹ năng nghề cho phục hồi và phát triển kinh tế.

Các địa phương, cơ sở giáo dục nghề nghiệp chủ động đẩy mạnh công tác tuyên truyền, tư vấn tuyển sinh bằng nhiều hình thức, cung cấp đầy đủ thông tin đến mọi đối tượng người học. Hoạt động hợp tác quốc tế không ngừng được đẩy mạnh với các đối tác truyền thống và mở rộng ra nhiều đối tác tiềm năng mới, đặc biệt là thúc đẩy hợp tác về giáo dục nghề nghiệp gắn với phát triển thị trường lao động. Phối hợp với một số cơ quan, tổ chức tổ chức các hội nghị, hội thảo, tập trung nhiều giải pháp tăng quy mô, nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp, cung ứng cho các ngành kinh tế trọng điểm, mũi nhọn. Đẩy mạnh hợp tác với doanh nghiệp trong giáo dục nghề nghiệp, nhất là những ngành nghề mới, kỹ năng mới. Tăng cường hoạt động đào tạo nghề cho lao động trong doanh nghiệp nhỏ và vừa. Kịp thời nắm bắt những khó khăn, vướng mắc của các bộ, ngành, địa phương, cơ sở giáo dục nghề nghiệp trong hoạt động giáo dục nghề nghiệp để phối hợp tháo gỡ.

c) Đẩy mạnh nghiên cứu, phát triển và ứng dụng khoa học - công nghệ, thúc đẩy đổi mới sáng tạo

Bộ Khoa học và Công nghệ đã phối hợp với các cơ quan liên quan tiếp tục hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về KH&CN&ĐMST. Đã báo cáo Chính phủ trình Bộ Chính trị ban hành Kết luận về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 01 tháng 11 năm 2012 của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về phát triển khoa học và công nghệ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế⁵²; trình Ban Bí thư ban hành Chỉ thị về đẩy mạnh công tác tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng quốc gia đến năm 2030 và những năm tiếp theo⁵³. Trình Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 45-NQ/TW ngày 24/11/2023 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục xây dựng và phát huy vai trò của đội ngũ trí thức đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước nhanh và bền vững trong giai đoạn mới⁵⁴. Trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện Kết luận số 69-KL/TW ngày 11/01/2024 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện NQ số 20-NQ/TW ngày 01/11/2012⁵⁵.

Bộ KH&CN đã phối hợp với các bộ, ngành: (i) Tiếp thu, chỉnh lý, hoàn thiện dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật, trình Quốc hội cho ý kiến lần đầu đối với dự án tại Kỳ họp thứ 8, dự kiến trình Quốc hội thông qua tại Kỳ họp thứ 9 (tháng 5/2025) Quốc hội Khóa XV ; (ii) Xây dựng Dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm,

⁵² Kết luận số 69-KL/TW ngày 11 tháng 01 năm 2024 của Bộ Chính trị.

⁵³ Chỉ thị số 38-CT/TW ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Ban Bí thư.

⁵⁴ Nghị quyết số 107/NQ-CP ngày 09/7/2024 của Chính phủ.

⁵⁵ Quyết định số 709/QĐ-TTg ngày 24/7/2024 của Thủ tướng Chính phủ.

hàng hóa trình Chính phủ đề Quốc hội cho ý kiến tại Kỳ họp thứ 9 (tháng 5/2025) và thông qua tại Kỳ họp thứ 10 (tháng 10/2025); (iii) Tổng hợp hồ sơ Đề nghị xây dựng Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo vào Đề nghị của Chính phủ về Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2025; (iv) trình Chính phủ hồ sơ lập đề nghị xây dựng Luật Năng lượng nguyên tử (sửa đổi).

Bộ KH&CN đã tổ chức các buổi làm việc với Lãnh đạo các tỉnh/thành phố nhằm đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ KH&CN vào sản xuất, kinh doanh; hỗ trợ phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo; nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm hàng hóa, truy xuất nguồn gốc, bảo hộ và phát triển tài sản trí tuệ; tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong hoạt động KH&CN tại địa phương. Tiếp tục hỗ trợ địa phương xây dựng và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ KH&CN để giải quyết các vấn đề cấp thiết, phát sinh có tác động đến phát triển KT-XH, quốc phòng - an ninh tại địa phương; phát triển sản phẩm chủ lực, có lợi thế của địa phương; hỗ trợ quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường ứng phó biến đổi khí hậu...; triển khai các nhiệm vụ hỗ trợ ứng dụng công nghệ, tiến bộ kỹ thuật để phát triển KT-XH khu vực nông thôn, miền núi.

Tập trung triển khai Kế hoạch thực hiện Quy hoạch mạng lưới tổ chức KH&CN công lập từ trung ương đến địa phương giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050⁵⁶ nhằm nâng cao hiệu quả của tổ chức KH&CN công lập, phù hợp với khả năng đầu tư của ngân sách nhà nước. Tập trung nghiên cứu, xây dựng Nghị định quy định về cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của tổ chức KH&CN công lập phù hợp với đặc thù của hoạt động KH&CN⁵⁷.

Tiếp tục nghiên cứu, đề xuất nhiệm vụ, giải pháp mới có tính đột phá thúc đẩy, tạo điều kiện phát triển đội ngũ trí thức; sử dụng, trọng dụng cá nhân hoạt động KH&CN và thu hút cá nhân hoạt động KH&CN là người Việt Nam ở nước ngoài và chuyên gia nước ngoài tham gia hoạt động KH&CN tại Việt Nam⁵⁸. Hoàn thiện quy định về tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành KH&CN⁵⁹. Tổ chức triển khai Đề án đào tạo, bồi dưỡng nhân lực KH&CN ở trong nước và nước ngoài bằng ngân sách nhà nước (Đề án 2395)⁶⁰ và các chính sách sử dụng, trọng dụng cá nhân hoạt động KH&CN theo quy định. Công tác quản lý đội ngũ viên chức, nhân lực ngành KH&CN được chú trọng. Đã thực hiện các thủ tục theo quy định về việc bổ nhiệm đặc cách chức

⁵⁶ Quyết định số 229/QĐ-TTg ngày 14/3/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch mạng lưới tổ chức KH&CN công lập thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

⁵⁷ Đang tiếp thu ý kiến của Bộ Tư pháp, Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính đối với Hồ sơ trình xây dựng Nghị định (Tờ trình số 5073/TTr-BKH&CN ngày 29/12/2023 của Bộ KH&CN).

⁵⁸ Đã hoàn thiện, trình Chính phủ Tờ trình về Nghị quyết ban hành Chương trình hành động của Chính phủ triển khai thực hiện Nghị quyết số 45-NQ/TW ngày 24/11/2023 của Ban Chấp hành Trung ương về tiếp tục xây dựng và phát huy vai trò của đội ngũ trí thức đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước nhanh và bền vững trong giai đoạn mới (Tờ trình số 1167/TTr-BKH&CN ngày 09/4/2024).

⁵⁹ Đang xây dựng dự thảo Thông tư thay thế Thông tư số 08/2021/TT-BKH&CN ngày 27/10/2021 của Bộ trưởng Bộ KH&CN quy định về tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành KH&CN.

⁶⁰ Thành lập các Hội đồng để thẩm định và phê duyệt hồ sơ đăng ký tham gia nội dung của Đề án trong năm 2023 và dự kiến trong năm 2024 đối với các đối tượng: nhóm nghiên cứu, chuyên gia và sau tiến sỹ; nghiên cứu xây dựng nội dung chương trình và tổ chức thực hiện các khóa bồi dưỡng cán bộ quản lý KH&CN ở trong nước.

đanh nghề nghiệp viên chức ngành KH&CN⁶¹. Hoàn thành việc tổ chức kỳ thi và xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành KH&CN.

Tổ chức triển khai hiệu quả Chỉ thị số 25/CT-TTg ngày 05/10/2023 của Thủ tướng Chính phủ về phát triển thị trường KH&CN đồng bộ, hiệu quả, hiện đại và hội nhập⁶². Đồng thời, tổ chức các hoạt động xúc tiến giao dịch thông tin, công nghệ thiết bị, phát triển thị trường KH&CN thông qua các sự kiện triển lãm thành tựu KH&CN, sản phẩm KH&CN⁶³; các hoạt động kết nối tại Sàn Giao dịch thông tin, công nghệ, thiết bị,...

Hệ thống đổi mới sáng tạo quốc gia, Hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo tiếp tục được quan tâm phát triển. Năm 2024, thứ hạng của Việt Nam trong bảng xếp hạng chỉ số hệ sinh thái khởi nghiệp toàn cầu đã tăng hai bậc từ vị trí thứ 58 lên 56 (đứng thứ 5 tại khu vực Đông Nam Á và thứ 12 tại khu vực Châu Á Thái Bình Dương)⁶⁴.

6. Phát triển toàn diện các lĩnh vực văn hóa, xã hội, bảo đảm gắn kết hài hòa với phát triển kinh tế; bảo đảm an sinh xã hội, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân; tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng chính sách xã hội đáp ứng yêu cầu sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc trong giai đoạn mới.

a) Xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam; bảo tồn, tôn tạo và phát huy các giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể; phong trào thể dục thể thao quần chúng

Bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa: Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tiếp tục giải trình, tiếp thu và hoàn thiện dự thảo Luật Di sản văn hóa sửa đổi trình Quốc hội phê duyệt tại kỳ họp thứ 8. Trình Chính phủ ban hành Nghị định số 39/2024/NĐ-CP ngày 16/4/2024 quy định biện pháp quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hoá phi vật thể trong các Danh sách của UNESCO và Danh mục di sản văn hoá phi vật thể quốc gia.

Phối hợp với Văn phòng Đại diện UNESCO tại Hà Nội tổ chức Hội thảo Tham vấn về Triển vọng gia nhập Công ước UNESCO 2001 về Bảo vệ Di sản văn hoá dưới nước; Ngày 08/5/2024, UNESCO ghi danh “Những bản đúc nổi trên 9 đỉnh đồng ở Hoàng cung Huế” vào Danh mục Di sản tư liệu khu vực châu Á-Thái Bình Dương.

Đã trình Thủ tướng Chính phủ quyết định xếp hạng 03 di tích quốc gia đặc biệt đợt 15; phê duyệt 01 Quy hoạch bảo quản, tu bổ, phục hồi Di tích lịch sử và

⁶¹ Bổ nhiệm đặc cách chức danh nghề nghiệp viên chức ngành KH&CN đối với 03 viên chức hạng I và 12 viên chức hạng II.

⁶² Đã ban hành Kế hoạch của Bộ KH&CN triển khai thực hiện Chỉ thị số 25/CT-TTg với 21 nhiệm vụ (Quyết định số 666/QĐ-BKH&CN ngày 17/4/2024).

⁶³ (1) Phối hợp với Hội Tự động hoá Việt Nam, Hiệp hội Doanh nghiệp KH&CN Việt Nam, Hội Kinh tế số, Chi hội Doanh nhân Xúc tiến Thương mại Quốc tế tổ chức sự kiện “Triển lãm sản phẩm KH&CN&ĐMST” từ ngày 24-26/4/2024; (2) Tổ chức thành công Triển lãm thành tựu 65 năm Bộ KH&CN; (3) Kết nối liên thông và thường xuyên trao đổi hợp tác, liên kết với các Sàn Giao dịch công nghệ Thành phố Hồ Chí Minh, Hải Phòng, Bắc Giang, Nam Định, Thừa Thiên Huế.

⁶⁴ Theo báo cáo “Chỉ số hệ sinh thái khởi nghiệp toàn cầu năm 2024” được công bố bởi StartupBlink.

kiến trúc - nghệ thuật quốc gia đặc biệt tháp Bình Sơn, thị trấn Tam Sơn, huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc; 04 Nhiệm vụ lập Quy hoạch bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích: Địa đạo Vĩnh Mốc và Hệ thống làng hầm Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị; chùa Thầy và khu vực núi đá Sài Sơn, Hoàng Xá, Phương Cách, chùa Tây Phương (Hà Nội); Tây Thiên - Tam Đảo, huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc.

Xây dựng đời sống văn hóa cơ sở và Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”: Tổ chức triển khai thực hiện Nghị định số 86/2023/NĐ-CP của Chính phủ quy định về khung tiêu chuẩn và trình tự, thủ tục, hồ sơ xét tặng danh hiệu “Gia đình văn hoá”. “Thôn, tổ dân phố văn hoá”, “Xã, phường, thị trấn tiêu biểu (Công văn số 169/VHCS-NSVH ngày 12 tháng 03 năm 2024).

Xây dựng kế hoạch “Triển khai các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm hình thành môi trường văn hoá số; xây dựng cơ chế, chính sách, giải pháp khắc phục khoảng cách chênh lệch về hạ tầng văn hoá và mức hưởng văn hoá giữa các vùng, miền, nhóm xã hội đến năm 2030, tầm nhìn 2045” (Kế hoạch số 4537/KH-BVHTTDL ngày 17/10/2024).

Xây dựng văn hóa vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: Triển khai công tác tổ chức cuộc thi sáng tác ca khúc về đề tài dân tộc thiểu số; tập huấn về bảo tồn, phát huy đặc trưng văn hóa truyền thống trong Chợ phiên của đồng bào các dân tộc thiểu số; tập huấn về công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật và công tác bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, bài trừ hủ tục lạc hậu cho cán bộ văn hóa xã, nghệ nhân, già làng, trưởng thôn, bản và người có uy tín vùng đồng bào dân tộc thiểu số; truyền dạy, bảo tồn nghề thủ công truyền thống các dân tộc thiểu số vùng đồng bằng Sông Cửu Long; tập huấn về công tác văn hóa, gia đình, thể thao và du lịch cho công chức văn hóa, các nghệ nhân, người có uy tín, trưởng thôn, bản người dân tộc thiểu số.

Tổ chức 03 Lớp tập huấn nâng cao năng lực bảo tồn, phát huy nghệ thuật trình diễn dân gian (dân ca, dân vũ, dân nhạc) của dân tộc Raglai gắn với phát triển du lịch tại các tỉnh: Khánh Hòa, Tây Ninh, Bắc Kạn.

Hoạt động thư viện: Xây dựng Kế hoạch tập huấn về chuyển đổi số trong lĩnh vực thư viện (Quyết định số 1564/QĐ-BVHTTDL ngày 11/6/2024); Tổ chức tập huấn về chuyển đổi số trong lĩnh vực thư viện - Chuyển dạng tài liệu để tiếp cận cho người khuyết tật chữ in cho 200 học viên là lãnh đạo, công chức theo dõi công tác thư viện của các Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa và Thể thao tỉnh/thành phố; Xây dựng Đề án “Xây dựng mô hình thư viện cơ sở phục vụ nhân dân vùng trung du và miền núi Bắc Bộ giai đoạn 2025 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Tổ chức Hội nghị Sơ kết 05 năm thi hành Luật Thư viện (Quyết định số 2682/QĐ-BVHTTDL ngày 13/9/2024)...

Hoạt động Điện ảnh: Xây dựng Đề án “Xây dựng hệ thống số hóa dữ liệu phát hành, phổ biến phim tại Việt Nam”; Đề án “Sửa đổi, bổ sung quy định 289 về phí, lệ phí trong lĩnh vực điện ảnh”; Đề án “Trung tâm phát hành và phổ biến phim trực tuyến” năm 2024; Tổ chức Đợt phim kỷ niệm 79 năm Ngày Cách mạng tháng Tám thành công (19/8/1945 - 19/8/2024) và Quốc khánh nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (02/9/1945 - 02/9/2024). “Tuần phim Kỷ niệm 80 năm ngày thành

lập Quân đội nhân dân Việt Nam (22/12/1944 - 22/12/2024)".

Tổ chức Tuần phim Việt Nam tại Ba Lan; Tuần phim Việt Nam tại Nga; Tham gia Liên hoan Phim Quốc tế Bắc Kinh. Gửi phim để trình chiếu tại Liên hoan phim ASEAN Abuja tại Nigeria, Liên hoan phim quốc tế Mumbai lần thứ 18 tại Ấn Độ, Liên hoan phim Pháp ngữ tại Sri Lanka...; Tổ chức "Liên hoan Phim Quốc tế Hà Nội lần thứ VII" (từ ngày 7-11/11/2024).

Hoạt động nghệ thuật biểu diễn: Phát động bình chọn 50 tác phẩm văn học và nghệ thuật biểu diễn Việt Nam sau ngày đất nước thống nhất 30/4/1975-30/4/2025; Tổ chức các chương trình nghệ thuật kỷ niệm các ngày lễ phục vụ nhiệm vụ chính trị năm 2024; Tổ chức thành công Liên hoan Kịch nói toàn quốc 2024 (tháng 6); Liên hoan Múa quốc tế - 2024 (tháng 8); Cuộc thi tài năng Xiếc toàn quốc 2024 (tháng 9); Liên hoan Ca múa nhạc toàn quốc 2024 tại tỉnh Bình Dương (ngày 28/9/2024); Liên hoan Cải lương toàn quốc 2024;...

Hoạt động bản quyền tác giả và các quyền có liên quan: tổ chức Hội nghị quốc tế về thực thi bản quyền trên môi trường số (Ngày 17-21/6/2024); Xây dựng phương án đàm phán nội dung về quyền tác giả, quyền liên quan của Chương Sở hữu trí tuệ trong khuôn khổ Hiệp định thương mại tự do giữa ASEAN và Canada (Hiệp định ACaFTA); Xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 21/2015/NĐ-CP quy định về nhuận bút, thù lao đối với tác phẩm điện ảnh, mỹ thuật, nhiếp ảnh, sân khấu và các loại hình nghệ thuật biểu diễn khác; Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính về quyền tác giả, quyền liên quan; Bản ghi nhớ thỏa thuận hợp tác trong lĩnh vực quyền tác giả, quyền liên quan giữa Việt Nam và Hàn Quốc. Tham dự Cuộc họp lần thứ 73 Nhóm Công tác về Hợp tác Sở hữu trí tuệ các nước ASEAN (AWGIPC 73) và các sự kiện bên lề tổ chức tại Bandar Seri Begawan, Brunei (Ngày 31/8 đến 06/9/2024). Tiếp nhận 3.112 hồ sơ đăng ký quyền tác giả, quyền liên quan theo đúng trình tự, thủ tục quy định của pháp luật và hoàn thành nhập dữ liệu hồ sơ đăng ký lên Cổng dịch vụ công trực tuyến và một cửa điện tử Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch.

Hoạt động Mỹ thuật, Nhiếp ảnh và Triển lãm: Hoàn thiện hồ sơ Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 113/2013/NĐ-CP ngày 02/10/2013 của Chính phủ về hoạt động mỹ thuật gửi Bộ Tư pháp thẩm định; Tổ chức tập huấn về mỹ thuật, nhiếp ảnh tại 3 miền Bắc, Trung, Nam; Hoàn thiện hồ sơ Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 113/2013/NĐ-CP ngày 02/10/2013 của Chính phủ về hoạt động mỹ thuật gửi Bộ Tư pháp thẩm định; Tổ chức Cuộc thi và Triển lãm tranh đồ họa 10 nước Asean; Triển lãm kỷ niệm 70 năm ngày Chiến thắng Điện Biên Phủ (07/5/1954-07/5/2024); Festival mỹ thuật trẻ toàn quốc; Triển lãm tranh, sản phẩm sơn mài Việt Nam; Cuộc thi và Triển lãm ảnh nghệ thuật Việt Nam tại Hà Nội và Thừa Thiên Huế; Triển lãm ảnh "Sắc màu các dân tộc Việt Nam" tại tỉnh Đắk Lắk và Hà Nội; Triển lãm tác phẩm mỹ thuật, nhiếp ảnh của các tác giả được tặng giải thưởng Hồ Chí Minh và giải thưởng nhà nước năm 2023;...

Về công tác gia đình: Trình Thủ tướng Chính phủ ban hành kế hoạch triển khai thực hiện Luật Phòng, chống bạo lực gia đình (Quyết định số 428/QĐ-TTg ngày 18/5/2024); Xây dựng Nghị định quy định Cơ sở dữ liệu về phòng, chống bạo

lực gia đình (PCBLGD); Lập đề nghị xây dựng Nghị định của Chính phủ quy định về Công tác gia đình (sửa đổi); Xây dựng Hướng dẫn thực hiện công tác gia đình năm 2024; Tổ chức các hoạt động hưởng ứng Ngày Quốc tế Hạnh phúc 20/3/2024 với chủ đề Hạnh phúc cho mọi người. Hướng dẫn các bộ, ngành có liên quan và địa phương triển khai Tháng hành động quốc gia về phòng, chống bạo lực gia đình năm 2024 với chủ đề “Chấm dứt bạo lực, vun đắp yêu thương”; Tổ chức lớp tập huấn nghiệp vụ công tác gia đình năm 2024 tại miền Nam (tại tỉnh Long An), miền Bắc (tại thành phố Hải Phòng).

Về lĩnh vực Thể dục thể thao: Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển thể dục, thể thao Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 (Quyết định số 1189/QĐ-TTg ngày 15 tháng 10 năm 2024). Tiếp tục hoàn thiện Đề án tổ chức Đại hội Thể thao toàn quốc lần thứ X năm 2026; Đề án phát triển Điền kinh đến năm 2030 và định hướng đến năm 2045; Đề án phát triển các môn thể thao trọng điểm chuẩn bị tham dự các kỳ Olympic và ASIAD đến năm 2030, định hướng đến năm 2045.

Về thể dục thể thao quần chúng: Tiếp tục đẩy mạnh cuộc vận động “Toàn dân rèn luyện theo gương Bác Hồ vĩ đại”: Đôn đốc các địa phương triển khai Quyết định 1157/QĐ-BVHTTDL ngày 02/4/2021 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành Kế hoạch thực hiện Cuộc vận động “Toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại” giai đoạn 2021 - 2030; Kế hoạch số 5214/KH-BVHTTDL ngày 26/12/2019 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc tổ chức tháng hoạt động thể dục, thể thao cho mọi người và Ngày chạy Olympic vì sức khỏe toàn dân giai đoạn 2020 - 2030.

Hướng dẫn các địa phương tổ chức Đại hội Thể dục thể thao các cấp tiến tới Đại hội Thể thao toàn quốc lần thứ X; phối hợp chuẩn bị tổ chức các hoạt động thể dục thể thao trong chương trình Ngày hội Văn hóa dân tộc Chăm lần thứ VI tại tỉnh Ninh Thuận năm 2024 và Ngày hội văn hóa, thể thao và du lịch các dân tộc vùng Đông Bắc lần thứ XI tại tỉnh Lạng Sơn.

Về thể thao thành tích cao: Tập trung chuẩn bị lực lượng tập huấn các đội tuyển và đội tuyển trẻ quốc gia tại các Trung tâm Huấn luyện thể thao quốc gia Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Cần Thơ, Trường Đại học TDTT Bắc Ninh và một số địa phương, tuyển chọn những vận động viên ưu tú đi tập huấn ở nước ngoài chuẩn bị tham dự Olympic 2024, Paralympic 2024 tại Pháp, các giải thi đấu thể thao khu vực, châu lục và thế giới.

b) Công tác bảo trợ, an sinh xã hội:

Về chăm sóc người có công với cách mạng: Tiếp tục tổ chức thực hiện đồng bộ, hiệu quả Chỉ thị số 14-CT/TW ngày 19/7/2017 của Ban Bí thư về tiếp tục tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác người có công với cách mạng, Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng và các văn bản hướng dẫn; chuẩn hóa các điều kiện, tiêu chuẩn xem xét công nhận người có công với cách mạng theo đúng nguyên tắc chặt chẽ, thật sự xứng đáng, tôn vinh đúng đối tượng; chế độ ưu đãi người có công với cách mạng và thân nhân được quy định thống nhất, rõ ràng; kịp thời bổ sung cả về đối tượng và chế độ thụ hưởng đối với người có công, thân

nhân người có công với cách mạng. Trình Chính phủ ban hành Nghị định số 77/2024/NĐ-CP sửa đổi mức chuẩn trợ cấp ưu đãi người có công với cách mạng tăng từ 2.055.000 đồng lên 2.789.000 đồng, tăng 35,7%.

Trong 11 tháng năm 2024 đã thực hiện chi trả trợ cấp cho 1.084.092 người có công với cách mạng với kinh phí ước khoảng hơn 25,306 nghìn tỷ đồng; trong đó, tổng số đối tượng người có công với cách mạng đã nhận trợ cấp qua tài khoản là 500.321 người (chiếm 84,73% tổng số đối tượng người có công với cách mạng có tài khoản và bằng 46,15% tổng số đối tượng người có công với cách mạng được hưởng trợ cấp hằng tháng).

Triển khai thực hiện Quyết định số 1007/QĐ-TTg ngày 30/8/2023 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt quy hoạch mạng lưới các cơ sở xã hội nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công với cách mạng thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, Bộ LĐTBXH đang tổng hợp ý kiến của các địa phương, Bộ, ngành trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch triển khai Quy hoạch.

Đã tham mưu Thủ tướng Chính phủ trình Chủ tịch nước ban hành Quyết định số 590/QĐ-CTN ngày 25/6/2024 về việc tặng quà nhân dịp kỷ niệm 77 năm ngày Thương binh - Liệt sĩ (27/7/1947 - 27/7/2024) cho 1.371.586 người có công với cách mạng và thân nhân liệt sĩ với tổng kinh phí hơn 419.646 triệu đồng.

Về bảo trợ xã hội: Triển khai thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách trợ giúp xã hội, góp phần ổn định đời sống, bảo đảm an sinh xã hội cho đối tượng bảo trợ xã hội, đồng thời góp phần ổn định tình hình chính trị, an ninh trật tự, an toàn xã hội của đất nước. Đã trình Chính phủ ban hành Nghị định số 76/2024/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội⁶⁵. Công tác hỗ trợ Tết Nguyên đán Giáp Thìn năm 2024 được thực hiện kịp thời, đầy đủ, đúng đối tượng. Thực hiện kịp thời công tác cứu trợ đột xuất.

Chỉ đạo các địa phương thực hiện chi trả trợ cấp xã hội đầy đủ, kịp thời, đúng đối tượng, công khai, minh bạch. Hiện nay, cả nước thực hiện trợ cấp xã hội cho khoảng 3,8 triệu người⁶⁶.

Đã trình Ủy ban Quốc gia về Người cao tuổi Việt Nam ban hành văn bản số 01/CV-UBQGNCT ngày 06/5/2024 về việc triển khai Tháng hành động vì người cao tuổi Việt Nam năm 2024. Đến nay, cả nước có gần 17 triệu người cao tuổi, trong đó, hơn 3,3 triệu người cao tuổi đang hưởng lương hưu, trợ cấp BHXH hàng tháng, trợ cấp hàng tháng; 1,2 triệu người cao tuổi hưởng trợ cấp ưu đãi người có công với cách mạng; hơn 1,4 triệu người cao tuổi hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng; khoảng 10 nghìn người đang được nuôi dưỡng, chăm sóc tại các cơ sở trợ giúp xã hội; 95% người cao tuổi có thẻ BHYT, 32% người cao tuổi được lập hồ sơ quản lý theo dõi sức khỏe ban đầu. Cả nước hiện có khoảng 7,06 triệu người khuyết tật.

⁶⁵ Theo quy định mới, mức chuẩn trợ giúp xã hội áp dụng từ ngày 1/7/2024 là 500.000 đồng/tháng, tăng 38,9% so với mức chuẩn trợ giúp xã hội quy định tại Nghị định 20/2021/NĐ-CP (360.000 đồng/tháng).

⁶⁶ Trong đó có hơn 1,4 triệu người người cao tuổi, hơn 1,6 triệu người khuyết tật, 15,4 nghìn trẻ em đang hưởng chế độ đối với trẻ em mồ côi, mất nguồn nuôi dưỡng, 134,2 nghìn trẻ em hưởng chế độ đối với trẻ em dưới 3 tuổi, 79,7 nghìn người đang hưởng chế độ người đơn thân nghèo đang nuôi con, và hỗ trợ kinh phí chăm sóc hằng tháng cho 399,8 nghìn hộ gia đình, cá nhân nhận chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng bảo trợ xã hội.

Trong đó có hơn 3 triệu người đã được cấp giấy xác nhận mức độ khuyết tật, hơn 1,6 triệu người khuyết tật đặc biệt nặng và nặng nhận trợ cấp xã hội hàng tháng và được cấp thẻ BHYT miễn phí.

Nhìn chung, đối tượng yếu thế, người có hoàn cảnh khó khăn trong xã hội được quan tâm, tiếp cận, thụ hưởng các chính sách phúc lợi xã hội, y tế, giáo dục, học nghề, tìm việc làm để ổn định cuộc sống. Ước thực hiện năm 2024, 100% đối tượng bảo trợ xã hội đủ điều kiện được hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng; 100% người dân bị thiệt hại do thiên tai, lũ lụt, thiếu đói được trợ giúp đột xuất kịp thời, không người dân nào bị đói; khoảng 91% người khuyết tật có hoàn cảnh khó khăn được trợ giúp xã hội, chăm sóc và phục hồi chức năng kịp thời; 91% người cao tuổi có hoàn cảnh khó khăn được trợ giúp xã hội, phụng dưỡng, chăm sóc kịp thời, đạt mục tiêu.

Tiếp tục triển khai đồng bộ các giải pháp giảm nghèo bền vững theo hướng đa chiều, bao trùm, "không để ai bị bỏ lại phía sau": Các chính sách, chương trình giảm nghèo được thực hiện khá toàn diện và tương đối đầy đủ, đời sống của người nghèo từng bước được cải thiện, nâng cao, an sinh xã hội luôn được đảm bảo. Ước tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều năm 2024 còn dưới 1,9%, (giảm trên 1%); tỷ lệ hộ nghèo tại các huyện nghèo còn khoảng 26% (giảm khoảng 5%); tỷ lệ hộ nghèo dân tộc thiểu số còn dưới 13,5% (giảm trên 3%), đạt chỉ tiêu Quốc hội, Chính phủ giao; có 10 xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo được thoát khỏi tình trạng nghèo, đặc biệt khó khăn và 01 huyện nghèo thoát nghèo.

Thực hiện nhiệm vụ được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đã phối hợp với Bộ Tài chính, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các cơ quan liên quan tổ chức buổi Lễ công bố và vận động ủng hộ Quỹ cả nước chung tay xóa nhà tạm, nhà dột nát cho hộ nghèo, hộ cận nghèo vào ngày 5/10 tại Hà Nội.

c) Phát triển hệ thống chính sách xã hội toàn diện, bao trùm và bền vững

Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội tiếp tục phối hợp chặt chẽ với các bộ, ngành, trung ương và địa phương tích cực, chủ động thực hiện đồng bộ nhiều giải pháp nhằm phát triển tỷ lệ người tham gia BHXH, BHYT, BHTN. Chủ động xử lý, khắc phục những vướng mắc trong quá trình thực hiện, tạo điều kiện cho người dân và DN tham gia BHXH, BHYT, BHTN theo đúng quy trình, quy định...

Đã trình Quốc hội thông qua Luật Bảo hiểm xã hội (sửa đổi) số 41/2024/QH15 ngày 29 tháng 6 năm 2024; trình Chính phủ ban hành Nghị định số 75/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 về điều chỉnh lương hưu, trợ cấp BHXH và trợ cấp hàng tháng. Chủ động chuẩn bị sẵn mọi nguồn lực chi trả lương hưu, trợ cấp BHXH hàng tháng, đảm bảo chi trả kịp thời và đầy đủ quyền lợi của người thụ hưởng theo mức mới. Ngay trong ngày 01/7/2024, đã có trên 60% số người thụ hưởng đã được nhận trợ cấp và đến nay 100% các đối tượng đều đã được nhận lương hưu, trợ cấp BHXH mới theo quy định.

Các giải pháp phát triển đối tượng tham gia được đẩy mạnh thực hiện. Ước tính đến hết tháng 11/2024, số người tham gia BHXH đạt khoảng 19,699 triệu

người, tăng 11,2% so với cùng kỳ năm 2023. Ước thực hiện năm 2024, số người tham gia BHXH đạt khoảng 42,71% so với lực lượng lao động trong độ tuổi (hoàn thành chỉ tiêu được giao tại Nghị quyết số 01/NQ-CP); Số người tham gia BHYT là 15,797 triệu người, tăng 9,69% so với cùng kỳ năm 2023. Ước thực hiện năm 2024, số người tham gia BHYT đạt khoảng 34,18% so với lực lượng lao động trong độ tuổi (vượt 0,68% so với chỉ tiêu ở mức cao tại Nghị quyết số 01/NQ-CP); Số người tham gia BHYT là 94,633 triệu người, tăng 2,89% so với cùng kỳ năm 2023. Ước thực hiện năm 2024, số người tham gia BHYT đạt tỷ lệ bao phủ 94,2% so với dân số (vượt 0,1% so với chỉ tiêu được Quốc hội giao tại Nghị quyết số 103/2023/QH15 và tại Nghị quyết số 01/NQ-CP). Đã trình Chính phủ ban hành Nghị định số 74/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 quy định mức lương tối thiểu đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động để thực hiện chính sách tiền lương mới từ ngày 01/7/2024.

Phối hợp với Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam tổ chức Lễ phát động Tháng hành động về An toàn, vệ sinh lao động và Tháng Công nhân năm 2024 tại Hà Nội. Thường xuyên phối hợp với các cơ quan truyền thông, Báo đài Trung ương và địa phương tổ chức tuyên truyền về an toàn, vệ sinh lao động. Hướng dẫn Sở LĐTBXH các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tăng cường kiểm tra và thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn lao động.

d) Phát triển thị trường lao động:

Trong năm 2024, Bộ LĐTBXH tiếp tục chỉ đạo thực hiện đồng bộ các giải pháp phát triển thị trường lao động nhằm duy trì lực lượng lao động (LLLĐ) ổn định, góp phần phát triển kinh tế, sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp⁶⁷; chỉ đạo các địa phương theo dõi chặt chẽ, nắm tình hình sản xuất - kinh doanh, lao động, việc làm, nhất là của doanh nghiệp trong các khu công nghiệp để kịp thời có phương án hỗ trợ doanh nghiệp khắc phục tình trạng thiếu hụt lao động. Tăng cường các hoạt động tư vấn, giới thiệu việc làm, tổ chức các sàn giao dịch việc làm; nâng cao hiệu quả quản lý, điều tiết cung - cầu lao động để kết nối hiệu quả người lao động với người sử dụng lao động. Các giải pháp kết nối cung - cầu, nhất là kết nối thông tin về lao động - việc làm giữa các tỉnh có nguồn nhân lực dồi dào với các tỉnh, thành phố kinh tế trọng điểm được đẩy mạnh; tăng cường tổ chức các phiên giao dịch việc làm, giải ngân vốn cho vay giải quyết việc làm. Triển khai các giải pháp để xây dựng, hình thành thị trường lao động linh hoạt, đồng bộ, hiện đại, bền vững và hội nhập.

Việc thực hiện đồng bộ các giải pháp phục hồi và phát triển thị trường lao động đã mang lại những kết quả tích cực, giúp các khu công nghiệp, khu chế xuất, các vùng kinh tế trọng điểm cơ bản duy trì được LLLĐ ổn định, góp phần phục hồi, phát triển kinh tế đất nước sau đại dịch Covid-19. Các Sở LĐTBXH các tỉnh, thành phố thường xuyên theo dõi diễn biến của thị trường lao động để kịp thời chỉ đạo, hướng dẫn hệ thống Trung tâm dịch vụ việc làm tăng cường tổ chức các hoạt động giao dịch việc làm, thông tin thị trường lao động để kịp thời hỗ trợ việc làm cho người lao động, kết nối cung cầu lao động.

⁶⁷ Nghị quyết số 06/NQ-CP ngày 10/01/2023 về phát triển thị trường lao động linh hoạt, hiện đại; Chương trình hỗ trợ phát triển thị trường lao động đến năm 2030.

Tập trung triển khai thực hiện Nghị quyết số 225/NQ-CP ngày 31/12/2023 của Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Chỉ thị số 20-CT/TW ngày 12/12/2022 của Ban Bí thư Trung ương Đảng khóa XIII về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài trong tình hình mới. Công tác tuyển chọn, đào tạo nguồn và đưa lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng được tăng cường và quản lý chặt chẽ hơn. Hoạt động đưa lao động đi làm việc ở nước ngoài phục hồi tích cực, góp phần quan trọng giải quyết việc làm gắn với thu nhập cao cho người lao động. Bên cạnh đó, một số địa phương đã tổ chức các hoạt động hỗ trợ, tư vấn cho người lao động hoàn thành hợp đồng về nước hòa nhập vào thị trường lao động trong nước⁶⁸; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp hoạt động dịch vụ đưa lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người lao động.

d) Đẩy mạnh phát triển nhà ở xã hội, nhà ở công nhân

Bộ Xây dựng đã tập trung triển khai nhanh, hiệu quả Đề án “Đầu tư xây dựng ít nhất 01 triệu căn hộ nhà ở xã hội cho đối tượng thu nhập thấp, công nhân khu công nghiệp giai đoạn 2021-2030”, cụ thể: (1) Tổ chức thành công Hội nghị triển khai Đề án, giao chỉ tiêu nhà ở xã hội hoàn thành trong năm 2024 đối với từng địa phương và đề nghị các địa phương khẩn trương lập kế hoạch và triển khai cụ thể việc đầu tư các dự án nhà ở xã hội trên địa bàn, đảm bảo mục tiêu toàn quốc hoàn thành 130.000 căn hộ nhà ở xã hội mà Chính phủ giao; (2) Phối hợp với Văn phòng Chính phủ tổ chức Hội nghị tháo gỡ khó khăn, thúc đẩy phát triển nhà ở xã hội do Thủ tướng Chính phủ chủ trì ngày 16/3/2024 và ngày 17/5/2024;...

Về nguồn vốn hỗ trợ 120.000 tỷ theo Nghị quyết số 33/NQ-CP ngày 11/3/2023 của Chính phủ: Hiện nay, ngoài 04 ngân hàng thương mại cổ phần nhà nước (BIDV, Vietinbank, Agribank, Vietcombank) thì có thêm 04 Ngân hàng Tiên Phong (TPbank), VPBank, MBBank và Techcombank đã có văn bản đăng ký tham gia chương trình với số tiền đăng ký của mỗi ngân hàng là 5.000 tỷ đồng (nâng nguồn vốn hỗ trợ lãi suất lên 140.000 tỷ đồng). Qua tổng hợp, đến nay mới có 34/63 UBND tỉnh có văn bản, công bố 78 dự án đủ điều kiện vay vốn ưu đãi trên cổng thông tin điện tử. Một số tỉnh đã công bố nhiều dự án là Hà Nội (6 dự án), TP. Hồ Chí Minh (6 dự án), Bắc Ninh (6 dự án), Bình Định (5 dự án)... Các ngân hàng thương mại đã giải ngân với số tiền là 1.704 tỷ đồng⁶⁹.

e) Phát triển và nâng cao năng lực hệ thống y tế

Y tế dự phòng, chăm sóc sức khỏe ban đầu, nâng cao sức khỏe: Bộ Y tế đã trình Chính phủ ban hành Nghị định số 13/2024/NĐ-CP ngày 05/02/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 104/2016/NĐ-CP quy định về hoạt động tiêm chủng; Ban hành Thông tư số 10/2024/TT-BYT ngày 13/6/2024 thay thế Thông tư 38/2017/TT-BYT ngày 17/10/2017 về danh mục bệnh truyền nhiễm, phạm vi và

⁶⁸ Tổ chức hội chợ việc làm tại tỉnh Bắc Ninh với sự tham gia của 14 doanh nghiệp có vốn đầu tư của Hàn Quốc, Nhật Bản tại Việt Nam, kết quả có 35 lao động đã đạt sơ tuyển để làm việc trong các doanh nghiệp; tổ chức 04 phiên giao dịch việc làm với gần 1.500 người lao động tham gia tại các huyện Mường Tè, Nậm Nhùn, Sin Hồ, Phong Thổ của tỉnh Lai Châu.

⁶⁹ Bao gồm: 1.624 tỷ đồng cho chủ đầu tư tại 13 dự án; 80 tỷ đồng cho người mua nhà tại 7 dự án. Trong đó, Agribank đã giải ngân 731 tỷ đồng, Vietinbank đã giải ngân 355 tỷ đồng, BIDV đã giải ngân 157 tỷ đồng, VCB đã giải ngân 290 tỷ đồng, TPbank đã giải ngân 171 tỷ đồng.

đối tượng sử dụng vắc xin, sinh phẩm y tế bắt buộc; Tập trung hoàn thiện dự thảo Luật Phòng bệnh; Tiếp tục hoàn thiện danh mục, định mức kinh tế kỹ thuật về y tế dự phòng, gói dịch vụ y tế cơ bản phục vụ chăm sóc sức khỏe ban đầu, dự phòng và nâng cao sức khỏe.

Đầu năm 2024, đã hoàn thành các thủ tục mua sắm, đặt hàng vắc xin trong Chương trình tiêm chủng mở rộng và tổ chức phân bổ ngay đến các địa phương, đồng thời chỉ đạo các địa phương tích cực triển khai tổ chức tiêm chủng, tiêm bù mũi cho những trẻ chưa được tiêm chủng đầy đủ trong thời gian gián đoạn vắc xin nhằm nâng cao miễn dịch cộng đồng. Bộ Y tế phối hợp với WHO, UNICEF xây dựng kế hoạch và triển khai chiến dịch tiêm chủng vắc xin phòng chống dịch sởi.

Bộ Y tế đã tham mưu Thủ tướng Chính phủ ban hành các Công điện⁷⁰ chỉ đạo các bộ, ngành, địa phương tiếp tục theo dõi chặt chẽ, bám sát các diễn biến tình hình dịch bệnh. Chủ động triển khai các phương án phòng, chống dịch bệnh khi xảy ra các tình huống về thiên tai. Đẩy mạnh truyền thông, nâng cao nhận thức của người dân và cộng đồng về dự phòng, nâng cao sức khỏe, chú trọng dinh dưỡng, bảo vệ, rèn luyện thể lực.

Trình Chính phủ ban hành Nghị định số 129/2024/NĐ-CP ngày 10/10/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 91/2026/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ về quản lý hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế; Ban hành Thông tư số 16/2024/TT-BYT ngày 30/9/2024 Danh mục chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế đã được xác định mã số HS theo Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam.

Phòng chống HIV/AIDS: Tham mưu Chính phủ ban hành Nghị định số 141/2024/NĐ-CP ngày 28/10/2024 quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng, chống nhiễm vi rút gây ra hội chứng suy giảm miễn dịch mắc phải ở người (HIV/AIDS); ban hành Thông tư số 26/2024/TT-BYT ngày 31/10/2024 quy định đặc điểm kinh tế - kỹ thuật dịch vụ điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện tại các đơn vị sự nghiệp công lập; tiếp tục hoàn thiện Thông tư quy định đặc điểm kinh tế - kỹ thuật các dịch vụ y tế dự phòng về lĩnh vực phòng, chống HIV/AIDS...

Triển khai giám sát ca bệnh tại 63/63 tỉnh/thành phố, giám sát trọng điểm thường quy năm 2024 trên nhóm phụ nữ bán dâm và nam quan hệ tình dục đồng giới. Ban hành Hướng dẫn chuyên môn về triển khai điều tra lập bản đồ tụ điểm và ước tính số lượng quần thể có hành vi nguy cơ cao lây nhiễm HIV và ước tính số lượng quần thể nguy cơ thông qua phương pháp thống kê số lượng người dùng ứng dụng mạng xã hội.

Công tác đảm bảo an toàn thực phẩm: Bộ Y tế tham mưu Thủ tướng Chính phủ ban hành Chỉ thị số 38/CT-TTg ngày 11/10/2024 về Tăng cường phòng ngừa ngộ độc thực phẩm, Công điện số 44/CĐ-TTg ngày 03/5/2024 về việc ngăn ngừa,

⁷⁰ Công điện 22/CĐ-TTg ngày 14/3/2024 tập trung thực hiện nghiêm công tác phòng, chống bệnh Đại; Công điện 25/CĐ-TTg ngày 25/3/2024 tăng cường công tác phòng, chống bệnh Lao; Công điện số 68/CĐ-TTg ngày 13/7/2024 về việc tăng cường công tác phòng, chống bệnh bạch hầu; Công điện số 116/CĐ-TTg ngày 14/11/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường công tác phòng, chống bệnh sởi.

xử lý ngộ độc thực phẩm; ban hành Thông tư số 12/2024/TT-BYT ngày 18/7/2024 về giới hạn các chất ô nhiễm trong thực phẩm bảo vệ sức khỏe.

Hệ thống kiểm nghiệm về an toàn thực phẩm được đầu tư, nâng cấp. Đến nay đã có 06 Labo thuộc các Viện Trung ương và 63 phòng kiểm nghiệm thực phẩm cấp tỉnh được chuẩn hóa theo tiêu chuẩn ISO/IEC 17025. Năm 2024, Bộ Y tế (Cục An toàn thực phẩm) đã chỉ định 14 cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước và đang thẩm định 05 hồ sơ đăng ký chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước.

Công tác khám chữa bệnh: Tập trung hoàn thiện các văn bản pháp luật hướng dẫn thi hành Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 15/2023/QH15 và Nghị định số 96/2023/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh. Xây dựng các Đề án: Tăng cường năng lực Hệ thống chăm sóc sức khoẻ tâm thần giai đoạn 2024-2030; Xây dựng Trung tâm xạ trị proton; Tăng cường năng lực hệ thống giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần và bắt buộc chữa bệnh giai đoạn 2023-2030; Nâng cao chất lượng chăm sóc người bệnh toàn diện trong cơ sở khám bệnh, chữa bệnh; Tăng cường năng lực hệ thống giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần và bắt buộc chữa bệnh giai đoạn 2023-2030; Phát triển hệ thống cấp cứu ngoại viện và củng cố năng lực cấp cứu, hồi sức tích cực; Ban hành Thông tư số 20/2024/TT-BYT ngày 14/10/2024 sửa đổi Thông tư 09/2015/TT-BYT quy định về xác nhận nội dung quảng cáo đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đặc biệt thuộc lĩnh vực quản lý của Bộ Y tế; Thông tư số 21/2024/TT-BYT ngày 17/10/2024 quy định phương pháp định giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh.

Tiếp tục hoàn thiện các quy trình kỹ thuật, định mức kinh tế - kỹ thuật, danh mục kỹ thuật các dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh. Tiếp tục xây dựng, hoàn thiện các hướng dẫn chẩn đoán và điều trị: bệnh Mpox (Đậu mùa khỉ); bệnh tay chân miệng; triệu chứng đường tiểu dưới do tăng sinh lạnh tính tuyến tiền liệt; bệnh Hemophilia; bệnh võng mạc trẻ đẻ non. Hướng dẫn quy trình kỹ thuật, chẩn đoán, điều trị chuyên ngành phục hồi chức năng. Đến nay, Bộ Y tế đã ban hành trên 1.300 hướng dẫn chẩn đoán và điều trị các lĩnh vực tim mạch, hô hấp, nội tiết, cơ xương khớp, ung thư, tâm thần..., các hướng dẫn chẩn đoán và điều trị bệnh dịch mới nổi, tái nổi.

Triển khai các đề án, dự án về phục hồi chức năng như Đề án trợ giúp người khuyết tật, Chương trình phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng người khuyết tật, Chương trình trợ giúp xã hội và phục hồi chức năng cho người tâm thần, trẻ em tự kỷ và người rối nhiễu tâm trí dựa vào cộng đồng năm 2024. Đẩy mạnh thực hiện các giải pháp, nhiệm vụ để sớm chấm dứt bệnh lao. Tham mưu Thủ tướng Chính phủ ban hành Công điện 25/CĐ-TTg ngày 15/3/2024 tăng cường công tác phòng, chống bệnh Lao Công điện 47/CĐ-TTg ngày 13/05/2024 tăng cường quản lý thuốc lá điện tử, thuốc lá nung nóng.

Tiếp tục phát triển về số lượng và quy mô các cơ sở y tế tư nhân, có 372 bệnh viện tư nhân chiếm 23,84% tổng số bệnh viện; tuy nhiên số lượng giường bệnh tư nhân mới chỉ chiếm 5,67%; đồng thời các bệnh viện tư nhân đều tập trung định hướng các chuyên khoa như mắt, răng hàm mặt, phẫu thuật thẩm mỹ... với số lượng dưới 50 giường, số bệnh viện đa khoa có quy mô trên 100 giường còn rất ít.

Tiếp tục triển khai các giải pháp nâng cao chất lượng công tác quản lý bệnh viện. Đẩy mạnh phát triển mạng lưới bệnh viện vệ tinh, hệ thống phòng khám y học gia đình; đào tạo, chuyển giao kỹ thuật, nâng cao năng lực chuyên môn y tế xã, phường giai đoạn 2019 - 2025. Triển khai công tác kiểm tra, giám sát việc kê đơn, sử dụng nguồn quỹ Bảo hiểm y tế tại một số cơ sở y tế.

Quản lý dược: Bộ Y tế ban hành Thông tư số 03/2024/TT-BYT ngày 16/04/2024 về Danh mục thuốc; Thông tư số 09/2024/TT-BYT ngày 11/6/2024 ban hành các Danh mục thuốc, nguyên liệu làm thuốc dùng cho người và mỹ phẩm xuất khẩu, nhập khẩu đã được xác định mã số hàng hóa theo danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam.

Chỉ đạo đẩy mạnh cấp phép, gia hạn, giải quyết khẩn trương các hồ sơ tồn đọng xin cấp Giấy đăng ký lưu hành thuốc để bảo đảm nguồn cung ứng thuốc. Thực hiện đánh giá GSP (Thực hành tốt bảo quản thuốc) đối với 35 cơ sở; cấp mới, cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược cho 40 cơ sở với phạm vi xuất nhập khẩu và kinh doanh dịch vụ bảo quản thuốc. Tiến hành 24 đợt đánh giá GMP (Thực hành tốt sản xuất thuốc). Hiện có 238 nhà máy sản xuất của 205 đơn vị đạt tiêu chuẩn GMP, trong đó có 162 nhà máy tân dược, 7 nhà máy sản xuất vắc xin, 15 nhà máy sản xuất sinh phẩm, 8 nhà máy sản xuất nguyên liệu tân dược, 92 nhà máy đông dược, 55 nhà máy sản xuất nguyên liệu đông dược.

Chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em: Đẩy nhanh tiến độ xây dựng, trình Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi Nghị định số 10/2015/NĐ-CP ngày 28/01/2015 của Chính phủ quy định về sinh con bằng kỹ thuật thụ tinh trong ống nghiệm và điều kiện mang thai hộ vì mục đích nhân đạo. Xây dựng, bổ sung, cập nhật các hướng dẫn, quy trình chuyên môn; kiểm tra việc tuân thủ các quy định chuyên môn và pháp lý trong lĩnh vực sức khỏe bà mẹ-trẻ em, sức khỏe sinh sản.

Các chỉ số về chăm sóc sức khỏe bà mẹ trước, trong và sau sinh vẫn duy trì ở mức cao trên bình diện toàn quốc. Gần 88% số phụ nữ đẻ được khám thai ít nhất 4 lần trong 3 thời kỳ thai nghén; 96% cuộc đẻ có cán bộ y tế có kỹ năng đỡ; tỷ lệ chăm sóc sau sinh trong tuần đầu duy trì ở mức trên 70%. Số trường hợp phá thai đã giảm khá nhiều qua các năm từ 15 ca phá thai trên 100 trẻ đẻ sống năm 2015 xuống ≈ 10 ca năm 2020 và duy trì cho đến nay.

Tiếp tục triển khai Kế hoạch hành động Quốc gia tiến tới loại trừ lây truyền HIV, viêm gan B và giang mai từ mẹ sang con giai đoạn 2018-2030; Tiếp tục thực hiện Chương trình Can thiệp giảm tử vong trẻ em dưới 5 tuổi đến năm 2030, Kế hoạch hành động quốc gia về chăm sóc sức khỏe sinh sản. Đào tạo, giám sát hỗ trợ nhằm nâng cao năng lực về chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em và trẻ sơ sinh cho các tỉnh/thành phố. Các hoạt động phòng chống suy dinh dưỡng bà mẹ, trẻ em được triển khai lồng ghép trong Chương trình “Chăm sóc dinh dưỡng 1.000 ngày đầu đời nhằm phòng chống suy dinh dưỡng bà mẹ, trẻ em, nâng cao tầm vóc người Việt Nam”.

Y học cổ truyền: Bộ Y tế ban hành Thông tư số 02/2024/TT-BYT ngày 12/3/2024 quy định cấp giấy chứng nhận lương y, giấy chứng nhận người có bài thuốc gia truyền, giấy chứng nhận người có phương pháp chữa bệnh gia truyền, kết hợp y học cổ truyền với y học hiện đại tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh; Thông tư

số 13/2024/TT-BYT ngày 26/8/2024 về Danh mục dược liệu độc làm thuốc và Thông tư số 14/2024/TT-BYT ngày 06/9/2024 về phương pháp chế biến dược liệu và vị thuốc cổ truyền.

Quy hoạch và phát triển dược liệu được chú trọng (25 tỉnh có quy hoạch vùng trồng cây thuốc); cơ bản hình thành được một số vùng trồng dược liệu lớn; công tác bảo tồn, khai thác và phát triển nguồn cây thuốc đã đạt được những kết quả nhất định; công tác kiểm soát chất lượng dược liệu được tăng cường. Đẩy mạnh cấp phép, gia hạn đăng ký lưu hành các thuốc cổ truyền, vị thuốc cổ truyền và dược liệu; triển khai các giải pháp tháo gỡ khó khăn trong mua sắm dược liệu, thuốc cổ truyền của các bệnh viện y học cổ truyền.

Tổ chức các chương trình, sự kiện nhằm đẩy mạnh phát triển hệ thống y, dược cổ truyền thời gian tới như Hội nghị Ban thường trực lần thứ 21 của diễn đàn hòa hợp về chất lượng và tiêu chuẩn hóa thuốc từ dược liệu khu vực Tây Thái Bình Dương; Ngày truyền thống y dược học cổ truyền;...

Cơ sở hạ tầng, thiết bị y tế: Đẩy nhanh tiến độ xây dựng dự án Luật Thiết bị y tế; Thông tư hướng dẫn thiết kế CDC tuyến tỉnh; Thông tư về kê khai giá; quy định về tiêu chuẩn, định mức sử dụng công trình sự nghiệp y tế. Tham mưu phương án giải quyết, kiến nghị đề xuất và thẩm quyền, trách nhiệm của Bộ Y tế trong việc xử lý các vướng mắc đối với dự án cơ sở 2 của Bệnh viện Bạch Mai và Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức.

Đẩy mạnh cấp phép, gia hạn trang thiết bị y tế; giải quyết hồ sơ tồn đọng xin cấp phép về trang thiết bị y tế. Bộ Y tế ban hành các Thông tư hướng dẫn về lựa chọn nhà thầu cung cấp thuốc, vật tư xét nghiệm, thiết bị y tế: Thông tư 03/2024/TT-BYT ngày 16/4/2024; Thông tư 04/2024/TT-BYT ngày 20/04/2024; Thông tư 05/2024/TT-BYT ngày 14/05/2024; Thông tư 07/2024/TT-BYT ngày 17/05/2024. Tổ chức các hội thảo, đi làm việc với các đơn vị, địa phương nắm bắt tình hình, hướng dẫn tháo gỡ khó khăn, vướng mắc về mua sắm đầu thầu trong lĩnh vực y tế. Tiếp tục tăng cường giao quyền tự chủ cho các đơn vị sự nghiệp y tế công lập.

Phát triển nguồn nhân lực y tế: Mạng lưới các cơ sở đào tạo nhân lực y tế tiếp tục phát triển cả công lập và ngoài công lập, mở rộng các chuyên ngành đào tạo. Cả nước có 214 cơ sở đào tạo nhân lực y tế, trong đó 66 cơ sở giáo dục đại học, 139 cơ sở giáo dục nghề nghiệp, 9 Viện nghiên cứu có đào tạo tiền sĩ.

Bộ Y tế phê duyệt Đề án phát triển nguồn nhân lực y tế giai đoạn 2023-2030, định hướng 2050. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, đảm bảo chất lượng đào tạo nhân lực y tế, kịp thời chấn chỉnh và chỉ đạo công tác đào tạo, đào tạo liên tục cán bộ y tế nhằm bảo đảm chất lượng đào tạo nguồn nhân lực y tế. Công bố cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe theo quy định tại Nghị định số 111/2017/NĐ-CP. Tổ chức thẩm định năng lực đào tạo và giao nhiệm vụ đào tạo chuyên khoa cấp I, chuyên khoa cấp II, bác sĩ nội trú các chuyên ngành cho các cơ sở đào tạo nhân lực y tế.

Từng bước tăng cường đào tạo, nâng cao chất lượng nhân lực y tế tuyến dưới, vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn thông qua đào tạo, đưa bác sĩ trẻ về vùng khó

khăn. Triển khai Dự án “Thí điểm đưa Bác sỹ trẻ tình nguyện về công tác tại vùng khó khăn” giai đoạn 2021-2030. Đến nay Dự án đã tiếp nhận 345 bác sỹ tại 142 huyện thuộc 37 tỉnh khu vực miền núi phía Bắc, miền Trung, Tây nguyên, duyên hải Nam Trung bộ và Tây Nam Bộ; đã tổ chức khai giảng 10 lớp đào tạo bác sỹ chuyên khoa cấp I.

Tiếp tục tích cực tham gia các hợp tác song phương và đa phương thúc đẩy tiếp cận tài chính y tế bền vững để ứng phó tốt hơn với các dịch bệnh mới nổi, chú trọng ứng dụng công nghệ số trong y học, tạo môi trường thuận lợi để phát triển ngành công nghiệp về y tế như sản phẩm vắc xin, thiết bị y tế, thúc đẩy các chính sách và chuỗi cung ứng toàn cầu. Tiếp nhận tài trợ và phân bổ khoảng 748.000 liều vắc xin Bạch hầu - Ho gà - Uốn ván, Viêm gan B và Hib cho Chương trình Tiêm chủng mở rộng; Kiện toàn nhân sự của Ban Điều phối quốc gia Quỹ Toàn cầu tại Việt Nam (CCM); Tổ chức khánh thành Trung tâm hợp tác với WHO về chuẩn bị, ứng phó với đại dịch và quản lý lâm sàng các bệnh truyền nhiễm tại Bệnh viện Nhiệt đới Trung ương (ngày 14/5/2024);...

Tích cực, chủ động thúc đẩy phát triển khoa học và công nghệ lĩnh vực y tế phục vụ bảo vệ, chăm sóc sức khỏe nhân dân: Tiếp tục triển khai xây dựng Đề án phát triển công nghiệp sinh học lĩnh vực y tế. Tổng hợp, rà soát, gửi Bộ Khoa học và Công nghệ danh mục 29 đề xuất đặt hàng nhiệm vụ cấp Quốc gia lĩnh vực y tế cho kế hoạch 2024-2025. Xây dựng 5 Chương trình khoa học công nghệ cấp Bộ Y tế trong các lĩnh vực lâm sàng, dự phòng, thuốc, thiết bị y tế, dược liệu, giai đoạn đến 2030. Đẩy mạnh nghiên cứu ứng dụng, phát triển công nghệ cao trong lĩnh vực y tế, tiếp cận trình độ của các nước trong khu vực và trên thế giới; làm chủ được các kỹ thuật tiên tiến trong chẩn đoán và điều trị bệnh, tật ở người như ghép tạng, trị liệu tế bào gốc, mổ nội soi, kỹ thuật sinh học phân tử, y học hạt nhân; làm chủ được các công nghệ và kỹ thuật tiên tiến trong dự phòng các bệnh truyền nhiễm, nguy hiểm, các bệnh mới phát sinh. Chú trọng nghiên cứu ứng dụng công nghệ cao trong nghiên cứu và sản xuất thuốc từ dược liệu trong nước và thuốc y học cổ truyền.

Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong lĩnh vực y tế: Bộ Y tế đã ban hành các Quyết định⁷¹ và nhiều văn bản đơn đốc, hướng dẫn các đơn vị triển khai xây dựng Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số. Đang triển khai trên toàn quốc 4 nền tảng dùng chung gồm: Nền tảng Hồ sơ sức khỏe điện tử, Nền tảng Quản lý tiêm chủng, Nền tảng Hỗ trợ tư vấn khám, chữa bệnh từ xa, Nền tảng Trạm y tế xã. Bộ Y tế đã có 6/6 hệ thống dịch vụ có dữ liệu trên Nền tảng tích

⁷¹ Quyết định số 610/QĐ-BYT ngày 14/3/2024 về việc Ban hành Biểu mẫu nộp tiền Khám, chữa bệnh trên Cổng dịch vụ công quốc gia; Quyết định số 611/QĐ-BYT ngày 14/3/2024 Ban hành Kế hoạch triển khai Nghị quyết số 175/NQ-CP ngày 30/10/2023 của Chính phủ phê duyệt Đề án Trung tâm dữ liệu quốc gia của Bộ Y tế năm 2024; Quyết định số 643/QĐ-BYT ngày 18/3/2024 Kế hoạch triển khai Đề án 06/CP năm 2024 của Bộ Y tế; Quyết định số 1181/QĐ-BYT ngày 08/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế Ban hành Kế hoạch nâng cao chất lượng dịch vụ công trực tuyến của Bộ Y tế giai đoạn 2024-2025; Quyết định số 1332/QĐ-BYT ngày 21/5/2024 về việc ban hành Sổ sức khỏe điện tử phục vụ tích hợp trên ứng dụng VNeID thay thế Quyết định số 4026/QĐ-BYT; Quyết định số 1556/QĐ-BYT ngày 06/6/2024 về việc công bố danh mục TTHC thuộc phạm vi quản lý của Bộ Y tế đủ điều kiện thực hiện DVCTT toàn trình.

hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia⁷².

g) Đẩy nhanh việc triển khai thực hiện đồng bộ, hiệu quả 03 Chương trình mục tiêu quốc gia; các chương trình, đề án liên quan đến phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

- 03 Chương trình mục tiêu quốc gia: Tại Trung ương, đến nay, hệ thống cơ chế, chính sách và các văn bản hướng dẫn đã cơ bản được ban hành đầy đủ, đồng bộ, đảm bảo cơ sở pháp lý trong triển khai tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia. Cụ thể:

+ Ban hành Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Ban Chỉ đạo Trung ương triển khai xóa nhà tạm, nhà dột nát trên phạm vi cả nước, để chỉ đạo triển khai xóa nhà tạm, nhà dột nát cho người dân thuộc đối tượng của các chương trình mục tiêu quốc gia⁷³; ban hành Quyết định kiện toàn Ban Chỉ đạo Trung ương các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025⁷⁴.

+ Đối với Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: **(i)** Về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 phê duyệt đầu tư CTMTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030: ngày 16/10/2024, Hội đồng thẩm định nhà nước đã ban hành Quyết định số 2414/QĐ-HĐTĐNN phê duyệt Kế hoạch thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi điều chỉnh CTMTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025; **(ii)** Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đang hoàn thiện dự thảo Thông tư sửa đổi, bổ sung Thông tư số 12/2022/TT-BNNPTNT ngày 20/9/2022 quy định một số hoạt động về lâm nghiệp thực hiện Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững và Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I từ năm 2021 đến năm 2025.

+ Đối với Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững: **(i)** Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đang lấy ý kiến đối với hồ sơ đề xuất xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 07/2021/NĐ-CP của Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025, trong đó, bổ sung quy định tiêu chí xác định người lao động có thu nhập thấp; **(ii)** Dự thảo Thông tư sửa đổi, bổ sung Thông tư số 06/2022/TT-BTTTT ngày 30/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn thực hiện Dự án Truyền thông và giảm nghèo về thông tin; **(iii)** Hoàn thiện hồ sơ trình Thủ tướng Chính phủ dự kiến công nhận 04 xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo thoát khỏi tình trạng đặc biệt khó khăn vào cuối năm 2024.

+ Đối với Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới: **(i)** Hoàn

⁷² (1) Xác thực công dân, đồng bộ dữ liệu tiêm chủng COVID-19; (2) Xác thực dân cư và đồng bộ dữ liệu mũi tiêm mới; (3) Xác thực, tra cứu thông tin người tham gia bảo hiểm; (4) Đăng ký, kiểm tra trạng thái tiếp nhận hồ sơ, chuyển trả kết quả giải quyết TTHC qua dịch vụ BCCI; (5) Tra cứu thông tin doanh nghiệp; (6) Phần mềm thống kê y tế.

⁷³ Quyết định số 1243/QĐ-TTg ngày 22/10/2024 của Thủ tướng Chính phủ.

⁷⁴ Quyết định số 1119/QĐ-TTg ngày 07/10/2024 của Thủ tướng Chính phủ.

thành xây dựng Tờ trình⁷⁵ Thủ tướng Chính phủ về Quyết định điều chỉnh, sửa đổi Quyết định số 321/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 quy định tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025; (ii) Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đang tổng hợp, hoàn thiện dự thảo Quyết định quy định huyện nông thôn mới kiểu mẫu giai đoạn 2024-2025 của Thủ tướng Chính phủ; (iii) Có 53/63 tỉnh, thành phố đã hoàn thành các văn bản hướng dẫn thực hiện các tiêu chí nông thôn mới theo phân cấp.

+ Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 75/2024/TT-BTC ngày 31/10/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025.

+ Bộ Kế hoạch và Đầu tư đang tiếp tục tham vấn ý kiến một số cơ quan trung ương và địa phương về các giải pháp xây dựng cơ sở dữ liệu và ứng dụng công nghệ thông tin trong giám sát, đánh giá các chương trình mục tiêu quốc gia⁷⁶ và phối hợp với Văn phòng Chính phủ để hoàn thiện dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng cơ sở dữ liệu và chế độ báo cáo trực tuyến trên Hệ thống trong giám sát, đánh giá các chương trình mục tiêu quốc gia⁷⁷; dự thảo báo cáo Thủ tướng Chính phủ về điều chỉnh mục tiêu, nhiệm vụ thực hiện CTMTQG giảm nghèo bền vững của một số địa phương.

- Về điều tra, thu thập thông tin về thực trạng KT-XH của 53 dân tộc thiểu số năm 2024 phục vụ việc xây dựng chính sách dân tộc trong thời gian tới: Thực hiện Quyết định số 02/QĐ-TTg ngày 05/01/2015 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt đề án “Điều tra, thu thập thông tin về thực trạng KT-XH của 53 dân tộc thiểu số”; Ủy ban dân tộc chủ trì tổ chức Lễ ra quân điều tra thu thập thông tin về thực trạng KT-XH 53 dân tộc thiểu số và tổ chức điều tra theo phương án. Đến nay, đã hoàn thành công tác thu thập thông tin tại thực địa.

- Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt Quyết định số 698/QĐ-TTg ngày 19 tháng 7 năm 2024 điều chỉnh, bổ sung và hiệu chỉnh danh sách xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 – 2025; Ban hành văn bản hướng dẫn các địa phương thực hiện chính sách đối với người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số theo Quyết định số 28/2023/QĐ-TTg ngày 23/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 12/2018/QĐ-TTg ngày 06 tháng 3 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ về tiêu chí lựa chọn, công nhận người có uy tín và chính sách đối với người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số; Công tác đào tạo nghề, giải quyết việc làm cho người lao động vùng đồng bào dân tộc thiểu số bước đầu đáp ứng nhu cầu lao động cho các ngành, lĩnh vực sản xuất; các chế độ chính sách cho học sinh, sinh viên đồng bào dân tộc thiểu số như học bổng khuyến khích học tập, miễn giảm học phí, các khoản trợ cấp xã hội theo quy định, cấp giấy xác nhận cho học sinh, sinh viên vay

⁷⁵ Tờ trình số 6374/TTr-BNN-VPĐP ngày 28/8/2024.

⁷⁶ Ngày 18/10/2024, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã tổ chức Hội nghị lấy ý kiến tham vấn các Bộ, cơ quan Trung ương và một số địa phương về dự thảo Quyết định.

⁷⁷ Tờ trình số 4819/TTr-BKHĐT ngày 20/6/2024.

vốn tín dụng đào tạo,... được triển khai thực hiện đầy đủ theo quy định.

h) Về bảo vệ, chăm sóc trẻ em, bình đẳng giới và sự tiến bộ của phụ nữ:

Triển khai thực hiện các chương trình, đề án về bảo vệ, chăm sóc trẻ em: Đã ban hành Quy chế phối hợp về phòng ngừa, giảm thiểu trẻ em lao động trái quy định của pháp luật giai đoạn 2024-2025 định hướng đến năm 2030 và Quy chế phối hợp về thực hiện công tác gia đình; Báo cáo số 185/BC-CP ngày 26/4/2024 về kết quả thực hiện quyền trẻ em năm 2023 của Chính phủ gửi Quốc hội; Báo cáo số 01/BC-UBQGVTE ngày 28/02/2024 về kết quả thực hiện quyền trẻ em và giải quyết các vấn đề về trẻ em năm 2023, kế hoạch năm 2024 của các cơ quan thành viên Ủy ban quốc gia về trẻ em.

Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội tiếp tục phối hợp với Bộ Công an triển khai kết nối cơ sở dữ liệu trẻ em vào cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư; triển khai thu thập thông tin về tình hình trẻ em và phòng, chống xâm hại trẻ em theo Thông tư số 13/2021/TT-LĐTĐ. Phối hợp tham gia các đoàn kiểm tra, thanh tra liên ngành về tình hình thực hiện quyền trẻ em và việc bảo đảm thực hiện quyền trẻ em. Kịp thời chỉ đạo và kiến nghị giải quyết các vấn đề thực hiện quyền trẻ em và các vụ việc xâm hại trẻ em. Công tác phòng, chống xâm hại trẻ em, phòng, chống tai nạn, thương tích trẻ em được tăng cường; bảo đảm duy trì các dịch vụ trợ giúp xã hội và kịp thời phát hiện, giải quyết, thông tin về các vấn đề, vụ việc bạo lực, xâm hại trẻ em và liên quan đến quyền trẻ em về Tổng đài điện thoại quốc gia bảo vệ trẻ em (số 111).

Về công tác bình đẳng giới: Tập trung triển khai một số nhiệm vụ trọng tâm: Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2021-2030; Chương trình truyền thông về bình đẳng giới đến năm 2030; Chương trình Phòng ngừa và ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới giai đoạn 2021-2025; Báo cáo Quốc hội về kết quả thực hiện các mục tiêu quốc gia về bình đẳng giới năm 2023; các nhiệm vụ bình đẳng giới và phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới trong các Chương trình mục tiêu quốc gia (CTMTQG).

Xây dựng kế hoạch triển khai Tháng hành động vì bình đẳng giới, phòng ngừa và ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới năm 2024; Tổ chức khóa tập huấn giảng viên nguồn về phòng ngừa và ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới cho đội ngũ làm công tác bình đẳng giới các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Phối hợp với các đối tác và hướng dẫn địa phương nhân rộng mô hình một cửa cung cấp dịch vụ hỗ trợ cho người bị bạo lực trên cơ sở giới.

Xây dựng Báo cáo rà soát, đánh giá 30 năm thực hiện Tuyên bố và Cương lĩnh Hành động Bắc Kinh tại Việt Nam; Tham mưu, chuẩn bị nội dung và tham gia các đoàn công tác của Lãnh đạo Đảng, Nhà nước và của Bộ như: Khoá họp lần thứ 68 của Ủy ban Địa vị Phụ nữ Liên hợp quốc (CSW); Chương trình trao đổi kiến thức – Luật Bình đẳng giới tại Úc; Diễn đàn Phụ nữ và Kinh tế - Đối thoại chính sách cấp cao về Phụ nữ và Kinh tế APEC năm 2024; Thực hiện các hoạt động với vai trò là Đại diện ACWC về quyền phụ nữ của Việt Nam.

g) Về phòng, chống tệ nạn xã hội

Tiếp tục triển khai đồng bộ công tác phòng, chống tệ nạn xã hội; nâng cao hiệu

quả công tác cai nghiện ma túy, tư vấn, hướng nghiệp, học nghề và giới thiệu việc làm cho học viên cai nghiện ma túy; đề xuất xây dựng Chương trình mục tiêu quốc gia phòng, chống, nâng cao hiệu quả cai nghiện ma túy. Số đơn vị đủ điều kiện cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng trên cả nước 444 đơn vị tại 36 tỉnh, thành phố, trong đó đơn vị công lập là 439 và 05 đơn vị dân lập. 100% các địa phương tổ chức quản lý sau cai nghiện ma túy tại nơi cư trú.

Tăng cường công tác phòng, chống mại dâm; xây dựng, duy trì các mô hình hỗ trợ người bán dâm; tuyên truyền về sự cần thiết sửa đổi Luật Phòng, chống mua bán người; đặc biệt là sửa đổi các chế độ, chính sách dành cho nạn nhân bị mua bán. Nâng cao hiệu quả hoạt động Đường dây nóng phòng chống mua bán, hỗ trợ kịp thời nạn nhân bị mua bán.

Ước thực hiện cả năm đạt các mục tiêu đề ra: (i) Tỷ lệ người nghiện ma túy có hồ sơ quản lý được tiếp cận các dịch vụ tư vấn, điều trị, cai nghiện ma túy ước đạt 76%; (ii) tỷ trọng người nghiện ma túy tham gia cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng, cơ sở cai nghiện ma túy trong tổng số người nghiện được cai nghiện đạt 40%; (iii) 100% người bán dâm có nhu cầu được tiếp cận sử dụng các dịch vụ hỗ trợ xã hội phù hợp được hỗ trợ; (iv) 100% nạn nhân bị mua bán được hưởng các chế độ hỗ trợ theo quy định của pháp luật.

7. Chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, an ninh nguồn nước, phòng, chống thiên tai, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường; giải quyết hài hòa mối quan hệ giữa phát triển kinh tế với bảo vệ môi trường

Đã trình Quốc hội ban hành Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18 tháng 01 năm 2024. Đồng thời, xây dựng, ban hành nhiều văn bản hướng dẫn thi hành các Luật Đất đai, Luật Tài nguyên nước sớm đưa luật đi vào cuộc sống, góp phần nâng cao hiệu quả huy động, sử dụng nguồn lực tài chính từ đất đai, tài nguyên phục vụ đầu tư phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng KTXH. Tích cực hoàn thiện, trình Quốc hội thông qua Luật Địa chất và Khoáng sản tại Kỳ họp thứ 8.

Bộ Tài nguyên và Môi trường đã hoàn thành 03 đề án, gồm (1) Đề án “Kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2024”: Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 817/QĐ-TTg ngày 09/8/2024; (2) Đề án “Điều tra, đánh giá tổng thể tiềm năng khoáng sản chiến lược (đất hiếm) trên lãnh thổ Việt Nam (phần đất liền) và thăm dò một số diện tích có triển vọng”: Đã hoàn thiện Đề án, trình Bộ Chính trị tại Tờ trình 279/TTr-BCS ĐBTNMT ngày 08/10/2024 của Ban Cán sự đảng Bộ TN&MT; (3) Đề án “Điều tra, đánh giá tiềm năng cát, cuội, sỏi lòng sông vùng Đồng bằng sông Cửu Long”: Đã hoàn thiện Đề án, báo cáo Thủ tướng Chính phủ tại Văn bản số 5161/BTNMT-KHTC ngày 02/8/2024.

Đề nghị Bộ Tài nguyên và Môi trường bổ sung báo cáo đối với nội dung này.

8. Thúc đẩy phát triển liên kết vùng, Hội đồng vùng hoạt động có hiệu quả, thực hiện nghiêm quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh; đẩy nhanh tốc độ, nâng cao chất lượng đô thị hoá và kinh tế đô thị.

a) Phát triển kinh tế - xã hội vùng và tăng cường liên kết vùng

Trong giai đoạn 2021-2025, có tổng số 112 dự án quan trọng quốc gia, dự án cao tốc, dự án kết nối vùng, liên vùng với số vốn 238.127 tỷ đồng được phân cấp cho địa phương triển khai thực hiện bao gồm 8 dự án quan trọng quốc gia được phân cấp cho 16 địa phương, 12 dự án cao tốc được phân cấp cho 11 địa phương, 10 dự án tái định cư thủy điện lớn được phân cấp cho 6 địa phương, 25 dự án đường ven biển được phân cấp cho 18 địa phương, 57 dự án kết nối vùng, liên vùng phân cấp cho 48 địa phương. Dự kiến đến hết năm 2024 sẽ hoàn thành 243,5 km đường ven biển. Dự kiến trong năm 2024 sẽ hoàn thành 164,2 km đường ven biển qua địa bàn các tỉnh, thành phố: Hải Phòng (19,6 km), Thái Bình (35,5 km), Nam Định (65,8 km), Ninh Bình (3,25), đoạn qua tỉnh Nghệ An (7,5 km), Bình Thuận (32,5 km); Dự kiến hoàn thành và đưa vào khai thác khoảng 365,8 km đường và cầu của các địa phương: Hà Giang (41,5 km), Thái Nguyên (42,55 km), Bắc Kạn (37 km), Phú Thọ (53,5 km), Bắc Giang (42,16 km), Hải Phòng (2,2 km), Hải Dương (36,5 km), Hưng Yên (33,5 km), Ninh Thuận (22,3 km), Tây Ninh (14,9 km), Long An (14,2km), Cà Mau (25,5 km).

Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 216/QĐ-TTg ngày 02/3/2024 phân cấp và giao cơ quan chủ quản đầu tư 14 dự án đường bộ được Quốc hội quyết nghị thí điểm. Việc thực hiện chính sách nêu trên đã đạt được mục tiêu quy định thống nhất thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ trong việc giải quyết những vấn đề liên quan đến phạm vi từ 02 đơn vị hành chính cấp tỉnh trở lên; tháo gỡ điểm nghẽn thực tế trong quá trình tổ chức thực hiện dự án giao thông đường bộ qua nhiều địa phương, đường ven biển, các công trình cầu, hầm qua 02 địa phương; cho phép các địa phương sử dụng ngân sách của địa phương mình để hỗ trợ các địa phương khác cùng thực hiện 01 dự án đầu tư trong trường hợp cần thiết, nhằm tạo sự linh hoạt trong điều hành ngân sách nhà nước, bảo đảm phát huy tối đa hiệu quả sử dụng vốn; tiết kiệm thời gian trong tổ chức thực hiện, thuận lợi trong công tác quản lý dự án và giải ngân vốn đầu tư công được Thủ tướng Chính phủ giao.

Các nhiệm vụ được giao tại Nghị quyết của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh 06 vùng kinh tế - xã hội và Nghị quyết của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện 06 Nghị quyết trên cơ bản đã được hoàn thành: (i) Ban hành 6/6 Chương trình hành động của Bộ Kế hoạch và Đầu tư triển khai các Nghị quyết nêu trên (ii) 6/6 Quy hoạch vùng, 61/63 Quy hoạch địa phương đã được phê duyệt; Đối với nội dung phân chia các tiểu vùng, xác định một số cực tăng trưởng đã được xác định tại các quyết định phê duyệt Quy hoạch vùng nêu trên; (iii) Hoàn thành thành lập 6/6 Hội đồng điều phối vùng và ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng điều phối vùng. Đến nay các Bộ, ngành và các địa phương đã hoàn thành công tác thành lập Tổ điều phối cấp Bộ/cấp tỉnh; Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã thành lập Văn phòng điều phối Vùng.

Đối với nhiệm vụ sơ kết, đánh giá thực hiện các Nghị quyết của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế chính sách đặc thù tại các địa phương, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã có Tờ trình và Chính phủ đã có Báo cáo gửi Quốc hội về việc Sơ kết 03 năm thực hiện các Nghị quyết của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế chính sách đặc thù phát triển các địa phương: Thanh Hoá, Thừa Thiên Huế, Hải Phòng, Cần Thơ.

Hội đồng điều phối vùng của 06 vùng kinh tế - xã hội đã tổ chức các cuộc họp các thành viên Hội đồng và các cơ quan liên quan nhằm cụ thể hóa các hoạt động điều phối, kịp thời phát hiện, trao đổi, tháo gỡ các vấn đề của các địa phương trong vùng. Kế hoạch hoạt động năm 2024 của 5/6 Hội đồng điều phối vùng đã được ban hành nhằm xác định cụ thể nội dung công việc, thời hạn hoàn thành, trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức liên quan trong việc tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ cụ thể của các cơ quan, đơn vị có đại diện là thành viên Hội đồng điều phối Vùng, đảm bảo đồng bộ, kịp thời, thống nhất, hiệu quả, phù hợp vai trò, chức năng, nhiệm vụ trong từng lĩnh vực điều phối cũng như gắn trách nhiệm với chức năng, nhiệm vụ và phát huy vai trò chủ động, tích cực của các cá nhân, tổ chức thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng điều phối Vùng ở cả trung ương và địa phương.

Tính đến hết tháng 9/2024, 6/6 vùng kinh tế - xã hội và 61/63 địa phương đã có Quy hoạch thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt (còn 02 TP lớn là Hà Nội và TP Hồ Chí Minh). Bên cạnh đó, Quy hoạch tổng thể quốc gia và nhiều quy hoạch ngành, lĩnh vực đã được phê duyệt, là kim chỉ nam dẫn đường để triển khai công tác phát triển vùng.

b) Thực hiện hiệu quả quy hoạch cấp quốc gia, các quy hoạch ngành quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh, quy hoạch phát triển bền vững đô thị Việt Nam và Quy hoạch nông thôn

Đến thời điểm hiện tại đã có 108/111 quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh đã thẩm định xong (trong đó 104/111 quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh đã được phê duyệt; 02/111 quy hoạch đã trình Thủ tướng Chính phủ xem xét nhưng chưa được phê duyệt; 02/111 quy hoạch đã thẩm định xong và đang trong quá trình hoàn thiện); 02/111 quy hoạch đang được thẩm định; 01/111 quy hoạch chưa thực hiện do không đủ điều kiện.

Quy hoạch không gian biển quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Quốc hội thông qua tại Nghị quyết số 139/2024/QH15 ngày 28 tháng 6 năm 2024. Hiện nay, Bộ Tài nguyên và Môi trường đang gửi xin ý kiến đối với dự thảo Kế hoạch thực hiện Quy hoạch không gian biển quốc gia.

Về quy hoạch ngành quốc gia, tính đến ngày 24 tháng 7 năm 2024, có 34/39 quy hoạch ngành quốc gia được phê duyệt; các quy hoạch được phê duyệt đều đã thực hiện công bố nội dung quy hoạch trên trang thông tin điện tử và tổ chức các hội nghị công bố theo quy định của Luật Quy hoạch. Để triển khai thực hiện quy hoạch ngành quốc gia đã được phê duyệt, đã có 12 kế hoạch thực hiện quy hoạch được ban hành; các kế hoạch thực hiện quy hoạch còn lại đang được các Bộ khẩn trương xây dựng và lấy ý kiến góp ý, hoàn thiện dự thảo kế hoạch trước khi trình Thủ tướng Chính phủ ban hành. Ngoài ra, đã có 01 quy hoạch trình phê duyệt; 01 quy hoạch đã thẩm định xong và đang hoàn thiện hồ sơ để trình phê duyệt quy hoạch và 02 quy hoạch đang trong quá trình thẩm định.

Đối với quy hoạch vùng: Tính đến nay, cả 06 quy hoạch vùng đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, được công bố công khai nội dung quy hoạch trên phương tiện thông tin đại chúng cũng như được tổ chức hội nghị công bố theo quy

định của Luật Quy hoạch. Đồng thời, để triển khai thực hiện quy hoạch, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành 06 Kế hoạch thực hiện Quy hoạch vùng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Đối với quy hoạch tỉnh: Tính đến nay, đã có 61/63 quy hoạch tỉnh được phê duyệt. Sau khi được phê duyệt, tất cả các quy hoạch tỉnh đều đã được công bố nội dung quy hoạch trên trang thông tin điện tử và tổ chức hội nghị công bố theo quy định của Luật Quy hoạch. Để triển khai thực hiện quy hoạch tỉnh đã được phê duyệt, các địa phương đang xây dựng dự thảo kế hoạch thực hiện quy hoạch, gửi lấy ý kiến góp ý và hoàn thiện dự thảo kế hoạch trước khi trình Thủ tướng Chính phủ ban hành theo quy định của Nghị định số 58/2023/NĐ-CP. Hiện nay, đã có 54 kế hoạch đã gửi xin ý kiến góp ý, trong đó đã có 19⁷⁸ kế hoạch thực hiện quy hoạch tỉnh được ban hành.

Đối 02 quy hoạch tỉnh chưa được phê duyệt, có: 01 quy hoạch đã trình phê duyệt (Hà Nội); 01 quy hoạch đã thẩm định xong và đang hoàn thiện hồ sơ để trình phê duyệt quy hoạch (Thành phố Hồ Chí Minh).

Thực hiện hiệu quả quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam: Thực hiện nghiêm túc Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 24/01/2022 của Bộ Chính trị về quy hoạch, xây dựng và phát triển bền vững đô thị đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Trong những tháng đầu năm Bộ Xây dựng đã thẩm định, tổ chức thẩm định, báo cáo Thủ tướng Chính phủ phê duyệt nhiệm vụ và đồ án quy hoạch thuộc thẩm quyền quyết định của Thủ tướng Chính phủ 10 Nhiệm vụ⁷⁹ và 13 Đồ án⁸⁰; có ý kiến đối với nhiệm vụ, đồ án quy hoạch kiến trúc thuộc

⁷⁸ Quảng Ninh, Hậu Giang, Cần Thơ, Tây Ninh, Yên Bái, Nghệ An, Hà Tĩnh, Kiên Giang, Lào Cai, Bình Định, Nam Định, Quảng Bình, Thanh Hóa, Bạc Liêu, Phú Yên, Đồng Nai, Tuyên Quang, Đắk Lắk, Lạng Sơn

⁷⁹ Các Quyết định của Thủ tướng chính phủ số: (1) 185/QĐ-TTg ngày 20/02/2024 phê duyệt Nhiệm vụ QHC đô thị Long Thành tỉnh Đồng Nai đến năm 2045; (2) 198/QĐ-TTg ngày 28/02/2024 phê duyệt Nhiệm vụ điều chỉnh QHC thành phố Pleiku đến năm 2045; (3) 238/QĐ-TTg ngày 20/3/2024 phê duyệt Nhiệm vụ điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Đông Nam Quảng Trị, tỉnh Quảng Trị đến năm 2024; (4) 322/QĐ-TTg ngày 22/04/2024 phê duyệt Nhiệm vụ Điều chỉnh tổng thể Quy hoạch chung đô thị mới Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai đến năm 2045; (5) 328/QĐ-TTg ngày 22/04/2024 Phê duyệt Nhiệm vụ điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng Khu du lịch quốc gia Mộc Châu, tỉnh Sơn La đến năm 2045; (6) 409/QĐ-TTg ngày 14/05/2024 phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch chung đô thị Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình đến năm 2045; (7) 382/QĐ-TTg ngày 07/05/2024 phê duyệt nhiệm vụ Điều chỉnh Quy hoạch chung thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk đến năm 2045; (8) 485/QĐ-TTg ngày 10/06/2024 phê duyệt Nhiệm vụ quy hoạch chung Đô thị Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2045; (9) 823/QĐ-TTg ngày 12/08/2024 phê duyệt Nhiệm vụ Điều chỉnh Quy hoạch chung thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên đến năm 2045; (10) 1258/QĐ-TTg ngày 24/10/2024 phê duyệt Nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế cửa khẩu tỉnh Đồng Tháp đến năm 2045.

⁸⁰ Các Quyết định của Thủ tướng chính phủ số: (1) 82/QĐ-TTg ngày 18/01/2024 phê duyệt QHC đô thị Chũ, tỉnh Bắc Giang đến năm 2045, tỷ lệ 1/10.000; (2) 88/QĐ-TTg ngày 19/01/2024 phê duyệt QHC đô thị Việt Yên, tỉnh Bắc Giang đến năm 2045, tỷ lệ 1/10.000; (3) 106/QĐ-TTg ngày 26/01/2024 phê duyệt điều chỉnh cục bộ QHC thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh đến năm 2035; (4) 150/QĐ-TTg ngày 11/02/2024 phê duyệt đồ án QHC thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang đến năm 2040; (5) 189/QĐ-TTg ngày 12/02/2024 phê duyệt QHC thành phố và khu kinh tế cửa khẩu Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang đến năm 2040; (6) 205/QĐ-TTg ngày 28/02/2024 phê duyệt Đồ án QHC đô thị mới Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa đến năm 2045; (7) 259/QĐ-TTg ngày 31/03/2024 phê duyệt Điều chỉnh QHC TP Nha Trang đến năm 2045; (8) 296/QĐ-TTg ngày 10/04/2024 phê duyệt Đồ án điều chỉnh Quy hoạch chung thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ đến năm 2040; (9) 396/QĐ-TTg ngày 11/05/2024 phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng Khu du lịch Quốc gia hồ Thác Bà, tỉnh Yên Bái đến năm 2040; (10) 408/QĐ-TTg ngày 14/05/2024 phê duyệt Quy hoạch chung đô thị mới Thủy Nguyên đến năm 2045; (11) 566/QĐ-TTg ngày 26/06/2024 phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng Côn Đảo, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đến năm 2045; (12) 862/QĐ-TTg ngày 16/08/2024 phê duyệt Điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chung đô thị mới Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050; (13) 1128/QĐ-TTg ngày 08/10/2024 Quy hoạch chung xây dựng Khu du lịch Măng Đen, huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum đến năm 2045.

thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh là 115 nhiệm vụ/đề án. Phê duyệt theo thẩm quyền 13 nhiệm vụ/đề án⁸¹.

Tiếp tục triển khai công tác liên quan đến kế hoạch triển khai Định hướng phát triển kiến trúc Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050; rà soát tổ chức xã hội - nghề nghiệp, cơ sở nghiên cứu, cơ sở đào tạo đủ điều kiện thực hiện sát hạch cấp chứng chỉ hành nghề kiến trúc khi có đề nghị; hướng dẫn phạm vi, đối tượng lập quy chế Quản lý Kiến trúc theo Luật Kiến trúc; đã báo cáo kết quả thực hiện Định hướng phát triển kiến trúc Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 theo Quyết định số 1246/QĐ-TTg ngày 19/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ và Quy chế quản lý kiến trúc đô thị và điểm dân cư nông thôn. Đã tham mưu trình Thủ tướng Chính phủ ban hành nhiều quyết định công nhận đô thị loại I, II cho các tỉnh, thành phố.

Bộ Xây dựng đã tổ chức triển khai thực hiện hướng dẫn các địa phương rà soát, lập hoặc điều chỉnh quy hoạch đô thị, đánh giá phân loại đô thị đối với các đơn vị hành chính đô thị dự kiến có liên quan để sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2025. Đến nay, Bộ Xây dựng đã tổ chức thẩm định 03 đô thị thuộc diện sắp xếp ĐVHC là thành phố Nam Định (tỉnh Nam Định), thành phố Vinh (tỉnh Nghệ An), thành phố Hải Phòng.

Triển khai nhiệm vụ tại Quyết định số 876/QĐ-TTg ngày 22/7/2022 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt Chương trình hành động về chuyển đổi năng lượng xanh, giảm phát thải khí các-bon và khí mê-tan, Bộ Xây dựng đang nghiên cứu, đề xuất chính sách ưu tiên phát triển hạ tầng giao thông đô thị cho phương tiện giao thông sử dụng điện, năng lượng xanh, giao thông phi cơ giới lồng ghép trong việc xây dựng các chính sách liên quan trong Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn và Luật Quản lý phát triển đô thị.

Về Quy hoạch xây dựng nông thôn và triển khai, thực hiện Chương trình mục tiêu xây dựng nông thôn mới: Theo dõi, đôn đốc công tác xây dựng nông thôn mới tại 02 tỉnh: Bến Tre và Trà Vinh; chỉ đạo rà soát nâng cao chất lượng quy hoạch

⁸¹ Các Quyết định số: (1) 22/QĐ-BXD ngày 09/01/2024 phê duyệt Quy hoạch tổng mặt bằng tỷ lệ 1/500 Trường Đại học Khoa học Sức khỏe (giai đoạn 1) thuộc khu Khoa Y - Bệnh viện Thực hành thuộc Dự án Phát triển các Đại học Quốc gia Việt Nam - Tiểu dự án Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh; (2) 38/QĐ-BXD ngày 17/01/2024 phê duyệt Quy hoạch tổng mặt bằng tỷ lệ 1/500 Trung tâm nghiên cứu Tiên tiến thuộc Khu Viện nghiên cứu 2 thuộc Dự án Phát triển các Đại học Quốc gia Việt Nam - Tiểu dự án Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh; (3) 101/QĐ-BXD ngày 06/02/2024 phê duyệt Nhiệm vụ điều chỉnh Quy hoạch chi tiết xây dựng Trường Đại học Công nghệ Thông tin; (4) 102/QĐ-BXD ngày 06/02/2024 phê duyệt Nhiệm vụ điều chỉnh Quy hoạch chi tiết xây dựng Trường Đại học Kinh tế - Luật; (5) 103/QĐ-BXD ngày 06/02/2024 phê duyệt Nhiệm vụ điều chỉnh Quy hoạch chi tiết xây dựng Trường Đại học Quốc tế; (6) 104/QĐ-BXD ngày 06/02/2024 phê duyệt Nhiệm vụ điều chỉnh Quy hoạch chi tiết xây dựng Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn; (7) 105/QĐ-BXD ngày 06/02/2024 phê duyệt Nhiệm vụ điều chỉnh Quy hoạch chi tiết xây dựng Trung tâm dịch vụ Công cộng I; (8) 106/QĐ-BXD ngày 06/02/2024 phê duyệt Nhiệm vụ điều chỉnh Quy hoạch chi tiết xây dựng Trường Đại học Khoa học tự nhiên và Trường Phổ thông Năng khiếu; (9) 296/QĐ-BXD ngày 04/4/2024 phê duyệt Điều chỉnh cục bộ Đồ án Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Dự án đầu tư xây dựng Khu Trung tâm (QG-HN03) thuộc Dự án đầu tư xây dựng Đại học Quốc gia Hà Nội tại Hòa Lạc; (10) 297/QĐ-BXD ngày 04/4/2024 Phê duyệt Nhiệm vụ điều chỉnh Quy hoạch chi tiết xây dựng Khu ký túc xá sinh viên khu A; (11) 298/QĐ-BXD ngày 04/4/2024 phê duyệt Nhiệm vụ điều chỉnh Quy hoạch chi tiết xây dựng Trường Đại học Bách khoa; (12) 299/QĐ-BXD ngày 04/4/2024 phê duyệt Nhiệm vụ điều chỉnh Quy hoạch chi tiết xây dựng Trung tâm Giáo dục Quốc phòng và An ninh; (13) 300/QĐ-BXD ngày 04/4/2024 phê duyệt Nhiệm vụ điều chỉnh Quy hoạch chi tiết xây dựng Khu ký túc xá sinh viên khu B.

xây dựng nông thôn mới; tiếp tục tham gia triển khai Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.

9. Tiếp tục hoàn thiện, xây dựng bộ máy tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; đẩy mạnh hơn nữa công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí, lợi ích nhóm; siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính

a) Tiếp tục hoàn thiện, xây dựng bộ máy tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả

Xác định xây dựng và hoàn thiện thể chế là mặt trận hàng đầu, là trọng tâm ưu tiên, Bộ Nội vụ nỗ lực nhận diện và quyết tâm tháo gỡ các điểm nghẽn liên quan đến lĩnh vực công vụ, công chức, tiền lương, đặc biệt là tập trung nghiên cứu, rà soát đề xuất sửa đổi, bổ sung 03 Luật (Luật Tổ chức Chính phủ, Luật Tổ chức chính quyền địa phương, Luật Cán bộ, công chức) cho phù hợp với yêu quản lý trong giai đoạn mới; trình Bộ Chính trị cho ý kiến thống nhất về chủ trương đề trình Quốc hội thông qua Nghị quyết số 142/2024/NQ-QH15 ngày 29/6/2024 kỳ họp thứ 7, Quốc hội khóa XV về các nội dung cải cách chính sách tiền lương; điều chỉnh lương hưu, trợ cấp BHXH, trợ cấp ưu đãi người có công và trợ cấp xã hội từ ngày 01/7/2024. Theo đó, năm 2024 tham mưu thực hiện chính sách cải cách tiền lương theo lộ trình, từng bước, thận trọng, hiệu quả; đã thực hiện 4/6 nhiệm vụ của cải cách chính tiền lương theo Nghị quyết 27 của Trung ương. Kết quả đã điều chỉnh tăng lương cơ sở từ 1.800.000 đồng/tháng lên 2.340.000 đồng/tháng (tăng 30% - mức cao nhất từ trước đến nay) và thực hiện cơ chế thưởng 10% tổng quỹ lương cơ bản.

Năm 2024, đến thời điểm hiện tại, Bộ Nội vụ đã tham mưu Chính phủ trình Quốc hội khóa XV thông qua Luật Lưu trữ (sửa đổi) tại Kỳ họp thứ 7; trình và thông qua nhiều Nghị quyết, Nghị định, Chỉ thị, Thông tư,... Theo Kế hoạch, Chương trình công tác và tiến độ thực tế, dự kiến đến hết năm 2024, tổng số văn bản về thể chế, chính sách Bộ Nội vụ tham mưu ban hành và ban hành theo thẩm quyền đạt 192 văn bản, bằng 204% số liệu của năm 2023 (192/94), bằng 325% số liệu của năm 2022 (192/59).

Năm 2024, Bộ Nội vụ tiếp tục chỉ đạo triển khai tích cực sắp xếp tổ chức bộ máy hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập (ĐVSNCL), tinh giản biên chế; đổi mới tổ chức và hoạt động của Chính phủ, chính quyền địa phương tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả theo tinh thần Nghị quyết 18, Nghị quyết 19 của Hội nghị Trung ương 6 khóa XII. Tạo tiền đề và cơ sở pháp lý quan trọng cho việc sắp xếp, giảm số lượng các cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh, cấp huyện và tổ chức bên trong các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; khắc phục tình trạng trùng lặp, chồng chéo, bỏ sót hoặc không rõ chức năng, nhiệm vụ, lĩnh vực quản lý và đáp ứng nguyên tắc, tiêu chí thành lập tổ chức theo chủ trương của Đảng và quy định của pháp luật. Tiếp tục triển khai Kế hoạch tổng kết, xây dựng Báo cáo tổng kết 20 năm thực hiện mô hình tổ chức bộ máy của Chính phủ; tập trung đánh giá, tổng kết thực hiện Luật Tổ chức Chính phủ năm 2015 làm cơ sở lập hồ sơ đề nghị xây dựng dự án Luật Tổ chức Chính phủ (sửa đổi)⁸². Kết quả sắp xếp lũy kế từ

⁸² Kế hoạch số 659/KH-BNV ngày 05/02/2024 và Quyết định số 165/QĐ-BNV ngày 08/3/2024.

năm 2021 đến nay đã giảm 18 Tổng cục, 10 Cục, 145 Vụ/Ban thuộc Tổng cục và thuộc Bộ; 108 phòng thuộc Bộ; 13 Sở và tương đương; 2.613 tổ chức cấp phòng và tương đương ở địa phương.

Công tác quản lý biên chế và tinh giản biên chế gắn với cơ cấu lại đội ngũ cán bộ công chức, viên chức: Căn cứ quy định của Bộ Chính trị tại Kết luận số 40-KL/TW, Quy định số 70-QĐ/TW và Quyết định số 73-QĐ/TW, đến hết năm 2026 số biên chế tối đa bằng số đã phê duyệt của Bộ Chính trị, bảo đảm theo lộ trình tinh giản biên chế của giai đoạn 2022-2026, Bộ Nội vụ đã báo cáo Thủ tướng Chính phủ kết quả thực hiện tinh giản biên chế giai đoạn 2015-2023⁸³; báo cáo Ban Chỉ đạo Trung ương về quản lý biên chế đề trình Bộ Chính trị cho phép điều chuyển, bổ sung biên chế trong các cơ quan, tổ chức hành chính, ĐVSNCL⁸⁴. Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, đã hướng dẫn các bộ, ngành, địa phương thực hiện chính sách tinh giản biên chế công chức và giảm biên chế viên chức hưởng lương từ ngân sách nhà nước.

Về xây dựng, hoàn thiện vị trí việc làm (VTVL): Bộ Nội vụ chủ trì phối hợp với các bộ, cơ quan trung ương và địa phương đã tích cực chỉ đạo xây dựng kế hoạch tổ chức xây dựng và phê duyệt VTVL, kịp thời điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung các quy định hướng dẫn về VTVL theo ngành, lĩnh vực bảo đảm tính thống nhất, liên thông, đồng bộ trong hệ thống chính trị gắn với cơ cấu lại và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ công chức, viên chức. Đến nay, 100% bộ, ngành, địa phương hoàn thành phê duyệt Đề án VTVL, Bộ Nội vụ đã tổng hợp kết quả phê duyệt VTVL trong cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập.

Về quản lý cán bộ, công chức, viên chức: Bộ Nội vụ tiếp tục tham mưu ban hành mới hoặc sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến tuyển dụng, sử dụng và quản lý CBCCVC⁸⁵ đáp ứng yêu cầu của nền hành chính quốc gia; hoàn thiện quy định tiêu chuẩn lãnh đạo quản lý; tích cực phối hợp các cơ quan liên quan tiếp tục xây dựng, hoàn thiện chính sách thu hút và trọng dụng người có tài năng vào làm việc trong cơ quan nhà nước và ĐVSNCL, hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn chức danh, vị trí việc làm, tiêu chuẩn nghiệp vụ, tiêu chí đánh giá CBCCVC dựa trên kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao, bằng sản phẩm cụ thể; sửa đổi, bổ sung quy định về quản lý, bổ nhiệm, miễn nhiệm, kỷ luật, đánh giá, xếp loại CBCCVC bảo đảm đồng bộ quy định của Đảng và phù hợp với yêu cầu

⁸³ Báo cáo số 2349/BC-BNV ngày 02/5/2024.

⁸⁴ Tờ trình số 2439-TTr/BCSĐCP ngày 17/11/2023.

⁸⁵ Trình Chính phủ ban hành Nghị định số 29/2024/NĐ-CP ngày 06/3/2024 quy định tiêu chuẩn chức danh công chức lãnh đạo, quản lý trong cơ quan hành chính nhà nước; Nghị định số 99/2024/NĐ-CP ngày 26/7/2024 sửa đổi, bổ sung Nghị định số 83/2022/NĐ-CP ngày 18/10/2022 quy định về nghỉ hưu ở tuổi cao hơn đối với cán bộ, công chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý; Nghị định số 116/2024/NĐ-CP ngày 17/9/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức; dự thảo Nghị định về chính sách thu hút và trọng dụng người có tài năng vào cơ quan nhà nước và ĐVSNCL; dự thảo Nghị định quy định về chế độ, chính sách đối với chuyên gia cao cấp; Nghị định thay thế Nghị định số 25/2015/NĐ-CP ngày 09/3/2015 quy định chế độ, chính sách đối với cán bộ không đủ điều kiện về tuổi tái cử, tái bổ nhiệm giữ các chức vụ, chức danh theo nhiệm kỳ trong cơ quan của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội.
Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành Thông tư số 04/2024/TT-BNV ngày 27/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2022/TT-BNV ngày 31/12/2022 hướng dẫn việc xác định cơ cấu ngạch công chức; Thông tư số 05/2024/TT-BNV ngày 27/6/2024 quy định tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng lên hạng II và lên hạng I đối với viên chức hành chính, viên chức văn thư, viên chức lưu trữ; xếp lương đối với người được tuyển dụng, tiếp nhận vào viên chức...

đổi mới, cải cách công vụ; cải cách thủ tục, quy trình tuyển dụng; tăng cường ứng dụng công nghệ trong tuyển dụng, nâng ngạch, thăng hạng; Đẩy mạnh triển khai việc xác định VTVL và cơ cấu công chức theo ngạch trong các cơ quan của Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội từ Trung ương đến địa phương;...

Tiếp tục siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính trong thực thi công vụ, xử lý nghiêm minh, kịp thời những người có sai phạm, vi phạm pháp luật; Thực hiện nghiêm các quy định về đánh giá, xếp loại chất lượng CBCCVC; tăng cường thanh tra công vụ, công chức tại các bộ, ngành, địa phương, kịp thời chấn chỉnh những sai phạm, khuyết điểm trong công tác tuyển dụng, sử dụng và quản lý CBCC nhất là công tác quy hoạch, bổ nhiệm CBCCVC.

Về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức: Tập trung triển khai Kế hoạch thực hiện Quyết định số 163/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC giai đoạn 2023-2025⁸⁶ nhằm tiếp tục đổi mới công tác đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC; tổng kết 5 năm thực hiện Quyết định số 705/QĐ-TTg ngày 07/6/2019 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án sắp xếp, tổ chức lại các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng thuộc các cơ quan trọng hệ thống chính trị đến năm 2030.

Đề nghị Bộ Nội vụ bổ sung nội dung sắp xếp bộ máy các đơn vị hành chính theo chỉ đạo của Ban chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị và Tổng bí thư Tô Lâm.

b) Tiếp tục thực hiện hiệu quả Chương trình tổng thể cải cách hành chính, tập trung xây dựng Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số, đẩy mạnh chuyển đổi số quốc gia

Với vai trò cơ quan thường trực Ban Chỉ đạo cải cách hành chính (CCHC) của Chính phủ, Bộ Nội vụ đã tham mưu Thủ tướng Chính phủ kiện toàn Ban Chỉ đạo CCHC của Chính phủ; phê duyệt danh sách thành viên Ban Chỉ đạo; ban hành Quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo; ban hành và tổ chức triển khai Kế hoạch hoạt động năm 2024 của Ban Chỉ đạo, Kế hoạch kiểm tra công tác cải cách hành chính năm 2024 của cơ quan thường trực Ban Chỉ đạo. Tham mưu Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ tổ chức thành công Phiên họp thứ 7 và thứ 8 của Ban Chỉ đạo; tổ chức thành công Hội nghị công bố Chỉ số hài lòng về sự phục vụ hành chính năm 2023 (SIPAS 2023) và Chỉ số cải cách hành chính năm 2023 của các bộ, cơ quan ngang bộ, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (PAR INDEX 2023).

Kịp thời tham mưu Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành và chỉ đạo nhiều giải pháp đẩy mạnh CCHC trên từng lĩnh vực, trọng tâm là giải pháp cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, đơn giản hóa thủ tục hành chính phục vụ người dân, doanh nghiệp; tham mưu đổi mới tổ chức, hoạt động của Bộ phận Một cửa các cấp tại địa phương; tăng cường công tác kiểm tra cải cách hành chính, kịp thời hướng dẫn, đôn đốc, chấn chỉnh nâng cao hiệu quả công tác cải cách hành chính tại các bộ, ngành, địa phương.

⁸⁶ Quyết định số 22/QĐ-BNV ngày 16/01/2023 của Bộ Nội vụ.

Công tác cải cách hành chính được các bộ, ngành, địa phương quan tâm, tập trung đẩy mạnh thực hiện, triển khai đồng bộ, toàn diện trên các lĩnh vực, đặc biệt là cải cách TTHC, hệ thống thông tin giải quyết TTHC kết nối với Cổng dịch vụ công quốc gia, cung cấp dịch vụ công trực tuyến; 100% các cơ quan hành chính đã tiếp nhận, xử lý văn bản trên môi trường điện tử (trừ văn bản mật); đẩy mạnh việc áp dụng công cụ theo dõi, đánh giá cải cách hành chính phục vụ kịp thời công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành các cấp, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp trong bối cảnh chuyển đổi số hiện nay. Cùng với việc đôn đốc cập nhật đồng bộ dữ liệu với CSDLQG về CBCCCVC bảo đảm “Đúng - Đủ - Sạch - Sống”, Bộ Nội vụ đã phối hợp với Bộ Công an đối khớp với CSDLQG về dân cư để làm sạch dữ liệu.

Về xây dựng Chính phủ điện tử, chuyển đổi số quốc gia; phát triển các hệ thống cung cấp dịch vụ công trực tuyến phục vụ người dân, doanh nghiệp: Cung cấp dịch vụ công trực tuyến phục vụ người dân, doanh nghiệp được đẩy mạnh thông qua duy trì và phát triển Cổng Dịch vụ công quốc gia. Trong 11 tháng năm 2024 (tính đến 21/11/2024), Cổng đã có hơn 106 triệu hồ sơ đồng bộ trạng thái; hơn 27,5 triệu hồ sơ trực tuyến thực hiện từ Cổng; hơn 13 triệu giao dịch thanh toán trực tuyến thành công với số tiền hơn 9.176 tỷ đồng. Đến nay, Cổng Dịch vụ công quốc gia đã cung cấp 4.475 dịch vụ công trực tuyến; hơn 382 triệu hồ sơ đồng bộ; 65,2 triệu hồ sơ trực tuyến từ Cổng; hơn 24,4 triệu giao dịch thanh toán trực tuyến thành công với số tiền hơn 19.252 tỷ đồng.

Đề án 06 tiếp tục được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ quan tâm chỉ đạo các bộ, ngành, địa phương tập trung thực hiện. Chính phủ đã ban hành 06 Nghị định tạo khung khổ pháp lý đầy đủ trong việc triển khai công tác này. 63/63 địa phương đã hoàn thành nâng cấp, kết nối hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính phục vụ triển khai 02 nhóm thủ tục hành chính liên thông điện tử theo Nghị định số 63/2024/NĐ-CP ngày 10/6/2024 của Chính phủ. Việc thực hiện liên thông giúp cắt giảm hoặc tái sử dụng đối với 09 loại giấy tờ và 06 trường thông tin, dự kiến tiết kiệm khoảng 331 tỷ đồng/năm, từ đó tạo điều kiện thuận lợi cho cá nhân, tổ chức, thúc đẩy hình thành công dân số, xã hội số.

Việc triển khai gửi, nhận văn bản điện tử, xử lý hồ sơ công việc trên môi trường điện tử theo Quyết định số 28/2018/QĐ-TTg ngày 12/7/2018 của Thủ tướng Chính phủ là bước số hóa quan trọng phục vụ quá trình chuyển đổi số trong nội khối hành chính nhà nước, giảm gánh nặng giấy tờ, tiết kiệm thời gian, chi phí, bảo đảm công khai, minh bạch. Tuy nhiên, kết quả đạt được trong năm 2024 chưa hoàn toàn đạt mục tiêu Chính phủ đã đề ra, đặc biệt với nội dung triển khai xử lý công việc trên môi trường điện tử.

Về đổi mới cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC: Việc đổi mới thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC đã được tập trung triển khai thực hiện. Đến nay, cả nước đã thành lập 11.956 bộ phận một cửa các cấp để tiếp nhận, giải quyết TTHC, trong đó có 59 Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh. Bộ phận Một cửa của nhiều bộ, ngành, địa phương đã được quan tâm đầu tư, nâng cấp và chủ động đổi mới mô hình, nâng cao chất lượng hoạt động.

Triển khai thí điểm Mô hình Trung tâm phục vụ hành chính công một cấp trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tại 5 địa phương (Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Bình Dương, Quảng Ninh, Bắc Ninh), Văn phòng Chính phủ đã ban hành Tài liệu hướng dẫn triển khai thí điểm Mô hình nêu trên làm cơ sở cho 05 địa phương nghiên cứu triển khai thực hiện bảo đảm đúng yêu cầu, hiệu quả.

c) Triển khai thực hiện đồng bộ các chủ trương, chính sách, pháp luật về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí

Ngành Thanh tra tiếp tục hướng dẫn, đôn đốc các ngành, các cấp thực hiện các giải pháp phòng ngừa tham nhũng. Một số kết quả đạt được: (1) về công khai, minh bạch trong hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị, các bộ, ngành, địa phương kiểm tra tại 3.455 cơ quan, tổ chức, đơn vị về công khai, minh bạch, phát hiện 267 đơn vị vi phạm; (2) ban hành 6.890 văn bản; huỷ bỏ hoặc sửa đổi, bổ sung 1.492 văn bản về chế độ, định mức, tiêu chuẩn; tiến hành 1.783 cuộc kiểm tra việc thực hiện các chế độ, định mức, tiêu chuẩn, phát hiện 192 vụ việc vi phạm, 332 người vi phạm, kiến nghị thu hồi và bồi thường 35,9 tỷ đồng; (3) tiến hành kiểm tra việc thực hiện quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức tại 3.761 cơ quan, tổ chức, đơn vị, đã kịp thời phát hiện, chấn chỉnh các sai phạm và xử lý 30 cán bộ, công chức, viên chức vi phạm; (4) chuyển đổi vị trí công tác đối với 12.074 cán bộ, công chức, viên chức nhằm phòng ngừa tham nhũng; (5) có 304.212 người đã thực hiện kê khai tài sản, thu nhập trong kỳ; có 3.214 người được xác minh việc kê khai tài sản, thu nhập; 02 người bị kỷ luật do kê khai tài sản, thu nhập không trung thực.

Tổng số vụ việc tham nhũng phát hiện 25 vụ việc, 35 người; trong đó: qua hoạt động kiểm tra nội bộ phát hiện 8 vụ, 10 người; qua hoạt động thanh tra, kiểm tra đã phát hiện 12 vụ, 20 người; qua giải quyết khiếu nại, tố cáo phát hiện 5 vụ, 5 người liên quan đến tham nhũng. Về xử lý trách nhiệm của người đứng đầu khi để xảy ra tham nhũng: Trong kỳ báo cáo có 17 trường hợp người đứng đầu bị kết luận là thiếu trách nhiệm để xảy ra tham nhũng; đã xử lý kỷ luật 24 người (bao gồm cả những trường hợp chưa xử lý kỷ luật trước chuyển sang).

Các bộ, ngành, địa phương tiếp tục đẩy mạnh tuyên truyền phổ biến pháp luật về phòng, chống tham nhũng, đã tổ chức 34.762 lớp cho 2.091.776 lượt cán bộ, nhân dân tham gia; xuất bản 481.342 đầu sách, tài liệu tuyên truyền pháp luật về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; ban hành mới 13.162 văn bản để thực hiện Luật Phòng, chống tham nhũng 2018 và các văn bản hướng dẫn thi hành; sửa đổi, bổ sung 334 văn bản, bãi bỏ là 89 văn bản không phù hợp.

Thực hiện xác minh tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn theo kế hoạch; trình Thủ tướng Chính phủ dự thảo Định hướng xây dựng kế hoạch xác minh tài sản, thu nhập năm 2025 và tổ chức thực hiện ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ; Xây dựng báo cáo của Chính phủ về công tác phòng, chống tham nhũng năm 2024 trình Quốc hội tại kỳ họp thứ 8.

Đề nghị Bộ Tài chính báo cáo về nội dung thực hành tiết kiệm, chống lãng phí:

d) Công tác thanh tra

Toàn ngành Thanh tra đã triển khai 5.676 cuộc thanh tra hành chính và 74.195 cuộc thanh tra, kiểm tra chuyên ngành. Qua thanh tra chấn chỉnh quản lý, hoàn thiện cơ chế, chính sách pháp luật trên nhiều lĩnh vực; phát hiện vi phạm về 115.239 tỷ đồng và 303,1 ha đất; trong đó kiến nghị thu hồi 72.875 tỷ đồng và 25,6 ha đất; xuất toán, loại khỏi giá trị quyết toán do chưa thực hiện đúng quy định và đề nghị cấp có thẩm quyền xem xét xử lý 42.364 tỷ đồng và 277,5 ha đất; ban hành 58.338 quyết định xử phạt vi phạm hành chính của tổ chức, cá nhân với số tiền 2.269 tỷ đồng; kiến nghị xem xét, xử lý hành chính 1.398 tập thể và 5.502 cá nhân; chuyển cơ quan điều tra xem xét, xử lý 182 vụ, 128 đối tượng. Riêng Thanh tra Chính phủ thực hiện 36 cuộc thanh tra theo kế hoạch và đột xuất do Ban Chỉ đạo, Thủ tướng Chính phủ giao, đã ban hành 23 kết luận thanh tra.

Toàn ngành đã tiến hành đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện 5.867 kết luận và quyết định xử lý về thanh tra, trong đó có 2.308 kết luận thanh tra đã hoàn thành 100% các nội dung phải thực hiện (chiếm 39,3% tổng số kết luận thanh tra được đôn đốc, kiểm tra). Qua đôn đốc, các cơ quan chức năng đã thu hồi 845 tỷ đồng, 18 ha đất; xử lý hành chính 1.366 tổ chức, 5.250 cá nhân; chuyển cơ quan điều tra 88 vụ, 115 đối tượng; khởi tố 21 vụ, 26 đối tượng; ban hành mới, sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ 234 văn bản về cơ chế, chính sách, pháp luật theo kiến nghị tại các kết luận thanh tra.

Thanh tra Chính phủ tổ chức Hội nghị toàn quốc tuyên truyền, phổ biến Luật Thanh tra năm 2022; Tham mưu Ban cán sự đảng Chính phủ trình Bộ Chính trị Đề án 153 “Phương án tháo gỡ khó khăn, vướng mắc liên quan đến các dự án, đất đai trong các kết luận thanh tra, kiểm tra, bản án tại một số tỉnh, thành phố”; trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện Kết luận số 77-KL/TW ngày 02/5/2024 của Bộ Chính trị về Đề án 153; Tổ chức thực hiện Kế hoạch thanh tra chuyên đề trách nhiệm công vụ của cán bộ, công chức, viên chức trong việc giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công cho tổ chức, cá nhân trên phạm vi cả nước...

đ) Công tác tiếp dân, xử lý đơn, giải quyết khiếu nại, tố cáo

Thanh tra Chính phủ thực hiện nhiều giải pháp để hạn chế tình trạng công dân khiếu kiện lên Trung ương, trong đó lãnh đạo Thanh tra Chính phủ phối hợp với lãnh đạo các địa phương trực tiếp tiếp công dân tại các địa phương có vụ việc đông người, phức tạp; ban hành Quy chế tiếp công dân trực tuyến và Mô hình thí điểm tiếp công dân trực tuyến.

Tiếp tục thực hiện Nghị quyết của Quốc hội, Chính phủ và ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ về giải quyết khiếu kiện phức tạp, tồn đọng, kéo dài và đấu tranh, xử lý các đối tượng lợi dụng khiếu kiện vi phạm pháp luật; Ban hành Kế hoạch phối hợp tổ chức tiếp công dân phục vụ Đại hội Đảng các cấp, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng, bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và Đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2026-2031. Thành lập tổ công tác kiểm tra, đôn đốc công tác phối hợp tiếp công dân phục vụ đại hội Đảng và nắm tình hình một số vụ việc khiếu nại, tố cáo phức tạp, kéo dài tại một số tỉnh, thành phố; Tổng kết 10 năm thực hiện Chỉ thị số 35-CT/TW ngày 26/5/2014 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác tiếp công dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo; xây dựng các báo cáo của Ban cán sự đảng Chính phủ, của Ban cán sự đảng Thanh tra Chính phủ

về nội dung này; Tiến hành kiểm tra, đôn đốc tiến độ, kết quả thực hiện Nghị quyết số 623/NQ-UBTVQH ngày 07/10/2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và các kiến nghị tại Báo cáo số 334/BC-ĐGS ngày 07/10/2022 của Đoàn Giám sát của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; xây dựng báo cáo của Chính phủ về kết quả thực hiện Nghị quyết số 623/NQ-UBTVQH15 ngày 07/10/2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Xây dựng báo cáo của Chính phủ về công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo về hành chính năm 2024 trình Quốc hội tại kỳ họp thứ 8.

10. Tăng cường, củng cố tiềm lực quốc phòng, an ninh, bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất toàn vẹn lãnh thổ; bảo đảm an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội. Không để Đảng, Nhà nước bị động, bất ngờ về chiến lược.

a) Về công tác bảo đảm quốc phòng, an ninh

Thường xuyên nghiên cứu, nắm chắc, dự báo đúng tình hình để xử lý linh hoạt, hiệu quả các tình huống về quân sự, quốc phòng, không để bị động, bất ngờ, nhất là chủ trương, đối sách, chiến lược bảo vệ vững chắc chủ quyền biển, đảo. Triển khai sâu rộng, hiệu quả các chiến lược, đề án, hệ thống pháp luật về quân sự, quốc phòng; tích cực nghiên cứu, đề xuất một số chủ trương, chính sách mới về tăng cường tiềm lực quốc phòng kết hợp với phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn trọng điểm, về hội nhập quốc tế, đối ngoại quốc phòng, quản lý đất đai, kết nối phát triển vùng.

Xây dựng, triển khai sâu rộng, hiệu quả các chiến lược, đề án, hệ thống pháp luật về quân sự, quốc phòng; đã ban hành Quyết định số 15/QĐ-TTg ngày 20/02/2024 về phê duyệt hệ thống các công trình quốc phòng, khu quân sự, kho đạn dược, công nghiệp quốc phòng thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 47/QĐ-TTg ngày 09/5/2024 phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất quốc phòng thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn 2050; Nghị quyết số 24/NQ-CP ngày 07/6/2024 ban hành chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 44-NQ/TW ngày 24/11/2023 của Hội nghị lần thứ tám, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XIII về Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới.

Huy động sức mạnh của cả hệ thống chính trị và toàn dân, xây dựng, củng cố nền quốc phòng toàn dân, thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân vững chắc. Tháo gỡ khó khăn vướng mắc, thúc đẩy nhiệm vụ quân sự, quốc phòng, kết hợp phát triển KT-XH. Chủ động rà soát điều chỉnh vị trí đóng quân, thao trường huấn luyện; đầu tư xây dựng công trình quốc phòng ưu tiên địa bàn, các tuyến đảo trọng điểm, tạo thế phòng thủ liên hoàn vững chắc. Thực hiện hiệu quả chủ trương đưa dân ra sinh sống tại khu vực biên giới, biển đảo góp phần xây dựng củng cố thế trận quốc phòng, an ninh, bảo vệ vững chắc biên cương Tổ quốc.

Công tác quốc phòng ở bộ, ngành, địa phương và giáo dục, bồi dưỡng kiến thức quốc phòng, an ninh được triển khai đồng bộ, thiết thực, hiệu quả. Tổ chức 26 đoàn kiểm tra, thăm, động viên quân, dân trên quần đảo Trường Sa, nhà giàn DK1 và các đảo Tây Nam Bộ góp phần nâng cao nhận thức và trách nhiệm toàn dân với biển đảo Tổ quốc. Xây mới, củng cố, nâng cấp các chốt chiến đấu dân quân thường trực biên giới đất liền gắn với các điểm dân cư và đồn trạm biên phòng, góp phần tăng cường khả năng quản lý, bảo vệ biên giới; lực lượng hải đội dân quân thường

trực được huấn luyện chặt chẽ và phối thuộc với Hải quân, Cảnh Sát biển thực hiện nhiệm vụ trên các vùng biển trọng điểm, giúp nhân dân “vươn khơi, bám biển” kết hợp với bảo vệ chủ quyền biển đảo Tổ quốc.

Phát huy tốt vai trò nòng cốt, đi đầu trong phòng, chống thiên tai, dịch bệnh, ứng phó sự cố, tìm kiếm, cứu nạn. Chủ động xây dựng phương án, chuẩn bị lực lượng, phương tiện, duy trì, thực hiện nghiêm các chế độ ứng trực; phối hợp chặt chẽ với các cấp, xử lý kịp thời các tình huống cứu hộ, cứu nạn. Chủ động phương án, kịp thời điều động trên 229.200 lượt bộ đội, dân quân tự vệ, trên 7.100 lượt phương tiện tham gia phòng, chống thiên tai, tìm kiếm, cứu nạn, nhất là khắc phục hậu quả bão số 3, số 6 và mưa lũ sau bão, sạt lở đất tại các tỉnh phía Bắc và khu vực miền Trung; thi công và vận hành hiệu quả, an toàn cầu phao Phong Châu (tỉnh Phú Thọ) phục vụ giao thông.

Duy trì nghiêm túc sẵn sàng chiến đấu (SSCĐ), quản lý chặt chẽ vùng trời, vùng biển, biên giới, nội địa và không gian mạng; tăng cường lực lượng, phương tiện tuần tra, trinh sát, kiểm soát hoạt động của nước ngoài trên Biển Đông, bảo vệ vững chắc chủ quyền biển, đảo và hoạt động kinh tế biển. Phối hợp với các lực lượng triển khai hiệu quả Nghị định số 03/2019/NĐ-CP ngày 05/9/2019 của Chính phủ về phối hợp thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, đấu tranh phòng chống tội phạm và nhiệm vụ quốc phòng; kiên quyết, kiên trì, linh hoạt đấu tranh xua đuổi tàu nước ngoài xâm phạm vùng biển Việt Nam; tuyên truyền, quyết liệt ngăn chặn khai thác hải sản bất hợp pháp, không khai báo, không theo quy định (IUU) làm cơ sở để Ủy ban châu Âu gỡ bỏ “Thẻ vàng” cho ngành thủy sản Việt Nam.

Tăng cường kiểm tra SSCĐ, luyện tập chuyên trạng thái SSCĐ. Chỉ đạo các cuộc diễn tập, chặt chẽ, chất lượng, an toàn. Tổ chức hợp lý lực lượng chuyên trách ở từng cấp về tác chiến với các loại chiến tranh sử dụng phương tiện không người lái, chiến tranh sử dụng vũ khí công nghệ cao; kịp thời điều chỉnh tổ, chốt biên phòng tuyến biên giới phù hợp tình hình thực tiễn.

Chỉ đạo các hoạt động hội nhập quốc tế và đối ngoại quốc phòng theo kế hoạch, linh hoạt, hiệu quả, góp phần củng cố tin cậy chiến lược, giữ thế cân bằng trong quan hệ đối ngoại, thúc đẩy xu thế hòa bình, ngăn ngừa, hoá giải nguy cơ chiến tranh, bảo vệ Tổ quốc từ sớm, từ xa. Thúc đẩy hợp tác với các nước láng giềng trong quản lý, bảo vệ biên giới. Tổ chức thành công Giao lưu hữu nghị quốc phòng biên giới Việt - Trung lần thứ 8, Việt Nam - Lào lần thứ 2; giao lưu công tác đảng, công tác chính trị với cảnh sát biển Trung Quốc lần thứ nhất; tuần tra chung, tuần tra liên hợp với lực lượng hải quân, cảnh sát biển Trung Quốc; diễn tập cứu hộ, cứu nạn chung quân đội 3 nước Việt Nam - Lào - Campuchia; khánh thành và bàn giao Công viên Hữu nghị Việt Nam - Lào tại tỉnh Hủa phăn (Lào); duy trì hiệu quả hoạt động kết nghĩa đồn, trạm biên phòng, lực lượng vũ trang, cụm dân cư hai bên biên giới, góp phần củng cố mối quan hệ đoàn kết, hợp tác với quân đội và nhân dân các nước láng giềng. Đẩy mạnh hợp tác quốc tế về khắc phục hậu quả chiến tranh, xử lý chất độc dioxin, rà phá bom, mìn, hoạt động MIA và gìn giữ hòa bình Liên hợp quốc. Chỉ đạo chặt chẽ khởi công dự án “Hành động bom mìn vì

làng hòa bình Việt Nam - Hàn Quốc” tại tỉnh Bình Định; trao trả hài cốt quân nhân Mỹ đợt 164, đợt 165,...; đưa Đội Công binh số 3 và Bệnh viện dã chiến 2.6 đi làm nhiệm vụ gìn giữ hòa bình Liên hợp quốc tại các Phái bộ.

b) Về công tác bảo đảm an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội

Tập trung thực hiện quyết liệt công tác xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật về an ninh, trật tự; trình Quốc hội xem xét, thông qua 04 dự án luật (Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ; Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ (sửa đổi); Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cảnh vệ; Luật Công nghiệp quốc phòng, an ninh và động viên công nghiệp (đồng chủ trì với Bộ Quốc phòng)); xem xét, cho ý kiến 02 dự án luật (Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ; Luật Phòng, chống mua bán người (sửa đổi)).

Ngành Công an đã tham mưu trong ứng xử với các nước lớn, các nước láng giềng trong bối cảnh cạnh tranh chiến lược nước lớn diễn ra gay gắt, toàn diện; các biện pháp bảo đảm an ninh chủ quyền biển, đảo; các biện pháp đảm bảo an ninh chủ quyền biên giới trên đất liền; thúc đẩy quan hệ hợp tác kinh tế, thương mại, đầu tư giữa Việt Nam với các đối tác; chủ trương, chính sách phát triển kinh tế - xã hội, đẩy mạnh các hoạt động đối ngoại nhằm nâng cao uy tín, vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế...

Đã chủ động xây dựng kế hoạch và phối hợp chặt chẽ với các bộ, ngành, địa phương, nhất là với lực lượng Quân đội bảo vệ tuyệt đối an ninh, an toàn, không để xảy ra sơ suất dù là nhỏ nhất, trọng tâm là Tết Nguyên đán Giáp Thìn 2024; kỷ niệm 70 năm chiến thắng Điện Biên Phủ; Lễ quốc tang đồng chí Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng; các kỳ họp của Ban Chấp hành Trung ương, Quốc hội; các chuyến công tác nước ngoài của các đồng chí lãnh đạo chủ chốt của Đảng, Nhà nước...

Bảo đảm an ninh chính trị nội bộ, an ninh thông tin, truyền thông, an ninh mạng. Trọng tâm là triển khai các biện pháp bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch; bảo vệ bí mật nhà nước; đấu tranh, ngăn chặn âm mưu, ý đồ lợi dụng báo chí; tấn công, kịp thời vô hiệu hóa các mục tiêu, hội nhóm chống đối trọng điểm, là nguồn tán phát thông tin xấu, độc trên không gian mạng.

Nắm bắt tình hình, đấu tranh ngăn chặn, vô hiệu hóa hàng chục tổ chức trá hình trái phép của các tổ chức người lao động trong doanh nghiệp. Tham mưu giải quyết tốt các vụ việc liên quan tôn giáo phức tạp về an ninh trật tự. Rà soát, chỉ đạo giải quyết kịp thời các vụ việc khiếu kiện phức tạp, có nguy cơ hình thành “điểm nóng” về an ninh trật tự. Quản lý chặt chẽ hoạt động nhập cảnh, xuất cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam. Tăng cường bảo đảm an ninh các địa bàn chiến lược Tây Bắc, Tây Nguyên, Tây Nam Bộ. Trong năm 2024, xảy ra 17.217 vụ/57.549 lượt người khiếu kiện, giảm 2.381 số vụ, 6.175 lượt người so với cùng kỳ năm 2023, trong đó có 4.682 lượt người khiếu kiện vượt cấp lên Trung ương.

Tập trung đấu tranh, trấn áp tội phạm có tổ chức, tội phạm xuyên quốc gia, tội phạm liên quan đến “tín dụng đen”, sử dụng công nghệ cao.... Tổ chức các cao điểm tấn công, trấn áp tội phạm; kịp thời giải quyết những vấn đề phức tạp trên các tuyến,

địa bàn trọng điểm. Đã điều tra, khám phá 44.397 vụ phạm tội về trật tự xã hội, đạt tỷ lệ 77,14% (cao hơn chỉ tiêu Quốc hội đề ra 2,14%), trong đó án rất nghiêm trọng đạt 95,15%, án đặc biệt nghiêm trọng đạt 97,08%; bắt và vận động đầu thú 3.766 đối tượng truy nã, trong đó có 1.561 đối tượng nguy hiểm và đặc biệt nguy hiểm...

Chủ động phát hiện, đấu tranh với tội phạm, vi phạm pháp luật về kinh tế, tham nhũng trong các ngành, lĩnh vực trọng điểm như tài chính, ngân hàng, chứng khoán, đất đai, xây dựng cơ bản, đầu tư công, hoạt động buôn lậu, gian lận thương mại, hàng cấm, hàng giả...; thu hồi triệt để tài sản cho nhà nước, nhất là các vụ án, vụ việc thuộc diện Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực theo dõi, chỉ đạo. Tập trung giải quyết vi phạm pháp luật gây ô nhiễm môi trường tại các lưu vực sông, hệ thống thủy lợi. Đấu tranh, xử lý vi phạm pháp luật về bảo vệ, phát triển rừng, bảo vệ động vật hoang dã, quý, hiếm.

Tăng cường quản lý xuất cảnh, nhập cảnh, quản lý cư trú, quản lý người nước ngoài; chủ động nắm tình hình các cơ sở lưu trú có người nước ngoài tạm trú, các cơ sở có người nước ngoài đang lao động, làm việc tại Việt Nam.

Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Đề án 06/CP về “Phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030”. Đẩy mạnh nghiên cứu và triển khai các tiện ích trên VNeID; rà soát, triển khai dịch vụ công toàn trình thiết yếu, cấp bách để phục vụ tối đa cho nhân dân, công tác quản lý xã hội và quản lý nhà nước về an ninh trật tự. Đến nay, cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư đã kết nối chính thức đối với một số Cơ sở dữ liệu của 18 bộ, ngành, 01 doanh nghiệp nhà nước, 03 doanh nghiệp viễn thông và 63 địa phương, góp phần đẩy mạnh thực hiện các dịch vụ công trực tuyến mang lại nhiều tiện ích cho người dân và doanh nghiệp. Tăng cường công tác quản lý nhà nước về vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ và pháo. Quản lý chặt chẽ hoạt động kinh doanh có điều kiện về an ninh trật tự, nhất là các cơ sở kinh doanh dịch vụ cầm đồ, bảo vệ, karaoke, vũ trường, lưu trú.

Triển khai thực hiện cao điểm bảo đảm an toàn phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ mùa hanh khô năm 2024. Tăng cường công tác kiểm tra, chấn chỉnh việc chấp hành các quy định về phòng cháy, chữa cháy tại các cơ sở có nguy cơ cháy, nổ cao; xây dựng mô hình “Tổ liên gia an toàn phòng cháy, chữa cháy”.

Triển khai tổng thể các giải pháp bảo đảm trật tự, an toàn giao thông, khắc phục ùn tắc giao thông, kéo giảm tai nạn giao thông, phòng chống đua xe trái phép, nhất là trong dịp Tết Dương lịch, Tết Nguyên đán Giáp Thìn và Lễ hội Xuân 2024. Đồng thời, tập trung thực hiện các giải pháp nâng cao hiệu quả công tác tuần tra, kiểm soát, xử lý vi phạm trật tự, an toàn giao thông, kiểm tra, xử lý quyết liệt 5 nhóm hành vi vi phạm là nguyên nhân chính gây tai nạn giao thông nghiêm trọng, trong đó có vi phạm nồng độ cồn, tốc độ, quá khổ, quá tải, coi nói thành thùng xe. Năm 2024, đã xảy ra 21.570 vụ; làm 10.016 người chết, 15.984 người bị thương, tăng 5,1% số vụ, giảm 7,97% số người chết, tăng 12,59% số người bị thương so với cùng kỳ năm 2023; đã kiểm tra, xử phạt 3.974.224 trường hợp vi phạm trật tự, an toàn giao thông, nộp ngân sách Nhà nước hơn 7.276 tỷ đồng, tạm giữ 1.306.679 lượt phương tiện.

11. Triển khai đồng bộ, toàn diện, hiệu quả các hoạt động đối ngoại, hội

nhập quốc tế; giữ vững môi trường hòa bình, ổn định, hợp tác, phát triển và tạo điều kiện thuận lợi, thu hút các nguồn lực để phục vụ phát triển đất nước, củng cố và nâng cao uy tín, vị thế quốc tế của Việt Nam

Tiếp tục duy trì đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, đa dạng hóa, đa phương hóa. Công tác đối ngoại tiếp tục được triển khai đồng bộ, toàn diện, hiệu quả, góp phần duy trì, củng cố cục diện đối ngoại thuận lợi; giữ vững môi trường hòa bình, ổn định; bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ; thu hút các nguồn lực quan trọng và tranh thủ điều kiện thuận lợi từ bên ngoài cho phát triển kinh tế - xã hội; nâng cao vai trò, uy tín, vị thế của đất nước.

Trong năm 2024, Lãnh đạo cấp cao ta đã tiến hành tổng cộng 59 hoạt động đối ngoại cấp cao, trong đó có 21 chuyến thăm tới các nước và tham dự các hội nghị đa phương quan trọng; đón 25 đoàn Lãnh đạo các nước thăm Việt Nam và nhiều hoạt động điện đàm, trực tiếp khác; hơn 170 thỏa thuận hợp tác được ký kết. Đặc biệt, cơ chế Lãnh đạo Chính phủ chủ trì họp liên ngành hằng tháng để đôn đốc, rà soát việc triển khai các cam kết, thỏa thuận, dự án đã ký kết với các đối tác trong dịp các hoạt động đối ngoại cấp cao được triển khai đều đặn; qua đó góp phần tích cực tháo gỡ các điểm nghẽn, khai thông hợp tác với các đối tác.

Quan hệ với các nước lớn như Trung Quốc, Mỹ, Nga ngày càng được củng cố. Quan hệ với các nước Đông Nam Á khác tiếp tục đi vào chiều sâu; hợp tác ngày càng toàn diện, thực chất. Tiếp tục củng cố quan hệ đoàn kết, hữu nghị đặc biệt với các nước láng giềng Lào, Cam-pu-chia, cả trong quan hệ song phương và các cơ chế đối thoại, hợp tác giữa ba Đảng, ba nước.

Tích cực tham gia, đóng góp thực chất, thể hiện vai trò thành viên có trách nhiệm tại các diễn đàn đa phương khu vực và toàn cầu. Trong ASEAN, Việt Nam lần đầu tiên tổ chức thành công Diễn đàn Tương lai ASEAN (AFF) vào tháng 4/2024; Tiếp tục đóng góp tích cực vào củng cố đoàn kết, vai trò trung tâm của ASEAN; hỗ trợ Lào đảm nhiệm vai trò Chủ tịch ASEAN 2024; hoàn thành tốt vai trò điều phối quan hệ ASEAN - Hàn Quốc, thúc đẩy đồng thuận ASEAN về việc nâng cấp quan hệ với Hàn Quốc lên Đối tác chiến lược toàn diện. Trong các cơ chế tiểu vùng Mê Công, Việt Nam nỗ lực xây dựng tiếng nói chung về các vấn đề an ninh, phát triển; chủ trì/điều phối 10 cơ chế hợp tác Mê Công, góp phần cùng các đối tác duy trì đối thoại, hợp tác ở tiểu vùng.

Tham gia chủ động, tích cực các hoạt động trong khuôn khổ Liên hợp quốc và các cơ chế đa phương khác. Đảm nhiệm thành công các vị trí, vai trò quan trọng tại các diễn đàn đa phương; đẩy mạnh ứng cử, đưa đại diện Việt Nam tham gia các cơ quan đa phương, lần đầu tiên giới thiệu ứng cử viên thẩm phán Tòa án Quốc tế về Luật Biển (ITLOS) nhiệm kỳ 2026 - 2035. Tiếp tục cử Lực lượng thực hiện nhiệm vụ gìn giữ hòa bình Liên hợp quốc; đóng góp thực chất vào việc xây dựng các quy tắc, chuẩn mực quốc tế mà ta có lợi ích, trong đó có việc tham gia Ban cố vấn của Tổng Thư ký Liên hợp quốc về khoáng sản thiết yếu. Tích cực chuẩn bị đăng cai Hội nghị thượng đỉnh Đối tác vì tăng trưởng xanh và Mục tiêu toàn cầu 2030 (P4G) lần thứ tư vào năm 2025.

Thúc đẩy triển khai, thể chế hóa các FTA, tháo gỡ rào cản, phát triển thị

trường, góp phần đưa kim ngạch thương mại song phương với nhiều đối tác chủ chốt tăng trưởng ấn tượng. Tích cực thúc đẩy đàm phán FTA với các thị trường tiềm năng, trong đó có ký kết Hiệp định Đối tác kinh tế toàn diện (CEPA) với UAE, nâng tổng số FTA Việt Nam đã ký kết và tham gia lên 17. Đặc biệt, ngoại giao kinh tế đã góp phần quan trọng kết nối, triển khai hợp tác với các đối tác quan trọng như Mỹ, Nhật Bản, Hàn Quốc, Ấn Độ ... trong các lĩnh vực công nghệ cao như bán dẫn, AI, chuyển đổi xanh, chuyển đổi năng lượng. Thúc đẩy triển khai quyết liệt các biện pháp tháo gỡ các vướng mắc, khó khăn cho hợp tác kinh tế với các đối tác, nhất là các vướng mắc về thể chế trong nước, kết hợp với tích cực vận động đối tác. Trong đó nổi bật là việc tháo gỡ vướng mắc kỹ thuật trong triển khai Hiệp định EVFTA; tiếp tục kết nối, vận động Mỹ đưa Việt Nam ra khỏi danh sách kiểm soát thương mại chiến lược của Mỹ (D1-D3); chủ động, tích cực thúc đẩy việc Mỹ công nhận quy chế kinh thị trường (KTTT) cho Việt Nam.

Kiên quyết, kiên trì đấu tranh, bảo vệ chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, quyền và lợi ích chính đáng, hợp pháp trên biển. Tích cực vận dụng luật pháp quốc tế và các cơ chế đa phương để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của ta; tranh thủ thời cơ và các điều kiện thuận lợi để nộp hồ sơ Đề trình ranh giới thềm lục địa mở rộng ngoài 200 hải lý khu vực giữa Biển Đông lên Liên hợp quốc với tổng diện tích gần 93.000 km² (7/2024). Với Trung Quốc, duy trì các kênh đối thoại, đàm phán, thúc đẩy hợp tác, đồng thời chủ động, thẳng thắn bày tỏ quan ngại sâu sắc đối với các hành vi vi phạm chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán của ta. Với các nước Đông Nam Á, duy trì đối thoại, thúc đẩy hợp tác và đàm phán với các nước liên quan. Cùng các nước tích cực thúc đẩy đàm phán COC thực chất, hiệu quả, phù hợp với luật pháp quốc tế, trong đó có UNCLOS 1982.

Tình hình biên giới trên đất liền với Trung Quốc, Lào, Campuchia được duy trì ổn định. Xử lý kịp thời các vụ việc phát sinh, góp phần bảo đảm vững chắc vành đai an ninh trực tiếp của đất nước; đồng thời tích cực thúc đẩy hợp tác phát triển kinh tế - xã hội ở khu vực biên giới. Thúc đẩy công tác mở, nâng cấp cửa khẩu, tích cực thí điểm mô hình “cửa khẩu thông minh”. Nhất trí với Lào cho phép đoạn băng tải thuộc hệ thống băng tải vận hành than đá từ Lào về Việt Nam được cắt ngang qua đường biên giới Việt Nam - Lào.

Tiếp tục thực hiện tốt các cam kết trong các cơ chế đa phương; duy trì thông tin; đối thoại thẳng thắn, cởi mở với các đối tác liên quan như EU, Úc, Mỹ; đồng thời kiên quyết đấu tranh, không để các thế lực thù địch lợi dụng các vấn đề dân chủ, nhân quyền, tôn giáo, dân tộc can thiệp vào công việc nội bộ của Việt Nam.

Tổ chức thành công nhiều Chương trình, hoạt động gắn kết kiều bào, nổi bật là Hội nghị người Việt Nam ở nước ngoài toàn thế giới lần thứ 4 và Diễn đàn trí thức, chuyên gia Việt Nam ở nước ngoài (8/2024).

Công tác bảo hộ công dân được triển khai kịp thời, hiệu quả, nhất là tại các địa bàn có chiến tranh, xung đột. Đã giải cứu, đưa về nước hơn 1000 công dân bị ép buộc làm việc trong các cơ sở ở Cam-pu-chia, Mi-an-ma, Phi-líp-pin và Lào; bảo hộ đối với 61 tàu cá/418 ngư dân bị bắt giữ do vi phạm vùng biển nước ngoài; hỗ trợ đưa về nước hơn 600 ngư dân đã mãn hạn tù từ Ma-lai-xia, In-đô-nê-xi-a và Thái Lan.

Công tác ngoại giao văn hóa được triển khai liên tục và rộng khắp. Tổ chức thành công nhiều sự kiện ngoại giao văn hóa, lễ hội văn hóa, góp phần xây dựng thương hiệu, phát triển kinh tế - xã hội của các địa phương và nâng cao vị thế của đất nước. Quan hệ hợp tác Việt Nam - UNESCO tiếp tục đi vào chiều sâu; lần đầu tiên Việt Nam đảm nhận cương vị tại 06 cơ chế điều hành then chốt của UNESCO; vận động thành công UNESCO ghi danh thêm 03 danh hiệu/di sản, nâng tổng số danh hiệu UNESCO lên 69 di sản, danh hiệu. Nổi bật là hồ sơ Di sản thế giới Khu trung tâm Hoàng thành Thăng Long được thông qua (7/2024).

12. Đẩy mạnh thông tin, tuyên truyền, nhất là công tác truyền thông chính sách, nâng cao hiệu quả công tác dân vận, tạo đồng thuận xã hội

Bộ Thông và Truyền thông, Ban Tuyên giáo Trung ương, Đài Truyền hình Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam, Thông tấn xã Việt Nam, các đài phát thanh truyền hình, các cơ quan thông tấn, báo chí trong cả nước đã tuyên truyền, phổ biến rộng rãi các nội dung của Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 05/01/2024 của Chính phủ đến người dân. Ngay sau khi Nghị quyết được Chính phủ ban hành, các cơ quan báo chí đã có nhiều tin, bài thông tin về các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm được Chính phủ triển khai trong năm 2024 thực hiện kế hoạch phát triển KTXH.

Bộ Thông tin và Truyền thông đã thực hiện tốt vai trò dẫn dắt các cơ quan báo chí, thông tin tuyên truyền đầy đủ chủ trương, đường lối của Đảng, các Nghị quyết của Ban chấp hành trung ương, Nghị quyết, kết luận, Chỉ thị của Bộ Chính trị, Ban bí thư và Nghị quyết của Chính phủ về phát triển kinh tế - xã hội năm 2024; Tích cực thông tin, tuyên truyền định hướng dư luận trước những diễn biến phức tạp của tình hình khu vực, thế giới, nhất là cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn, xung đột, tranh chấp ảnh hưởng trực tiếp đến lợi ích quốc gia, dân tộc, lợi ích của người dân; Tăng cường cung cấp thông tin, định hướng, góp phần ổn định dư luận xã hội, xử lý tốt các vụ việc nổi cộm, nhân dân quan tâm như vụ án Việt Á, Chuyển bay giải cứu, hành vi thao túng giá chứng khoán, vụ án Vạn Thịnh Phát và ngân hàng SCB, vụ mất an ninh nghiêm trọng tại Đắk Lắk...; Luôn cập nhật, bám sát mọi diễn biến quốc tế và các giải pháp điều hành, chỉ đạo kịp thời của Đảng, Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các bộ, ngành và địa phương để đưa ra những phân tích, định hướng kịp thời, thấu đáo tạo sự đồng thuận trong xã hội; Chú trọng đưa tin gương người tốt, việc tốt, mô hình tốt, cách làm hay. Tăng cường cung cấp thông tin, định hướng, góp phần ổn định dư luận xã hội, xử lý tốt các vụ việc nổi cộm, nhân dân quan tâm. Một số cơ quan báo chí có lượng truy cập khá lớn từ nước ngoài, góp phần thực hiện hiệu quả công tác thông tin đối ngoại; công tác ứng phó, khắc phục hậu quả bão lũ, ổn định đời sống nhân dân; diễn biến tình hình kinh tế, giá cả, lạm phát, thị trường thế giới, trong nước; các nhiệm vụ và giải pháp trọng tâm để thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, kiểm soát lạm phát và ổn định kinh tế vĩ mô năm 2024; Đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công, lấy đầu tư công để kích hoạt dẫn dắt đầu tư, thúc đẩy hợp tác công tư; Tăng cường kỷ luật, kỷ cương tài chính ngân sách Nhà nước; Tiếp tục triệt để tiết kiệm, cắt giảm chi thường xuyên để dành cho chi đầu tư phát triển và an sinh xã hội; Đẩy mạnh sản xuất, xuất khẩu, phát triển thị trường trong nước, bảo đảm an ninh năng lượng, an ninh lương thực; tiếp tục thúc đẩy phát triển năng lượng xanh, năng lượng sạch, sớm hoàn thành Đề án phát triển

thị trường các-bon tại Việt Nam; Chú trọng hơn nữa các lĩnh vực văn hóa, xã hội; Tập trung hoàn thiện thể chế, pháp luật, cơ chế, chính sách để tháo gỡ ngay các khó khăn, vướng mắc, giải phóng nguồn lực cho thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội; Các phong trào thi đua yêu nước, các cuộc vận động xã hội nêu cao tinh thần, khát vọng phát triển quốc gia được đẩy mạnh, tạo sự đồng thuận, lan toả năng lượng tích cực, tạo niềm tin xã hội, góp phần tạo ra sức mạnh tinh thần để Việt Nam bứt phá vươn lên. Tuyên truyền nâng cao tinh thần trách nhiệm, ý thức tự giác của nhân dân trong thực hiện các quy định về an toàn giao thông, phòng, chống dịch bệnh.

III. NHỮNG TỒN TẠI, HẠN CHẾ

Trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ kế hoạch năm 2024 của các ngành, các cấp vẫn còn những tồn tại, hạn chế chủ yếu như sau:

1. Về công tác hoàn thiện thể chế, pháp luật

Việc thực hiện một số quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật chưa thực sự đầy đủ, thống nhất; vẫn còn tình trạng bỏ sung dự án, dự thảo sát thời điểm tổ chức kỳ họp, phiên họp của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội; tình trạng nợ đọng, chậm ban hành văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành luật, pháp lệnh chưa được khắc phục triệt để; một số quy định pháp luật đến nay không còn phù hợp với thực tiễn và yêu cầu phát triển, nhưng chậm được sửa đổi, tháo gỡ; một số bộ, ngành, địa phương trong một số trường hợp chưa thực sự nêu cao tinh thần cải cách trong tham mưu, sửa đổi các quy định thuộc phạm vi quản lý; việc xử lý văn bản trái pháp luật của một số bộ, ngành, địa phương sau khi có kết luận kiểm tra còn chậm.

Việc phân cấp, phân quyền, cắt giảm một số quy định, thủ tục hành chính, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, điều kiện kinh doanh rườm rà, chưa triệt để như quy định hoàn thuế giá trị gia tăng, phòng cháy, chữa cháy, truy xuất nguồn gốc...; công tác thực thi có lúc, có nơi còn chưa thống nhất. Một số hệ thống thông tin trong thực hiện thủ tục về hành chính tư pháp chậm được nâng cấp, dẫn đến có thời điểm hệ thống gặp sự cố, ảnh hưởng trực tiếp đến tiếp nhận, giải quyết các yêu cầu thủ tục hành chính của cán bộ tư pháp và của người dân, nhất là trong lĩnh vực hộ tịch, lý lịch tư pháp.

2. Kinh tế vĩ mô và các cân đối lớn: Để tiếp tục đẩy mạnh tăng trưởng năm 2024, tạo đà cho năm 2025 và giai đoạn tới, các động lực tăng trưởng cần được tập trung thúc đẩy hơn nữa. Chi phí sản xuất của khu vực nông nghiệp và dịch vụ tăng cao. Sản xuất công nghiệp còn phụ thuộc nhiều vào sự phục hồi kinh tế và sức mua tại các thị trường xuất khẩu lớn. Sức mua trong nước có dấu hiệu tăng chậm lại. Tình trạng buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả trên thị trường nội địa, đặc biệt trong thương mại điện tử còn diễn biến phức tạp, ảnh hưởng đến quyền lợi người tiêu dùng và sản xuất trong nước.

Hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp còn khó khăn. Các mặt hàng xuất khẩu chủ lực của Việt Nam sang các thị trường lớn như EU, Hoa Kỳ... phải đối mặt với áp lực gia tăng về điều tra chống bán phá giá, gian lận xuất xứ; doanh nghiệp phải đáp ứng nhanh hơn, tốt hơn các rào cản kỹ thuật liên quan đến môi

trường, phát triển bền vững, chuyển đổi xanh... Việc cụ thể hóa các cam kết, thỏa thuận quốc tế trong một số trường hợp còn chưa kịp thời. Xuất siêu còn phụ thuộc vào khu vực FDI.

Ổn định kinh tế vĩ mô còn tiềm ẩn rủi ro, nhất là do các yếu tố bên ngoài. Áp lực lạm phát tiếp tục cần được theo dõi sát, đặc biệt là trước biến động giá cả thế giới, tâm lý, kỳ vọng của người dân, doanh nghiệp. Thị trường ngoại tệ và tỷ giá vẫn chịu áp lực điều chỉnh do diễn biến phức tạp trên thị trường quốc tế, nhất là tác động từ chính sách điều hành lãi suất của Mỹ và các nền kinh tế lớn, nhu cầu ngoại tệ thường tăng cao vào những tháng cuối năm. Tín dụng tăng chưa cao chủ yếu do cầu tín dụng và sức hấp thụ vốn của nền kinh tế vẫn thấp. Một số chương trình, chính sách tín dụng gặp khó khăn, vướng mắc trong triển khai.

Việc xử lý các tổ chức tín dụng yếu kém trong thời gian qua còn gặp nhiều khó khăn về hành lang pháp lý, cơ chế hỗ trợ đối với tổ chức tín dụng tham gia xử lý/nhận chuyển giao bắt buộc các tổ chức tín dụng yếu kém. Tiến độ cơ cấu lại đối với một số tổ chức tín dụng phi ngân hàng có chủ sở hữu/cổ đông là các doanh nghiệp nhà nước còn chậm, phụ thuộc vào nội dung phương án cơ cấu lại của đơn vị đầu mối và/hoặc phê duyệt chủ trương của các cấp có thẩm quyền.

Thị trường trái phiếu, thị trường chứng khoán chưa thực sự phát huy hiệu quả là kênh huy động vốn hiệu quả của nền kinh tế; áp lực trả nợ trái phiếu doanh nghiệp đến hạn lớn. Thị trường bất động sản vẫn còn khó khăn; doanh nghiệp bất động sản tiếp tục đối mặt khó khăn về thanh khoản, dòng tiền.

3. Về cơ cấu lại một số ngành, lĩnh vực

Chuyển dịch cơ cấu kinh tế còn chậm. Mức độ liên kết và hợp tác kinh doanh giữa các doanh nghiệp trong cùng một ngành và giữa các ngành còn hạn chế; liên kết giữa các doanh nghiệp FDI với doanh nghiệp trong nước còn chậm nên chưa thúc đẩy phát triển kỹ năng quản trị, chuyển giao công nghệ, hình thành các chuỗi cung ứng vật tư, nguyên liệu và cụm liên kết ngành. Sự tham gia mạnh của các doanh nghiệp trong nước vào các chuỗi sản xuất, chuỗi cung ứng toàn cầu chưa được cải thiện rõ nét.

Sản xuất nông nghiệp tại các vùng đồng bằng sông Cửu Long, Tây Nguyên, Duyên hải Nam Trung Bộ gặp nhiều khó khăn trong tháng 3 và 4 do khô hạn, xâm nhập mặn tăng cao. Số lượng hợp tác xã nông nghiệp tăng rất chậm, hiệu quả không tăng; nhiều HTX chưa phát huy tốt vai trò kết nối giữa hộ nông dân và doanh nghiệp. Số lượng doanh nghiệp tham gia hợp đồng liên kết tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp ít về số lượng, quy mô nhỏ; duy trì và phát triển bền vững các liên kết chuỗi giá trị còn hạn chế. Các hình thức tổ chức và liên kết sản xuất hiệu quả chưa thật sự ổn định. Liên kết theo chuỗi giá trị để thúc đẩy cơ giới hóa, ứng dụng công nghệ cao để giảm chi phí trung gian, nâng cao giá trị gia tăng chưa phổ biến.

Tình trạng thiếu máy bay, giá vé máy bay tăng cao ảnh hưởng đến nhu cầu đi lại của người dân và sức cạnh tranh của các điểm đến du lịch trong nước. Nhu cầu của khách du lịch liên tục thay đổi, đòi hỏi ngày càng cao về cả chất lượng sản phẩm, sự trải nghiệm, tính đa dạng, độc đáo; nhân lực du lịch suy giảm, thiếu đồng

bộ, nhất là lúc cao điểm.

Tiến độ giải giải ngân vốn đầu tư còn chậm. Việc xử lý các tổ chức tín dụng yếu kém gắn với xử lý nợ xấu còn chậm, gặp nhiều khó khăn, vướng mắc. Cơ chế chính sách, nguồn lực tài chính để xử lý các tổ chức tín dụng yếu kém nói chung và để xây dựng phương án chuyển giao bắt buộc các ngân hàng mua bắt buộc và ngân hàng Đông Á nói riêng còn nhiều bất cập. Tỷ lệ nợ xấu nội bảng vẫn ở mức cao, yêu cầu chính sách tiền tệ phải dành nhiều nguồn lực hơn để ứng phó. Tình hình cổ phần hóa, thoái vốn tại doanh nghiệp còn chậm.

4. Về phát triển kết cấu hạ tầng

Một số dự án trọng điểm chưa được bàn giao 100% mặt bằng, nguồn vật liệu, nhất là vật liệu cát đắp cho các dự án khu vực phía Nam cơ bản được giải quyết nhưng nguy cơ không đáp ứng được tiến độ yêu cầu. Công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng, di dời hạ tầng kỹ thuật, xây dựng khu tái định cư, phê duyệt khung chính sách tái định cư, phê duyệt đơn giá đất còn chậm, kéo dài, chưa được xử lý dứt điểm.

Việc cung cấp dịch vụ công trực tuyến của các cơ quan nhà nước còn chưa thuận tiện, dễ dùng và toàn trình; tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính nộp trực tuyến thấp, trong đó tỷ lệ hồ sơ người dân tự thực hiện trực tuyến còn thấp. Các nền tảng số quy mô lớn và rất lớn phục vụ người dân và doanh nghiệp do nước ngoài phát triển vẫn chiếm tỷ trọng lớn.

Thực hiện chuyển dịch năng lượng từ các nguồn năng lượng hóa thạch sang các nguồn năng lượng tái tạo, năng lượng mới nhằm thực thi cam kết về giảm phát thải tại COP26... chưa đáp ứng yêu cầu chuyển đổi sản xuất theo hướng xanh, nhu cầu sử dụng năng lượng sạch của doanh nghiệp.

5. Phát triển nguồn nhân lực: Năng suất lao động và chất lượng nguồn nhân lực còn có mặt hạn chế, chưa thực sự là động lực, là đột phá để phát triển KTXH, chưa đáp ứng yêu cầu dẫn dắt, phát triển và tái cơ cấu nền kinh tế; đặc biệt trong các ngành kinh tế mũi nhọn, công nghệ cao, các ngành phục vụ kinh tế số, kinh tế xanh, AI, chip, bán dẫn... Công tác đào tạo chưa gắn kết chặt chẽ, thường xuyên với yêu cầu mới về sử dụng lao động và nhu cầu xã hội.

Đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông còn nhiều khó khăn, vướng mắc, nhất là trong việc in ấn, phát hành do lần đầu tiên thực hiện một chương trình, nhiều sách giáo khoa. Tình trạng thiếu trường, lớp còn tồn tại ở một số địa phương, đặc biệt là tại một số khu đô thị, khu công nghiệp, khu chế xuất, các vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn. Việc tuyển dụng, thu hút đội ngũ giáo viên gặp nhiều khó khăn, nhất là giáo viên dạy môn tích hợp, môn học mới. Tình trạng thiếu giáo viên còn diễn ra phổ biến tại nhiều địa phương. Việc tuyển dụng của các địa phương còn chậm và còn nhiều biên chế được giao chưa tuyển dụng.

Triển khai tự chủ đại học bộc lộ một số khó khăn, hạn chế. Đầu tư cho giáo dục đại học còn thấp so với các nước trong khu vực. Công tác xã hội hóa giáo dục chưa đạt được nhiều kết quả, chưa thu hút được nhiều nguồn lực ngoài nhà nước đầu tư cho giáo dục. Tỷ trọng quy mô đào tạo sau đại học giảm trong toàn ngành,

nhất là ở các ngành khoa học cơ bản, kỹ thuật và công nghệ, dẫn tới nguy cơ thiếu hụt nguồn nhân lực khoa học, công nghệ trình độ cao.

Khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo vẫn chưa thực sự là động lực và nền tảng cho phát triển KTXH, cho tăng trưởng, tăng năng suất lao động xã hội, chưa giải đáp kịp thời nhiều vấn đề của thực tiễn đổi mới. Các ngành, lĩnh vực mới như kinh tế số, kinh tế xanh, AI, chip, bán dẫn... chưa có chuyển biến rõ nét, nguy cơ không bắt kịp được với thế giới nếu không có cơ chế, chính sách đột phá.

Thị trường khoa học công nghệ còn chậm phát triển; thiếu cơ chế, chính sách khuyến khích, tạo động lực thương mại hóa kết quả nghiên cứu, đẩy mạnh cung - cầu công nghệ; năng lực hấp thụ, làm chủ công nghệ của doanh nghiệp còn yếu. Trong hệ thống các chương trình khoa học công nghệ cấp quốc gia hiện nay, vẫn thiếu những chương trình khoa học công nghệ cấp quốc gia ở một số lĩnh vực trọng điểm nhằm phát triển và ứng dụng khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo để thực hiện các đột phá chiến lược của đất nước.

Việc thương mại hóa các kết quả nghiên cứu còn vướng mắc về giao quyền sử dụng hoặc sở hữu tài sản hình thành từ nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước; định giá kết quả nghiên cứu, tài sản trí tuệ là kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước; phân chia lợi nhuận thu được từ thương mại hóa kết quả nghiên cứu; thành lập doanh nghiệp khởi nguồn trên cơ sở nghiên cứu của đơn vị sự nghiệp công lập; cơ chế góp vốn và tổ chức hoạt động của doanh nghiệp dạng khởi nguồn công nghệ (spin-off) từ viện nghiên cứu, trường đại học. Sự gắn kết giữa các viện nghiên cứu, trường đại học với các doanh nghiệp với mục tiêu đưa nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ vào thực tiễn sản xuất kinh doanh còn hạn chế.

6. Về các vấn đề văn hóa, xã hội, lao động việc làm

Đầu tư cho văn hoá còn dàn trải, hiệu quả chưa cao; việc huy động các nguồn lực đầu tư cũng như khai thác, phát huy hệ thống thiết chế văn hóa từ huyện đến cơ sở còn hạn chế. Chính sách xã hội hóa cho văn hóa, thể thao thiếu tính thực tiễn; còn chênh lệch về hưởng thụ văn hóa giữa các vùng, miền. Thiếu những tác phẩm văn hoá, văn học, nghệ thuật lớn phản ánh sinh động tâm vóc công cuộc đổi mới, có tác dụng tích cực đối với con người. Tiếng nói, chữ viết, phong tục, tập quán, văn hoá đặc trưng của một số dân tộc thiểu số có nguy cơ mai một dần. Thành tích của các vận động viên Việt Nam vẫn còn khoảng cách tương đối xa so với châu lục và thế giới.

Thị trường lao động phục hồi nhanh và có bước phát triển, tuy nhiên phát triển chưa bền vững khi số lao động có việc làm phi chính thức chiếm tỷ trọng lớn. Vẫn có hiện tượng mất cân đối cung - cầu lao động cục bộ và có sự phát triển không đồng đều giữa các vùng miền, khu vực, ngành nghề kinh tế; cơ chế kết nối cung - cầu và tự cân bằng của thị trường còn yếu. Tỷ lệ thất nghiệp của thanh niên còn cao.

Chất lượng cung lao động còn nhiều bất cập, hạn chế, chưa đáp ứng cho cầu lao động của một thị trường lao động hiện đại, linh hoạt, bền vững và hội nhập. Số người tham gia bảo hiểm xã hội tiếp tục có xu hướng tăng so với năm trước nhưng tốc độ đã chậm lại, cả 2 loại hình bảo hiểm xã hội bắt buộc và tự nguyện đều giảm

so với thời điểm cuối năm 2023. Số người hưởng bảo hiểm xã hội một lần liên tục tăng ở các tháng đầu năm 2024, cho thấy đây vẫn là một lựa chọn của người lao động sau khi chấm dứt hợp đồng lao động, thôi việc, mất việc làm.

Cơ sở vật chất của các cơ sở trợ giúp xã hội, cơ sở y tế đã lạc hậu, xuống cấp, chưa đáp ứng nhu cầu chăm sóc, phục hồi chức năng, khám chữa bệnh cho đối tượng bảo trợ xã hội và người dân, chất lượng nguồn nhân lực còn thiếu và yếu.

Đối với Chương trình cho vay nhà ở xã hội theo Nghị quyết 33/NQ-CP: (i) Nguồn cung nhà ở xã hội còn hạn chế, một số dự án chưa giải phóng xong mặt bằng, chưa hoàn thiện chủ trương đầu tư,...; (ii) Khả năng trả nợ của khách hàng vay chưa cao, các khách hàng ưu tiên nhu cầu trang trải cuộc sống hơn là dành nguồn lực cho mua nhà; (iii) Đa số người dân trên địa bàn nông thôn, có thu nhập thấp hoặc công nhân trong các khu công nghiệp không có nhu cầu ở dài hạn nên không có nhu cầu mua nhà ở xã hội, chỉ có nhu cầu thuê nhà ở xã hội.

Mạng lưới cơ sở y tế đã được phân bố rộng khắp nhưng việc tiếp cận các bệnh viện trung ương, tuyến cuối về chuyên môn kỹ thuật ở một số khu vực còn hạn chế. Vùng Tây Nguyên không có bệnh viện tuyến trung ương; vùng Đồng bằng sông Cửu Long, vùng Trung du và miền núi phía Bắc chỉ có 1 bệnh viện tuyến trung ương. Hệ thống văn bản pháp luật đã được hoàn thiện từng bước nhưng còn vướng mắc, chưa đồng bộ về bảo hiểm y tế, giá dịch vụ, tổ chức, biên chế... khiến các cơ sở y tế công lập thiếu động lực nâng cao chất lượng và chuyên môn, không chủ động được nguồn lực tài chính để tái đầu tư phát triển.

Chất lượng dịch vụ y tế giữa các tuyến, các vùng miền còn chênh lệch, việc vượt tuyến khám bệnh, chữa bệnh xảy ra khá phổ biến. Quản lý y tế tư nhân còn chưa chặt chẽ do nhân lực thanh tra, kiểm tra mỏng. Việc kết hợp giữa y học cổ truyền với y học hiện đại trong một số cơ sở còn hình thức, hiệu quả chưa cao; tỷ lệ khám, chữa bệnh bằng y học cổ truyền vẫn còn thấp; phát triển dược liệu vẫn còn nhỏ lẻ manh mún, tự phát. Tình trạng thiếu thuốc, vật tư, thiết bị y tế vẫn diễn ra cục bộ tại một số địa phương, cơ sở y tế.

Tình trạng mất cân bằng giới tính khi sinh vẫn chưa được cải thiện. Mức sinh có xu hướng giảm nhẹ. Tỷ lệ tiêm chủng mở rộng tiếp tục không đạt mục tiêu trên 90%.

Tình hình xâm hại trẻ em vẫn diễn biến phức tạp; nhiều nguy cơ tiềm ẩn làm gia tăng xâm hại trẻ em. Tình hình trẻ em và người chưa thành niên vi phạm pháp luật có chiều hướng diễn biến phức tạp với phương thức và thủ đoạn manh động, liều lĩnh; hình thành băng nhóm kín thông qua mạng xã hội kêu gọi thành viên để giải quyết các mâu thuẫn hoặc chống trả lực lượng chức năng. Tỷ lệ trẻ em bị đuối nước còn ở mức cao. Tình hình tệ nạn ma túy, tệ nạn mại dâm và tệ nạn mua bán người vẫn tiếp tục diễn biến phức tạp. Hiệu quả thực hiện hoạt động can thiệp giảm hại, xây dựng các mô hình thí điểm, cung cấp, chuyển gửi các dịch vụ hỗ trợ hoà nhập cộng đồng, đặc biệt các hỗ trợ về pháp lý, vay vốn, dạy nghề, tìm việc làm cho người bán dâm ở nhiều địa phương còn hạn chế. Một số địa phương đã tạm dừng triển khai mô hình hỗ trợ người bán dâm đã thực hiện ở giai đoạn 2016-2020 do không có cơ chế, hướng dẫn nội dung chi, mức chi. Cán bộ làm công tác phòng, chống tệ nạn xã hội còn thiếu và thường xuyên thay

đòi dẫn đến việc trang bị kiến thức, kỹ năng chưa đủ, chưa đảm bảo để cán bộ thực hiện nhiệm vụ.

7. Một số vụ cháy lớn gây thiệt hại lớn về người và tài sản tại khu vực đông dân cư. Vấn đề an toàn lao động, vệ sinh thực phẩm, ngập úng, ùn tắc, ô nhiễm tại các đô thị lớn... vẫn là thách thức lớn. Tình hình tội phạm công nghệ cao, buôn lậu, lừa đảo qua mạng còn tiềm ẩn những yếu tố phức tạp. Còn xảy ra một số vụ tai nạn giao thông đặc biệt nghiêm trọng trên tuyến cao tốc, đặc biệt liên quan đến phương tiện kinh doanh vận tải; tình trạng thiếu máy bay, giá vé máy bay tăng cao ảnh hưởng đến nhu cầu đi lại của người dân.

8. Tình hình thiên tai, bão lũ... tiếp tục diễn biến rất phức tạp, thiếu nước, xâm nhập mặn tại Đồng bằng sông Cửu Long vào đầu năm, thậm chí có địa phương phải ban hành tình trạng khẩn cấp; bão lũ, mưa lớn kéo dài tại miền Bắc và miền Trung trong giữa năm. Đặc biệt là cơn bão số 3 gây thiệt hại nghiêm trọng, nặng nề.

IV. NGUYÊN NHÂN

1. Nguyên nhân của kết quả đạt được

Nguyên nhân của kết quả đạt được là nhờ sự lãnh đạo, chỉ đạo quyết đoán, sáng suốt, sâu sát, kịp thời của Trung ương Đảng, mà thường xuyên, trực tiếp là Bộ Chính trị, Ban Bí thư, đứng đầu là đồng chí Tổng Bí thư; sự đồng hành, giám sát, phối hợp kịp thời, chặt chẽ, hiệu quả của Quốc hội; sự chỉ đạo, điều hành chủ động, quyết liệt, khoa học, có trọng tâm, trọng điểm, hiệu quả của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; đồng thời bám sát thực tiễn để vận dụng chủ trương, đường lối, chính sách một cách sáng tạo, linh hoạt, hiệu quả, nhất là thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, kiểm soát tốt lạm phát, khắc phục hậu quả thiên tai; sự nỗ lực, phấn đấu của các cấp, các ngành, địa phương, sự vào cuộc đồng bộ của cả hệ thống chính trị; sự đoàn kết, đồng lòng, ủng hộ của người dân và cộng đồng doanh nghiệp; sự hỗ trợ, giúp đỡ của bạn bè quốc tế; tập trung tháo gỡ rào cản, khó khăn, vướng mắc cho sản xuất, kinh doanh; tăng cường huy động, sử dụng hiệu quả các nguồn lực.

2. Nguyên nhân của hạn chế, khó khăn

Nguyên nhân khách quan là do tình hình thế giới, khu vực biến động nhanh, mạnh, phức tạp, khó lường, khó dự báo; hậu quả của đại dịch COVID-19; bất ổn chính trị, xung đột quân sự tại một số khu vực, quốc gia; đứt gãy chuỗi cung ứng; các vấn đề an ninh phi truyền thống, biến đổi khí hậu, thiên tai, hạn hán diễn ra gay gắt, cực đoan hơn; trong khi nước ta là nước đang phát triển, nền kinh tế có độ mở lớn, đang trong quá trình chuyển đổi, hoàn thiện về thể chế, pháp luật và còn những hạn chế, bất cập nội tại được tập trung cải thiện, xử lý; thiên tai, hạn hán, bão lũ diễn biến phức tạp, nhất là cơn bão số 3 gây thiệt hại nặng nề...

Nguyên nhân chủ quan chủ yếu là việc nắm bắt và dự báo tình hình có lúc chưa sát; phản ứng chính sách của một số cơ quan, địa phương còn chậm, chưa kịp thời, chưa tận dụng hết cơ hội phục hồi và phát triển. Việc tháo gỡ khó khăn, vướng mắc pháp lý, nhất là những vấn đề phát sinh mới trong một số trường hợp chưa đáp ứng

yêu cầu thực tiễn; có lúc, có nơi còn có tư tưởng trông chờ, ỷ lại, ngại khó. Thủ tục hành chính còn rườm rà, ách tắc; phân cấp, phân quyền còn vướng mắc; trách nhiệm của người đứng đầu, người có thẩm quyền trong một số trường hợp chưa được phát huy đầy đủ. Tâm lý né tránh, sợ trách nhiệm, sợ sai trong một số trường hợp và trong một bộ phận cán bộ, công chức chưa được khắc phục hiệu quả.

V. BÀI HỌC KINH NGHIỆM

(1) Trong lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành phải luôn quán triệt nghiêm, triển khai chủ động, quyết liệt, hiệu quả, sáng tạo các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; nắm chắc tình hình, quyết liệt trong lãnh đạo, chỉ đạo điều hành, có trọng tâm, trọng điểm, nâng cao tính chủ động của các cơ quan tham mưu, gắn với tăng cường kiểm tra, giám sát để xử lý kịp thời, linh hoạt, hiệu quả các vướng mắc, khó khăn trong thực tiễn, nhất là tháo gỡ cho một số dự án lớn; điều hành không giật cục, hài hòa giữa xử lý tình huống trong ngắn hạn và phát triển trong trung, dài hạn; xác định thể chế là nguồn lực, là động lực cho sự phát triển, quyết liệt tháo gỡ, hoàn thiện thể chế, cơ chế, chính sách, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính để huy động và sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực.

(2) Lấy con người là trung tâm, là chủ thể, là mục tiêu và là nguồn lực, động lực cho sự phát triển; phát huy tinh thần "tự chủ, tự tin, tự lực, tự cường, tự hào dân tộc"; không hy sinh tiến bộ, công bằng, an sinh xã hội và môi trường để chạy theo tăng trưởng kinh tế đơn thuần.

(3) Phải tăng cường đoàn kết, thống nhất; siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính, xác định rõ nhiệm vụ, rõ trách nhiệm, cơ quan chủ trì, rõ thời gian, rõ kết quả để dễ kiểm tra, giám sát, đánh giá; tập trung dân chủ, đoàn kết, thống nhất; kiên định với mục tiêu đề ra, bản lĩnh, quyết tâm cao, nỗ lực lớn trong chỉ đạo, điều hành; thực hiện quyết liệt, hiệu quả, có trọng tâm, trọng điểm, làm việc nào dứt việc đó.

(4) Đẩy nhanh đột phá về thể chế, phân cấp, phân quyền; phát huy sự chủ động, sáng tạo, quyết tâm đột phá, dám nghĩ, dám làm của các cấp, các ngành, các địa phương gắn với đề cao trách nhiệm cá nhân, nhất là người đứng đầu trong giải quyết các vấn đề lớn đột xuất, bất ngờ; kiên quyết khắc phục tình trạng sợ sai, đùn đẩy, né tránh trách nhiệm; phát huy tinh thần làm việc cống hiến, vì dân phục vụ; xác định khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp, người dân cũng là khó khăn, vướng mắc của mình để chủ động, tích cực tháo gỡ.

(5) Tập trung công tác xây dựng văn bản pháp luật, hoàn thiện thể chế để tháo gỡ khó khăn, tạo hành lang pháp lý an toàn, vững chắc, nâng cao hiệu lực, hiệu quả thực thi. Chủ động, liên tục rà soát để kịp thời sửa đổi, bổ sung đáp ứng nhu cầu thực tiễn.

(6) Đẩy mạnh thông tin, truyền thông chính sách; bám sát thực tiễn, phát động các phong trào thi đua yêu nước thiết thực, hiệu quả để truyền cảm hứng, tạo động lực, niềm tin và đồng thuận xã hội, tạo khí thế mới cho phát triển.

(7) Đẩy mạnh hơn nữa công tác đối ngoại, hội nhập, tranh thủ mọi nguồn lực bên ngoài và sự ủng hộ của cộng đồng quốc tế, góp phần vượt qua khó khăn, thách thức, thúc đẩy phát triển KTXH.

Trên đây là Báo cáo tổng kết tình hình thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 05/01/2024 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2024. Bộ Kế hoạch và Đầu tư kính báo cáo Chính phủ./.

Phụ lục số 1

**TÌNH HÌNH THỰC HIỆN MỘT SỐ CHỈ TIÊU CỤ THỂ CHO
CÁC NGÀNH, LĨNH VỰC NĂM 2024**

(Kèm theo Báo cáo số .../BC-BKHĐT ngày ... tháng ... năm 2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Chỉ tiêu phân đầu năm 2024	Ước thực hiện năm 2024	Đánh giá mức độ hoàn thành	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
I	Một số chỉ tiêu kinh tế vĩ mô					
1	Tỷ lệ nợ xấu nội bảng (không bao gồm các ngân hàng thương mại yếu kém)	%	< 3		Chưa có cơ sở đánh giá vì số liệu thống kê mới đến tháng 9/2024	NHNNVN
2	Tỷ lệ nợ xấu nội bảng, nợ xấu đã bán cho Công ty quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam (VAMC) chưa được xử lý, thu hồi và nợ tiềm ẩn trở thành nợ xấu (không bao gồm các ngân hàng thương mại yếu kém)	%	< 5		Chưa có cơ sở đánh giá vì số liệu thống kê mới đến tháng 9/2024	NHNNVN
3	Tỷ lệ động viên vào NSNN trên GDP	%	15,3	16,5	Đạt	Bộ TC
4	Tỷ trọng chi đầu tư phát triển	%	32,2	32,4	Đạt	Bộ TC
5	Tổng vốn đầu tư toàn xã hội so với GDP	%	Khoảng 35	32,4	Không đạt	Bộ KHĐT
6	Tốc độ tăng tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa	%	6,0	6,0	Đạt	Bộ CT

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Chỉ tiêu phấn đấu năm 2024	Ước thực hiện năm 2024	Đánh giá mức độ hoàn thành	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
II	Một số chỉ tiêu về cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, thúc đẩy tăng trưởng					
7	Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP)	%	7,0 - 8,0	8,3	Vượt	Bộ CT
8	Tốc độ tăng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng	%	9,0	9	Đạt	Bộ CT
9	Tỷ trọng giá trị xuất khẩu sản phẩm công nghệ cao trong tổng giá trị xuất khẩu hàng hóa	%	≥ 50		Chưa có cơ sở đánh giá vì số liệu thống kê mới đến tháng 10/2024	Bộ KH-CN
10	Chỉ số đổi mới sáng tạo quốc gia	Thứ hạng	Trong nhóm 04 quốc gia dẫn đầu của ASEAN	Trong nhóm 4 quốc gia đứng đầu ASEAN	Đạt	Bộ KH-CN
11	Tăng trưởng thị trường thương mại điện tử B2C	%	18 - 20	20-22	Đạt	Bộ CT
12	Tỷ lệ doanh nghiệp ứng dụng thương mại điện tử	%	58 - 60	60	Đạt	Bộ CT
III	Một số chỉ tiêu về phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng và dịch vụ công					
13	Tỷ lệ dự phòng công suất nguồn (không bao gồm điện năng lượng tái tạo)	%	17,5	17,9-18,8	Vượt	Bộ CT
14	Tổng điện năng sản xuất và nhập khẩu toàn hệ thống	Tỷ kWh	306,4-307,5	310,6	Vượt	Bộ CT

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Chỉ tiêu phấn đấu năm 2024	Ước thực hiện năm 2024	Đánh giá mức độ hoàn thành	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
	<i>Tốc độ tăng</i>	%	9,4-9,8	10,4	Vượt	
15	Tổng công suất nguồn điện (không bao gồm điện mặt trời mái nhà)	MW	78.645	76,665	Không đạt	Bộ CT
	<i>Tốc độ tăng</i>	%	7,8 - 8,3		Chưa báo cáo	
16	Tỷ lệ người sử dụng Internet	%	84	84	Đạt	Bộ TTTT
17	Số thuê bao băng rộng di động trên 100 dân	Thuê bao	87,5	94	Đạt	Bộ TTTT
18	Số thuê bao băng rộng cố định trên 100 dân	Thuê bao	24,5	24,5	Đạt	Bộ TTTT
19	Tỷ lệ hộ gia đình có kết nối Internet	%	83,5	87,7	Đạt	Bộ TTTT
20	Dung lượng băng thông Internet quốc tế	Gbps	25.000	30.000	Vượt	Bộ TTTT
21	Lưu lượng Internet băng rộng				Chưa báo cáo	Bộ TTTT
	<i>Lưu lượng Internet băng rộng di động</i>	GB/TB/Tháng				
	<i>Lưu lượng Internet băng rộng cố định</i>	GB/TB/Tháng				
22	Tổng số chứng thư số đang hoạt động	1000 Chứng thư	5.000	4.200	Không đạt	Bộ TTTT
23	Tỷ lệ sử dụng địa chỉ Internet thế hệ mới IPv6 trên mạng Internet Việt Nam	%	65	63	Không đạt	Bộ TTTT
24	Tỷ lệ người dân ở vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo được tiếp cận ít nhất 1 loại hình báo chí thiết yếu	%	90	80	Không đạt	Bộ TTTT

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Chỉ tiêu phấn đấu năm 2024	Ước thực hiện năm 2024	Đánh giá mức độ hoàn thành	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
25	Số lượng tài khoản người dùng Việt Nam thường xuyên sử dụng mạng xã hội Việt Nam	Triệu tài khoản	115	130	Vượt	Bộ TTTT
26	Số doanh nghiệp công nghệ số đăng ký hoạt động	Doanh nghiệp	48.000	760	Không đạt	Bộ TTTT
27	Diện tích nhà ở bình quân cả nước	m ² sàn/người	26,5	26,5	Đạt	Bộ XD
28	Tỷ lệ đô thị hóa cả nước tính theo khu vực nội thành/nội thị	%	43,9 - 44	43,9	Đạt	Bộ XD
29	Tỷ lệ người dân đô thị được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung	%	97	93	Không đạt	Bộ XD
30	Tỷ lệ thất thoát thất thu nước sạch	%	15,5	16	Vượt	Bộ XD
31	Tỷ lệ thu gom xử lý nước thải	%	18	18	Đạt	Bộ XD
32	Tỷ lệ đô thị hóa toàn quốc	%	43,7	43,7	Đạt	Bộ XD
IV	Một số chỉ tiêu về phát triển văn hóa, nghệ thuật, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, bảo vệ môi trường					
33	Tỷ lệ huy động trẻ nhà trẻ	%	32,5	34,6	Vượt	Bộ GDĐT
34	Tỷ lệ huy động trẻ mẫu giáo	%	93,5	93,6	Vượt	Bộ GDĐT
35	Số đơn vị cấp tỉnh đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 2	Tỉnh	28	26	Đạt	Bộ GDĐT
36	Số đơn vị cấp tỉnh đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3	Tỉnh	35	37	Vượt	Bộ GDĐT
37	Số đơn vị cấp tỉnh đạt chuẩn phổ cập giáo dục trung học cơ sở (tỉnh đạt chuẩn mức độ 1)	Tỉnh	33	31	Vượt	Bộ GDĐT

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Chỉ tiêu phấn đấu năm 2024	Ước thực hiện năm 2024	Đánh giá mức độ hoàn thành	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
38	Số đơn vị cấp tỉnh đạt chuẩn phổ cập giáo dục trung học cơ sở (tỉnh đạt chuẩn mức độ 2)	Tỉnh	22	23	Vượt	Bộ GDĐT
39	Số đơn vị cấp tỉnh đạt chuẩn phổ cập giáo dục trung học cơ sở (tỉnh đạt chuẩn mức độ 3)	Tỉnh	8	9	Vượt	Bộ GDĐT
40	Tỷ lệ số người biết chữ trong độ tuổi theo quy định	%	98,9	98,9	Đạt	Bộ GDĐT
41	Tỷ lệ giảng viên đại học có bằng tiến sĩ	%	34,0	34	Đạt	Bộ GDĐT
42	Tỷ lệ sinh viên học đại học/vạn dân	SV/vạn dân	215	215	Đạt	Bộ GDĐT
43	Số người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng	Nghìn người	Khoảng 125	130	Vượt	Bộ LĐTBXH
44	Tỷ lệ lực lượng lao động trong độ tuổi lao động tham gia bảo hiểm xã hội	%	42 - 43	42,71	Đạt	BHXHVN
45	Tỷ lệ lực lượng lao động trong độ tuổi lao động tham gia bảo thất nghiệp	%	33 - 33,5	34,18	Vượt	BHXHVN
46	Tỷ lệ hộ dân nông thôn được sử dụng nước sạch hợp quy chuẩn	%	58	58	Đạt	Bộ NNPTNT
47	Tỷ lệ dân số được quản lý sức khỏe	%	Trên 90	Trên 90	Đạt	Bộ Y tế
48	Tuổi thọ trung bình (tính từ lúc sinh)	Tuổi	73,8	74,6	Vượt	Bộ Y tế
49	Tỷ lệ hài lòng của người dân với dịch vụ y tế	%	Trên 80	Trên 80	Đạt	Bộ Y tế
50	Tỷ số giới tính của trẻ em mới sinh	Số bé trai/100 bé gái	111,2	112,3	Không đạt	Bộ Y tế

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Chỉ tiêu phấn đấu năm 2024	Ước thực hiện năm 2024	Đánh giá mức độ hoàn thành	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
51	Tỷ suất tử vong trẻ em < 1 tuổi	Số ca/ trên 1.000 trẻ đẻ sống	Dưới 11,9	11,6	Vượt	Bộ Y tế
52	Tỷ suất tử vong của trẻ em < 5 tuổi	Số ca/ trên 1.000 trẻ đẻ sống	Dưới 18,3	18,2	Vượt	Bộ Y tế
53	Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao/tuổi)	%	Dưới 18,5	17,8	Vượt	Bộ Y tế
54	Hồ chứa thủy điện lớn đang vận hành được kiểm soát, giám sát trực tuyến	%	100	100	Đạt	Bộ TNMT
55	Hồ chứa thủy điện, thủy lợi được xác định và công bố dòng chảy tối thiểu sau đập	Công trình	Trên 600	655	Đạt	Bộ TNMT
56	Ngăn chặn, xử lý nghiêm, kịp thời các thông tin xấu, độc, sai sự thật mà phát hiện và xác minh được trên mạng xã hội	%	Trên 90	93	Đạt	Bộ TTTT
V	Một số chỉ tiêu về cải cách hành chính, xây dựng Chính phủ điện tử					
57	Tỷ lệ người dân trưởng thành có sử dụng dịch vụ công trực tuyến	%	40		Chưa báo cáo	Bộ TTTT
58	Tỷ lệ về số lượng gói thầu thực hiện đấu thầu qua mạng	%	95	99,97	Vượt	Bộ KHĐT
59	Tỷ lệ về giá trị gói thầu thực hiện đấu thầu qua mạng	%	90	96,94	Vượt	Bộ KHĐT
60	Chỉ số cải cách hành chính của các bộ, cơ quan ngang bộ bình quân cả nước	%	84,5		Chưa báo cáo	Bộ NV

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Chỉ tiêu phấn đấu năm 2024	Ước thực hiện năm 2024	Đánh giá mức độ hoàn thành	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
61	Chỉ số cải cách hành chính của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương bình quân cả nước	%	84,9		Chưa báo cáo	Bộ NV
62	Chỉ số hài lòng về sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước bình quân cả nước (SIPAS)	%	81,5		Chưa báo cáo	Bộ NV
63	Tỷ lệ cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số thủ tục hành chính có đủ điều kiện trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.	%	80	69,5	Không đạt	VPCP
64	Tỷ lệ thanh toán trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia trên tổng số giao dịch thanh toán của dịch vụ công	%	45	51,79	Vượt	VPCP
65	Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến trên tổng số hồ sơ tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính	%	50	57,36	Vượt	VPCP
66	Tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính	%	80	63,4	Không đạt	VPCP
67	Tỷ lệ các bệnh viện từ hạng 2 trở lên cung cấp thanh toán viện phí trên Cổng Dịch vụ công quốc gia	%	50	1,5	Không đạt	VPCP
68	Tỷ lệ kết quả xử lý hồ sơ TTHC của bộ, ngành, địa phương được đồng bộ đầy đủ trên Cổng Dịch vụ công quốc gia	%	100	56,4	Không đạt	VPCP

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Chỉ tiêu phấn đấu năm 2024	Ước thực hiện năm 2024	Đánh giá mức độ hoàn thành	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
69	Tỷ lệ xử lý văn bản, hồ sơ công việc (trừ hồ sơ mật) trên môi trường mạng				Không đạt	VPCP
	<i>Đối với các vụ, cục và tương đương thuộc bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các sở, ngành và tương đương thuộc UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương</i>	%	100	100	Đạt	
	<i>Đối với các phòng, ban và tương đương thuộc UBND cấp huyện.</i>	%	95	90	Không đạt	
	<i>Đối với UBND cấp xã.</i>	%	80	75	Không đạt	
70	Tỷ lệ cắt giảm, đơn giản hóa quy định; Chi phí tuân thủ quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh	%				VPCP
	Đối với các bộ, cơ quan ngang bộ có kết quả cắt giảm, đơn giản hóa quy định, chi phí tuân thủ quy định trong giai đoạn 2020-2023 dưới 15%		10	11,15	Vượt	
	Đối với các bộ, cơ quan ngang bộ có kết quả cắt giảm, đơn giản hóa quy định, chi phí tuân thủ quy định trong		5	2,53	Không đạt	

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Chỉ tiêu phân đầu năm 2024	Ước thực hiện năm 2024	Đánh giá mức độ hoàn thành	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
	giai đoạn 2020-2023 từ 15% trở lên					
71	Tỷ lệ dự thảo văn bản quy phạm pháp luật có quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh được tham vấn, lấy ý kiến trên Cổng tham vấn và tra cứu quy định kinh doanh.	%	100	6	Không đạt	VPCP

Phụ lục số 2
TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ CỤ THỂ ĐƯỢC GIAO TẠI
PHỤ LỤC SỐ V KÈM THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 01/NQ-CP
NGÀY 05/01/2024 CỦA CHÍNH PHỦ

(Kèm theo Báo cáo số .../BC-BKHĐT ngày ... tháng 01 năm 2025 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

	Nội dung công việc	Thời gian hoàn thành		Kết quả thực hiện năm 2024					Cơ quan chủ trì	TT	
		Theo quy định tại Nghị quyết số 01/NQ-CP	Theo quy định tại văn bản khác của Chính phủ	Đã hoàn thành	Chưa hoàn thành						Thời gian dự kiến hoàn thành
					Giải thích tiến độ thực hiện đối với các nội dung chưa hoàn thành hoặc hoàn thành chậm tiến độ						
					Đang triển khai	Lùi thời gian	Rút khỏi Chương trình	Nguyên nhân khác			
I.	Nhóm nhiệm vụ về thúc đẩy tăng trưởng, giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, bảo đảm các cân đối lớn của nền kinh tế										
1	Nghị định quy định chi tiết nội dung chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia	Tháng 6	Tháng 9 ⁴		x				Tháng 12	Bộ KHĐT	Tờ trình số 8237/TTr-BKHĐT
2	Đề án nghiên cứu, thống kê, biên soạn số liệu GDP loại hình kinh tế tập thể	Tháng 12			x				Tháng 12	Bộ KHĐT	
3	Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 119/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 Biểu thuế nhập khẩu	Tháng 3								Bộ TC	Chưa báo cáo

⁴ Công văn số 4646/VPCP-KTTH ngày 03/7/2024

	Nội dung công việc	Thời gian hoàn thành		Kết quả thực hiện năm 2024					Cơ quan chủ trì	TT	
		Theo quy định tại Nghị quyết số 01/NQ-CP	Theo quy định tại văn bản khác của Chính phủ	Đã hoàn thành	Chưa hoàn thành						Thời gian dự kiến hoàn thành
					Giải thích tiến độ thực hiện đối với các nội dung chưa hoàn thành hoặc hoàn thành chậm tiến độ						
					Đang triển khai	Lùi thời gian	Rút khỏi Chương trình	Nguyên nhân khác			
	ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định Thương mại hàng hóa ASEAN – Hàn Quốc giai đoạn 2022-2027										
4	Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 26/2023/NĐ-CP ngày 31/5/2023 về Biểu thuế xuất khẩu, Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi, Danh mục hàng hóa và mức thuế tuyệt đối, thuế hỗn hợp, thuế nhập khẩu ngoài hạn ngạch thuế quan	Tháng 3		x					Năm 2024	Bộ TC	Nghị định số 144/2024/NĐ-CP ngày 01/11/2024
5	Nghị định sửa đổi Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định về hóa đơn, chứng từ	Tháng 5			x				Năm 2024	Bộ TC	
6	Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 132/2020/NĐ-CP ngày 5/11/2020 của Chính phủ quy định về quản lý thuế đối với	Tháng 8			x				Năm 2024	Bộ TC	

	Nội dung công việc	Thời gian hoàn thành		Kết quả thực hiện năm 2024						Cơ quan chủ trì	TT
		Theo quy định tại Nghị quyết số 01/NQ-CP	Theo quy định tại văn bản khác của Chính phủ	Đã hoàn thành	Chưa hoàn thành				Thời gian dự kiến hoàn thành		
					Giải thích tiến độ thực hiện đối với các nội dung chưa hoàn thành hoặc hoàn thành chậm tiến độ						
					Đang triển khai	Lùi thời gian	Rút khỏi Chương trình	Nguyên nhân khác			
	doanh nghiệp có giao dịch liên kết										
II.	Nhóm nhiệm vụ về rà soát, hoàn thiện thể chế pháp luật, cơ chế, chính sách gắn với nâng cao hiệu lực, hiệu quả tổ chức thực hiện pháp luật; đẩy mạnh cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, quy định kinh doanh										
7	Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 154/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và	Tháng 01								Bộ TP	Chưa báo cáo

	Nội dung công việc	Thời gian hoàn thành		Kết quả thực hiện năm 2024						Cơ quan chủ trì	TT
		Theo quy định tại Nghị quyết số 01/NQ-CP	Theo quy định tại văn bản khác của Chính phủ	Đã hoàn thành	Chưa hoàn thành				Thời gian dự kiến hoàn thành		
					Giải thích tiến độ thực hiện đối với các nội dung chưa hoàn thành hoặc hoàn thành chậm tiến độ						
					Đang triển khai	Lùi thời gian	Rút khỏi Chương trình	Nguyên nhân khác			
	biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật										
8	Đề nghị xây dựng Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi)	Tháng 01			x					Bộ TP	
9	Nghị quyết của Quốc hội cho phép thí điểm phân cấp việc cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho Phòng Tư pháp thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện tại thành phố Hà Nội và tỉnh Nghệ An	Tháng 6								Bộ TP	Chưa báo cáo
10	Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính	Tháng 10			x					Bộ TP	
11	Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 62/2015/NĐ-CP ngày 18/7/2015 của Chính phủ quy	Tháng 11								Bộ TP	Chưa báo cáo

	Nội dung công việc	Thời gian hoàn thành		Kết quả thực hiện năm 2024						Cơ quan chủ trì	TT
		Theo quy định tại Nghị quyết số 01/NQ-CP	Theo quy định tại văn bản khác của Chính phủ	Đã hoàn thành	Chưa hoàn thành				Thời gian dự kiến hoàn thành		
					Giải thích tiến độ thực hiện đối với các nội dung chưa hoàn thành hoặc hoàn thành chậm tiến độ						
					Đang triển khai	Lùi thời gian	Rút khỏi Chương trình	Nguyên nhân khác			
	định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi hành án dân sự										
12	Đề án "Chuyển đổi số trong công tác phổ biến giáo dục pháp luật"	Tháng 12			x					Bộ TP	
13	Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 19/2020/NĐ-CP ngày 12/02/2020 của Chính phủ về kiểm tra, xử lý kỷ luật trong thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính	Tháng 12			x					Bộ TP	
14	Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2025, điều chỉnh Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2024	Tháng 01		x						Bộ TP	Nghị quyết số 129/2024/QH15 ngày 08/6/2024
15	Dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật dược	Tháng 02		x						Bộ Y tế	Trình Chính phủ tại Tờ trình số 209/TTr-BYT ngày 16/02/2024. Quốc hội đã cho ý kiến tại Kỳ

Nội dung công việc	Thời gian hoàn thành		Kết quả thực hiện năm 2024						Cơ quan chủ trì	TT	
	Theo quy định tại Nghị quyết số 01/NQ-CP	Theo quy định tại văn bản khác của Chính phủ	Đã hoàn thành	Chưa hoàn thành				Thời gian dự kiến hoàn thành			
				Giải thích tiến độ thực hiện đối với các nội dung chưa hoàn thành hoặc hoàn thành chậm tiến độ							
				Đang triển khai	Lùi thời gian	Rút khỏi Chương trình	Nguyên nhân khác				
									họp thứ 7 (tháng 6/2024), Bộ Y tế đã tiếp thu, hoàn thiện, thừa ủy quyền Thủ tướng Chính phủ, thay mặt Chính phủ ký Báo cáo trình Quốc hội xem xét thông qua tại Kỳ họp thứ 8 (tháng 11/2024)		
16	Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật dược	Tháng 12				x			Tháng 12/2024	Bộ Y tế	Xây dựng dự thảo Nghị định trình kèm Hồ sơ Dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Dược; đang tiếp tục tiếp thu, hoàn thiện theo ý kiến của đại biểu Quốc hội cho dự thảo Luật.
17	Nghị định thay thế Nghị định số 56/2011/NĐ-CP ngày 04/7/2011 của Chính phủ quy định chế độ phụ cấp ưu đãi theo nghề đối với công chức, viên chức công tác tại các cơ sở y tế công lập	Tháng 12				x			Tháng 12/2024	Bộ Y tế	Đã dự thảo, đang xin ý kiến. Thực hiện Nghị quyết số 27/NQ-TW, Nghị quyết số 83/NQ-TW của Bộ Chính trị, Bộ Y tế báo cáo lùi thời gian trình đề phù hợp với tiến độ cải cách tổng thể tiền lương.

	Nội dung công việc	Thời gian hoàn thành		Kết quả thực hiện năm 2024						Cơ quan chủ trì	TT	
		Theo quy định tại Nghị quyết số 01/NQ-CP	Theo quy định tại văn bản khác của Chính phủ	Đã hoàn thành	Chưa hoàn thành				Thời gian dự kiến hoàn thành			
					Giải thích tiến độ thực hiện đối với các nội dung chưa hoàn thành hoặc hoàn thành chậm tiến độ							
					Đang triển khai	Lùi thời gian	Rút khỏi Chương trình	Nguyên nhân khác				
18	Nghị định thay thế Nghị định số 117/2014/NĐ-CP ngày 08/12/2014 của Chính phủ quy định về y tế, xã, phường, thị trấn	Tháng 12			x					Tháng 12/2024	Bộ Y tế	Đã đăng tải dự thảo trên Cổng TTĐT Chính phủ, xin ý kiến các bộ, ngành, địa phương, đơn vị và triển khai các công việc liên quan để hoàn thiện Hồ sơ xây dựng Nghị định theo quy định.
19	Quyết định sửa đổi, bổ sung Quyết định số 75/2009/QĐ-TTg ngày 11/5/2009 của Chính phủ về việc quy định chế độ phụ cấp đối với nhân viên y tế thôn, bản	Tháng 12			x					Tháng 12/2024	Bộ Y tế	Đã dự thảo; đăng Cổng thông tin điện tử Chính phủ, Bộ Y tế; xin ý kiến Bộ, ngành, địa phương, đang tổng hợp ý kiến tiếp thu, giải trình.
20	Nghị định sửa đổi, bổ sung Phụ lục của Nghị định số 94/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thống kê và sửa đổi, bổ sung một số điều, Phụ lục II của Nghị định số 94/2022/NĐ-CP ngày 07/11/2022 của Chính phủ quy	Tháng 3		x							Bộ KHĐT	Chính phủ đã ban hành Nghị định số 62/2024/NĐ-CP ngày 07/6/2024

	Nội dung công việc	Thời gian hoàn thành		Kết quả thực hiện năm 2024						Cơ quan chủ trì	TT
		Theo quy định tại Nghị quyết số 01/NQ-CP	Theo quy định tại văn bản khác của Chính phủ	Đã hoàn thành	Chưa hoàn thành				Thời gian dự kiến hoàn thành		
					Giải thích tiến độ thực hiện đối với các nội dung chưa hoàn thành hoặc hoàn thành chậm tiến độ						
					Đang triển khai	Lùi thời gian	Rút khỏi Chương trình	Nguyên nhân khác			
	định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương										
21	Đề xuất sửa đổi, bổ sung Luật Doanh nghiệp để quy định trách nhiệm, cách thức thực hiện, thu thập, cập nhật, lưu giữ thông tin chủ sở hữu hưởng lợi của doanh nghiệp	Quý IV			x				Tháng 12	Bộ KHĐT	
22	Nghị định quy định chi tiết một số điều và các biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất	Tháng 6		x						Bộ KHĐT	Chính phủ đã ban hành Nghị định số 115/2024/NĐ-CP ngày 16/9/2024.

	Nội dung công việc	Thời gian hoàn thành		Kết quả thực hiện năm 2024						Cơ quan chủ trì	TT
		Theo quy định tại Nghị quyết số 01/NQ-CP	Theo quy định tại văn bản khác của Chính phủ	Đã hoàn thành	Chưa hoàn thành				Thời gian dự kiến hoàn thành		
					Giải thích tiến độ thực hiện đối với các nội dung chưa hoàn thành hoặc hoàn thành chậm tiến độ						
					Đang triển khai	Lùi thời gian	Rút khỏi Chương trình	Nguyên nhân khác			
23	Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 35/2021/NĐ-CP ngày 29/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư	Tháng 3								Bộ KHĐT	
24	Nghị định thay thế Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04/01/2021 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp	Tháng 9		x						Bộ KHĐT	Tờ trình số 8485/TTr-BKHĐT ngày 15/10/2024
25	Đề xuất khung pháp luật đối với hộ kinh doanh nhằm tạo điều kiện cho hộ kinh doanh mở rộng quy mô, nâng cao hiệu quả hoạt động và cơ chế, chính sách thúc đẩy hộ kinh doanh chuyển đổi thành doanh nghiệp	Tháng 6		x						Bộ KHĐT	Tờ trình số 5569/TTr-BKHĐT ngày 16/7/2024

⁶ Văn phòng Chính phủ đã có văn bản số 6549/VPCP-CN ngày 13/9/2024 thông báo ý kiến của Phó Thủ tướng Trần Hồng Hà cho phép triển khai xây dựng các Nghị định sửa đổi Nghị định số 35/2021/NĐ-CP và Nghị định số 28/2021/NĐ-CP đồng thời với quá trình xây dựng, hoàn thiện các nội dung của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đầu thầu.

	Nội dung công việc	Thời gian hoàn thành		Kết quả thực hiện năm 2024						Cơ quan chủ trì	TT
		Theo quy định tại Nghị quyết số 01/NQ-CP	Theo quy định tại văn bản khác của Chính phủ	Đã hoàn thành	Chưa hoàn thành				Thời gian dự kiến hoàn thành		
					Giải thích tiến độ thực hiện đối với các nội dung chưa hoàn thành hoặc hoàn thành chậm tiến độ						
					Đang triển khai	Lùi thời gian	Rút khỏi Chương trình	Nguyên nhân khác			
26	Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 122/2021/NĐ-CP ngày 28/11/2021 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế hoạch và đầu tư	Tháng 11			x ⁷					Bộ KHĐT	
27	Báo cáo nghiên cứu hoàn thiện khung khổ pháp lý về cá nhân kinh doanh	Tháng 12			x				Tháng 12	Bộ KHĐT	
28	Nghị định thay thế Nghị định số 16/2022/NĐ-CP ngày 28/01/2022 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính về xây dựng	Tháng 9			x ⁸					Bộ XD	
29	Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết	Tháng 12		x						Bộ XD	Tờ trình Chính phủ số 40/TTr-BXD ngày 31/7/2024

⁷ Đang đợi ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp.

⁸ Đã gửi Bộ Tư pháp thẩm định tại Văn bản số 5660/BXD-TTr ngày 24/9/2024

	Nội dung công việc	Thời gian hoàn thành		Kết quả thực hiện năm 2024					Cơ quan chủ trì	TT	
		Theo quy định tại Nghị quyết số 01/NQ-CP	Theo quy định tại văn bản khác của Chính phủ	Đã hoàn thành	Chưa hoàn thành						Thời gian dự kiến hoàn thành
					Giải thích tiến độ thực hiện đối với các nội dung chưa hoàn thành hoặc hoàn thành chậm tiến độ						
					Đang triển khai	Lùi thời gian	Rút khỏi Chương trình	Nguyên nhân khác			
	một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng										
30	Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà ở	Năm 2024		x						Bộ XD	Số 95/2024/NĐ-CP ngày 24/7/2024 quy định chi tiết một số điều của Luật Nhà ở
31	Nghị định về cải tạo, xây dựng lại nhà chung cư	Năm 2024		x						Bộ XD	Số 98/2024/NĐ-CP ngày 25/7/2024 quy định chi tiết một số điều của Luật Nhà ở về cải tạo, xây dựng lại nhà chung cư
32	Nghị định về phát triển và quản lý nhà ở xã hội	Năm 2024		x						Bộ XD	Số 100/2024/NĐ-CP ngày 26/7/2024 quy định chi tiết một số điều của Luật Nhà ở về phát triển và quản lý nhà ở xã hội
33	Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Kinh doanh bất động sản	Năm 2024		x						Bộ XD	Số 96/2024/NĐ-CP ngày 24/7/2024 quy định chi tiết một số điều của Luật Kinh doanh bất động sản

	Nội dung công việc	Thời gian hoàn thành		Kết quả thực hiện năm 2024						Cơ quan chủ trì	TT
		Theo quy định tại Nghị quyết số 01/NQ-CP	Theo quy định tại văn bản khác của Chính phủ	Đã hoàn thành	Chưa hoàn thành				Thời gian dự kiến hoàn thành		
					Giải thích tiến độ thực hiện đối với các nội dung chưa hoàn thành hoặc hoàn thành chậm tiến độ						
					Đang triển khai	Lùi thời gian	Rút khỏi Chương trình	Nguyên nhân khác			
34	Nghị định về xây dựng, quản lý và sử dụng hệ thống thông tin về nhà ở và thị trường bất động sản	Năm 2024		x						Bộ XD	Số 94/2024/NĐ-CP ngày 24/7/2024 quy định chi tiết một số điều của Luật Kinh doanh bất động sản về xây dựng và quản lý hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản
35	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ ban hành tiêu chuẩn, định mức nhà ở công vụ	Năm 2024		x						Bộ XD	Số 11/2024/QĐ-TTg ngày 24/7/2024 về tiêu chuẩn diện tích và định mức trang thiết bị nội thất nhà ở công vụ
36	Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai	Tháng 9		x						Bộ TNMT	Chính phủ đã ban hành Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024
37	Luật Địa chất và Khoáng sản	Tháng 02		x						Bộ TNMT	- Bộ đã trình Chính phủ tại Tờ trình số 05/TTr-BTNMT ngày 05/02/2024. - Dự kiến được Quốc hội biểu quyết thông qua Luật

	Nội dung công việc	Thời gian hoàn thành		Kết quả thực hiện năm 2024						Cơ quan chủ trì	TT
		Theo quy định tại Nghị quyết số 01/NQ-CP	Theo quy định tại văn bản khác của Chính phủ	Đã hoàn thành	Chưa hoàn thành				Thời gian dự kiến hoàn thành		
					Giải thích tiến độ thực hiện đối với các nội dung chưa hoàn thành hoặc hoàn thành chậm tiến độ						
					Đang triển khai	Lùi thời gian	Rút khỏi Chương trình	Nguyên nhân khác			
										Địa chất và Khoáng sản (chiều ngày 27/11/2024).	
38	Nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai	Tháng 7		x						Bộ TNMT	Chính phủ đã ban hành Nghị định số 123/2024/NĐ-CP ngày 04/10/2024
39	Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 45/2022/NĐ-CP ngày 07/7/2022 quy định về xử phạt hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường	Tháng 11			x					Bộ TNMT	Đang hoàn thiện dự thảo Nghị định trên cơ sở tổng hợp, tiếp thu ý kiến góp ý
40	Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước	Tháng 4		x						Bộ TNMT	Chính phủ đã ban hành Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024
41	Nghị định quy định chi tiết việc kê khai, đăng ký, cấp phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước và phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước	Tháng 4		x						Bộ TNMT	Chính phủ đã ban hành Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024

	Nội dung công việc	Thời gian hoàn thành		Kết quả thực hiện năm 2024						Cơ quan chủ trì	TT
		Theo quy định tại Nghị quyết số 01/NQ-CP	Theo quy định tại văn bản khác của Chính phủ	Đã hoàn thành	Chưa hoàn thành				Thời gian dự kiến hoàn thành		
					Giải thích tiến độ thực hiện đối với các nội dung chưa hoàn thành hoặc hoàn thành chậm tiến độ						
					Đang triển khai	Lùi thời gian	Rút khỏi Chương trình	Nguyên nhân khác			
42	Nghị định quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên nước	Tháng 12			x					Bộ TNMT	Đang xin ý kiến Ban Cán sự đảng trước khi trình Chính phủ
43	Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07/01/2022 quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn	Tháng 7		x						Bộ TNMT	Đã trình Chính phủ tại Tờ trình số 78/TTr-BTNMT ngày 20/8/2024
44	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ ban hành danh mục lĩnh vực, cơ sở phát thải khí nhà kính phải thực hiện kiểm kê khí nhà kính (cập nhật).	Tháng 02		x						Bộ TNMT	Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 13/2024/QĐ-TTg ngày 13/8/2024
45	Nghị định sửa đổi một số điều của Nghị định số 160/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ về tiêu chí xác định loài và chế độ quản lý loài thuộc Danh	Tháng 11			x ⁹					Bộ TNMT	

⁹ Đang chờ ý kiến của Bộ Tư pháp

	Nội dung công việc	Thời gian hoàn thành		Kết quả thực hiện năm 2024						Cơ quan chủ trì	TT
		Theo quy định tại Nghị quyết số 01/NQ-CP	Theo quy định tại văn bản khác của Chính phủ	Đã hoàn thành	Chưa hoàn thành				Thời gian dự kiến hoàn thành		
					Giải thích tiến độ thực hiện đối với các nội dung chưa hoàn thành hoặc hoàn thành chậm tiến độ						
					Đang triển khai	Lùi thời gian	Rút khỏi Chương trình	Nguyên nhân khác			
	mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ và Điều 17 của Nghị định số 65/2010/NĐ-CP ngày 11/6/2010 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đa dạng sinh học										
46	Nghị định của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất (thay thế Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất)	Tháng 9		x						Bộ TNMT	Chính phủ đã ban hành Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024
47	Nghị định của Chính phủ quy định về giá đất (thay thế Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định về giá đất)	Tháng 9		x						Bộ TNMT	Chính phủ đã ban hành Nghị định số 71/2024/NĐ-CP ngày 27/6/2024

	Nội dung công việc	Thời gian hoàn thành		Kết quả thực hiện năm 2024					Cơ quan chủ trì	TT	
		Theo quy định tại Nghị quyết số 01/NQ-CP	Theo quy định tại văn bản khác của Chính phủ	Đã hoàn thành	Chưa hoàn thành						Thời gian dự kiến hoàn thành
					Giải thích tiến độ thực hiện đối với các nội dung chưa hoàn thành hoặc hoàn thành chậm tiến độ						
					Đang triển khai	Lùi thời gian	Rút khỏi Chương trình	Nguyên nhân khác			
48	Tổng kết việc thi hành Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo	Tháng 12			x				Tháng 12/2024	Bộ TNMT	Đã xây dựng dự thảo
49	Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 01/2019/NĐ-CP về Kiểm lâm và Lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng	Tháng 12			x				Quý IV/2024	Bộ NNPTNT	Thủ tướng Chính phủ đồng ý cho rút khỏi chương trình công tác năm 2024
50	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế tổ chức và phối hợp hoạt động giữa Văn phòng SPS Việt Nam với mạng lưới các điểm Thông báo và hỏi đáp về SPS thuộc các Bộ, ngành.	Tháng 11			x				Tháng 11	Bộ NNPTNT	
51	Rà soát, lập hồ sơ đề xuất sửa đổi, bổ sung Luật Thủy lợi	Tháng 12					x ¹⁰			Bộ NNPTNT	Văn bản số 7151/VPCP-NN ngày 03/10/2024

¹⁰ Thủ tướng Chính phủ đồng ý cho rút khỏi chương trình công tác năm 2024

	Nội dung công việc	Thời gian hoàn thành		Kết quả thực hiện năm 2024						Cơ quan chủ trì	TT
		Theo quy định tại Nghị quyết số 01/NQ-CP	Theo quy định tại văn bản khác của Chính phủ	Đã hoàn thành	Chưa hoàn thành				Thời gian dự kiến hoàn thành		
					Giải thích tiến độ thực hiện đối với các nội dung chưa hoàn thành hoặc hoàn thành chậm tiến độ						
					Đang triển khai	Lùi thời gian	Rút khỏi Chương trình	Nguyên nhân khác			
52	Đánh giá, đề xuất sửa đổi, bổ sung Luật Lâm nghiệp.	Tháng 12								Bộ NNPTNT	Văn bản số 7151/VPCP-NN ngày 03/10/2024
53	Đánh giá, đề xuất sửa đổi, bổ sung Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật.	Tháng 12				x ¹¹			Bộ NNPTNT		
54	Đánh giá, đề xuất sửa đổi, bổ sung Luật Trồng trọt.	Tháng 12							Bộ NNPTNT		
55	Xây dựng dự án Luật Việc làm (sửa đổi)	Năm 2024								Bộ LĐTBXH	Chưa báo cáo
56	Nghị định của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng.	Quý IV								Bộ LĐTBXH	Chưa báo cáo

¹¹ Thủ tướng Chính phủ đồng ý cho rút khỏi chương trình công tác năm 2024

	Nội dung công việc	Thời gian hoàn thành		Kết quả thực hiện năm 2024					Cơ quan chủ trì	TT	
		Theo quy định tại Nghị quyết số 01/NQ-CP	Theo quy định tại văn bản khác của Chính phủ	Đã hoàn thành	Chưa hoàn thành						Thời gian dự kiến hoàn thành
					Giải thích tiến độ thực hiện đối với các nội dung chưa hoàn thành hoặc hoàn thành chậm tiến độ						
					Đang triển khai	Lùi thời gian	Rút khỏi Chương trình	Nguyên nhân khác			
57	Nghị định của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội	Năm 2024		x					Bộ LĐTBXH	Nghị định số 76/2024/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021	
58	Chương trình hành động của Chính phủ tổ chức thực hiện Chỉ thị của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác an toàn lao động, vệ sinh lao động trong tình hình mới	Năm 2024			x				Bộ LĐTBXH	Chưa báo cáo	
59	Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 26/2014/NĐ-CP ngày 07/4/2014 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Thanh tra, giám sát ngành Ngân hàng	Tháng 12		x					NHNN		

	Nội dung công việc	Thời gian hoàn thành		Kết quả thực hiện năm 2024						Cơ quan chủ trì	TT
		Theo quy định tại Nghị quyết số 01/NQ-CP	Theo quy định tại văn bản khác của Chính phủ	Đã hoàn thành	Chưa hoàn thành				Thời gian dự kiến hoàn thành		
					Giải thích tiến độ thực hiện đối với các nội dung chưa hoàn thành hoặc hoàn thành chậm tiến độ						
					Đang triển khai	Lùi thời gian	Rút khỏi Chương trình	Nguyên nhân khác			
60	Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật	Tháng 5		x						Bộ KHCN	Dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật, trình Quốc hội cho ý kiến tại Kỳ họp thứ 8.
61	Đề nghị xây dựng Luật Năng lượng nguyên tử (sửa đổi)	Tháng 7		x						Bộ KHCN	Tờ trình số 3886/TTr-BKHCN ngày 10/10/2024)
62	Nghị định của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của tổ chức khoa học và công nghệ công lập	Năm 2024					x			Bộ KHCN	Đang trình Chính phủ xin rút Đề án do các nội dung dự kiến đề xuất trong dự thảo Nghị định đã được quy định tại: (1) dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2021/NĐ-CP do Bộ Tài chính chủ trì; (2) Dự thảo Đề án Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (sửa đổi)
63	Đề nghị xây dựng Luật sửa đổi, bổ sung Luật Xuất bản	Tháng 12			x				Tháng 12	Bộ TTTT	

	Nội dung công việc	Thời gian hoàn thành		Kết quả thực hiện năm 2024						Cơ quan chủ trì	TT	
		Theo quy định tại Nghị quyết số 01/NQ-CP	Theo quy định tại văn bản khác của Chính phủ	Đã hoàn thành	Chưa hoàn thành				Thời gian dự kiến hoàn thành			
					Giải thích tiến độ thực hiện đối với các nội dung chưa hoàn thành hoặc hoàn thành chậm tiến độ							
					Đang triển khai	Lùi thời gian	Rút khỏi Chương trình	Nguyên nhân khác				
64	Đề nghị xây dựng Luật Bru chính (sửa đổi)	Tháng 12			x					Tháng 12	Bộ TTTT	
65	Dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Báo chí	Tháng 12		x							Bộ TTTT	Chính phủ đã có Tờ trình số 753/TTr-CP ngày 07/11/2024
66	Đề nghị xây dựng Luật Công nghiệp công nghệ số	Tháng 6		x							Bộ TTTT	Đã hoàn thành (QĐ số 568/QĐ-TTg ngày 26/6/2024) (Đang xây dựng Dự thảo Luật)
67	Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 73/2019/NĐ-CP về quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước	Tháng 9		x							Bộ TTTT	Nghị định số 82/2024/NĐ-CP ngày 10/7/2024
68	Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Viễn thông	Tháng 10		x							Bộ TTTT	Tờ trình số 39/TTr-BTTTT ngày 24/5/2024; 53/TTr-BTTTT ngày 19/6/2024; 74/TTr-BTTTT ngày 30/7/2024

	Nội dung công việc	Thời gian hoàn thành		Kết quả thực hiện năm 2024					Cơ quan chủ trì	TT	
		Theo quy định tại Nghị quyết số 01/NQ-CP	Theo quy định tại văn bản khác của Chính phủ	Đã hoàn thành	Chưa hoàn thành						Thời gian dự kiến hoàn thành
					Giải thích tiến độ thực hiện đối với các nội dung chưa hoàn thành hoặc hoàn thành chậm tiến độ						
					Đang triển khai	Lùi thời gian	Rút khỏi Chương trình	Nguyên nhân khác			
	điện tử, các ngành, lĩnh vực mới nổi, các mô hình kinh doanh mới, hiệu quả										
72	Nghị định về đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Tháng 3		x						Bộ KHĐT	Chính phủ đã ban hành Nghị định số 92/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024
73	Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hợp tác xã	Tháng 5		x						Bộ KHĐT	Chính phủ đã ban hành Nghị định số 113/2024/NĐ-CP ngày 12/9/2024
74	Đề án cơ sở dữ liệu doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp ngoài nhà nước nhằm mục tiêu quản lý, theo dõi, đánh giá và hỗ trợ doanh nghiệp	Tháng 6		x						Bộ KHĐT	Tờ trình số 5570/TTr-BKHĐT ngày 16/7/2024
75	Đề án "Nghiên cứu, đề xuất việc thành lập Ủy ban Năng suất quốc gia"	Tháng 12			x				Tháng 12	Bộ KHĐT	
76	Chiến lược phát triển ngành sữa giai đoạn đến 2030, tầm nhìn đến 2045	Năm 2024			x					Bộ CT	Đã có Dự thảo

	Nội dung công việc	Thời gian hoàn thành		Kết quả thực hiện năm 2024						Cơ quan chủ trì	TT
		Theo quy định tại Nghị quyết số 01/NQ-CP	Theo quy định tại văn bản khác của Chính phủ	Đã hoàn thành	Chưa hoàn thành				Thời gian dự kiến hoàn thành		
					Giải thích tiến độ thực hiện đối với các nội dung chưa hoàn thành hoặc hoàn thành chậm tiến độ						
					Đang triển khai	Lùi thời gian	Rút khỏi Chương trình	Nguyên nhân khác			
77	Chiến lược phát triển ngành giấy giai đoạn đến 2030, tầm nhìn đến 2045	Năm 2024			x					Bộ CT	Đã có Dự thảo
78	Chiến lược ngành thép giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050	Quý III			x					Bộ CT	Đã có Dự thảo
79	Chiến lược ngành ô tô giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045	Năm 2024			x					Bộ CT	Đã có Dự thảo
80	Chiến lược phát triển ngành điện lực Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050	Năm 2024			x					Bộ CT	Đã có Dự thảo
81	Chiến lược phát triển công nghiệp vi mạch bán dẫn Việt Nam đến năm 2030 và tầm nhìn 2035	Tháng 11		x						Bộ TTTT	QĐ số 1018/QĐ-TTg ngày 21/9/2024
82	Chiến lược quản lý và phát triển ngành công nghiệp trò chơi điện tử trên mạng tại Việt Nam giai đoạn 2025-2030	Tháng 12			x				Tháng 12	Bộ TTTT	Hoàn thiện dự thảo Đề án Chiến lược quản lý và phát triển ngành công nghiệp trò chơi điện tử trên mạng tại Việt Nam,

	Nội dung công việc	Thời gian hoàn thành		Kết quả thực hiện năm 2024						Cơ quan chủ trì	TT
		Theo quy định tại Nghị quyết số 01/NQ-CP	Theo quy định tại văn bản khác của Chính phủ	Đã hoàn thành	Chưa hoàn thành				Thời gian dự kiến hoàn thành		
					Giải thích tiến độ thực hiện đối với các nội dung chưa hoàn thành hoặc hoàn thành chậm tiến độ						
					Đang triển khai	Lùi thời gian	Rút khỏi Chương trình	Nguyên nhân khác			
										giai đoạn 2025-2030 trên cơ sở ý kiến góp ý của các Bộ, ngành, địa phương	
83	Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 154/2013/NĐ-CP ngày 08/11/2013 của Chính phủ quy định về khu CNTT tập trung	Tháng 12			x				Tháng 12	Bộ TTTT	Đang hoàn thiện dự thảo Nghị định
84	Nghị định quy định cơ chế tài chính của Đài Truyền hình Việt Nam	Tháng 12			x				Tháng 12	Bộ TTTT	Trình (TTgCP) Đề nghị xây dựng Nghị định của Chính phủ quy định cơ chế tài chính của Đài Truyền hình Việt Nam. (Tờ trình số 97/TTr-BTTTT ngày 17/9/2024).
85	Đề án Cơ cấu lại nông nghiệp vùng Bắc Trung Bộ và Duyên Hải Trung Bộ theo hướng phát triển kinh tế nông nghiệp hiệu quả cao, sinh thái, bền vững trên	Tháng 9		x						Bộ NNPTNT	Đề án đã được phê duyệt tại Quyết định số 2683/QĐ-BNN-KH ngày 02/8/2024 (tại VB số 5299/VPCP-NN ngày 25/7/2024)

Nội dung công việc	Thời gian hoàn thành		Kết quả thực hiện năm 2024						Cơ quan chủ trì	TT
	Theo quy định tại Nghị quyết số 01/NQ-CP	Theo quy định tại văn bản khác của Chính phủ	Đã hoàn thành	Chưa hoàn thành				Thời gian dự kiến hoàn thành		
				Giải thích tiến độ thực hiện đối với các nội dung chưa hoàn thành hoặc hoàn thành chậm tiến độ						
				Đang triển khai	Lùi thời gian	Rút khỏi Chương trình	Nguyên nhân khác			
cơ sở áp dụng quy trình sản xuất an toàn; sử dụng bền vững tài nguyên, bảo vệ môi trường.										
86 Đề án Phát triển nuôi trồng thủy sản trên hồ chứa giai đoạn 2025 - 2030	Tháng 12				x				Bộ NNPTNT	Thủ tướng Chính phủ đồng ý cho chuyển sang năm 2025 (tại Văn bản số 7151/VPCP-NN ngày 03/10/2024)
87 Nghị định của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 46/2021/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ về chế độ quản lý tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động của Ngân hàng phát triển	Tháng 3								Bộ TC	Chưa báo cáo
88 Nghị định của Chính phủ về điều lệ tổ chức và hoạt động của Ngân hàng Phát triển	Tháng 6								Bộ TC	Chưa báo cáo
89 Đề án phát triển hệ thống trung tâm đào tạo xuất sắc và tài năng về công nghệ 4.0	Tháng 10				x			Hết Quý IV/2024	Bộ GDĐT	

	Nội dung công việc	Thời gian hoàn thành		Kết quả thực hiện năm 2024					Cơ quan chủ trì	TT	
		Theo quy định tại Nghị quyết số 01/NQ-CP	Theo quy định tại văn bản khác của Chính phủ	Đã hoàn thành	Chưa hoàn thành						Thời gian dự kiến hoàn thành
					Giải thích tiến độ thực hiện đối với các nội dung chưa hoàn thành hoặc hoàn thành chậm tiến độ						
					Đang triển khai	Lùi thời gian	Rút khỏi Chương trình	Nguyên nhân khác			
90	Chương trình bảo đảm cơ sở vật chất cho chương trình giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông giai đoạn 2026 - 2030	Năm 2024			x				Hết Quý IV/2024	Bộ GDĐT	
91	Nghị định của Chính phủ quy định về việc dạy và học bằng tiếng nước ngoài trong và ngoài nhà trường và cơ sở giáo dục khác	Tháng 12			x				Hết Quý IV/2024	Bộ GDĐT	Đã hoàn thiện dự thảo
92	Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 38/2018/NĐ-CP ngày 11/3/2018 của Chính phủ về đầu tư cho khởi nghiệp sáng tạo	Tháng 9			x ¹²					Bộ KHĐT	
93	Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số	Năm 2024				x			Tháng 12/2025	Bộ KHCN	Đang trình Chính phủ xin rút Đề án do các nội dung dự kiến đề xuất trong dự thảo Nghị định đã được quy định tại: (1) dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của

¹² Đang đợi ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp

Nội dung công việc	Thời gian hoàn thành		Kết quả thực hiện năm 2024						Cơ quan chủ trì	TT
	Theo quy định tại Nghị quyết số 01/NQ-CP	Theo quy định tại văn bản khác của Chính phủ	Đã hoàn thành	Chưa hoàn thành				Thời gian dự kiến hoàn thành		
				Giải thích tiến độ thực hiện đối với các nội dung chưa hoàn thành hoặc hoàn thành chậm tiến độ						
				Đang triển khai	Lùi thời gian	Rút khỏi Chương trình	Nguyên nhân khác			
điều của Luật Chuyển giao công nghệ									Nghị định số 60/2021/NĐ-CP do Bộ Tài chính chủ trì; (2) Dự thảo Đề án Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (sửa đổi).	
94 Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 95/2014/NĐ-CP của Chính phủ quy định về đầu tư và cơ chế tài chính trong hoạt động khoa học và công nghệ	Năm 2024			x					Bộ KHCN	
95 Đề án phát triển hệ thống khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo quốc gia đến năm 2035	Năm 2024		x						Bộ KHCN	Chuyển thành xây dựng dự thảo Nghị định phủ quy định một số nội dung về đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp sáng tạo
96 Chương trình hỗ trợ ứng dụng, chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ thúc đẩy phát triển các sản phẩm chủ lực khu vực nông thôn, miền núi	Tháng 12						x	Tháng 12	Bộ KHCN	Tích hợp vào dự thảo Nghị định phủ quy định một số nội dung về đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp sáng tạo và dự thảo Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (sửa đổi)

	Nội dung công việc	Thời gian hoàn thành		Kết quả thực hiện năm 2024						Cơ quan chủ trì	TT
		Theo quy định tại Nghị quyết số 01/NQ-CP	Theo quy định tại văn bản khác của Chính phủ	Đã hoàn thành	Chưa hoàn thành				Thời gian dự kiến hoàn thành		
					Giải thích tiến độ thực hiện đối với các nội dung chưa hoàn thành hoặc hoàn thành chậm tiến độ						
					Đang triển khai	Lùi thời gian	Rút khỏi Chương trình	Nguyên nhân khác			
97	Đề xuất xây dựng quy định về tiêu chí/điều kiện, trình tự, thủ tục để xác định cơ sở ương tạo, cơ sở kỹ thuật, khu làm việc chung	Tháng 9		x						Bộ KH-CN	
98	Quyết định phê duyệt Đề án thay thế 02 vệ tinh viễn thông VINASAT-1, VINASAT-2	Tháng 6		x						Bộ TTTT	
99	Chương trình hành động quốc gia về phát triển và chuyển đổi sang sử dụng nền tảng điện toán đám mây	Tháng 11			x				Tháng 11	Bộ TTTT	
V.	Nhóm nhiệm vụ về phát triển văn hóa, xã hội, bảo đảm gắn kết hài hòa với phát triển kinh tế; nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân										
100	Đề án thành lập Cơ quan Kiểm soát bệnh tật Trung ương	Tháng 12			x				Tháng 12/2024	Bộ Y tế	Đã dự thảo, xin ý kiến, đang tiếp thu, hoàn thiện dự thảo Đề án

	Nội dung công việc	Thời gian hoàn thành		Kết quả thực hiện năm 2024						Cơ quan chủ trì	TT	
		Theo quy định tại Nghị quyết số 01/NQ-CP	Theo quy định tại văn bản khác của Chính phủ	Đã hoàn thành	Chưa hoàn thành				Thời gian dự kiến hoàn thành			
					Giải thích tiến độ thực hiện đối với các nội dung chưa hoàn thành hoặc hoàn thành chậm tiến độ							
					Đang triển khai	Lùi thời gian	Rút khỏi Chương trình	Nguyên nhân khác				
101	Đề án Tổ chức dạy bơi an toàn, phòng chống đuối nước cho trẻ em, học sinh giai đoạn 2025-2030, định hướng năm 2035	Tháng 10			x					Hết quý IV	Bộ GDĐT	Hiện tại Đề án đang trình xin ý kiến Ban cán sự đảng (Tờ trình số 150/TTr-GDTC ngày 28/10/2024)
102	Nghị định của Chính phủ về Bảo hiểm tai nạn lao động đối với lao động ở khu vực không có hợp đồng lao động	Năm 2024									Bộ LĐT BXH	Chưa báo cáo
103	Nghị định của Chính phủ điều chỉnh lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội và trợ cấp hàng tháng	Tháng 5									Bộ LĐT BXH	Chưa báo cáo
104	Nghị định của Chính phủ điều chỉnh mức hưởng trợ cấp, phụ cấp và các chế độ ưu đãi người có công với cách mạng	Tháng 5									Bộ LĐT BXH	Chưa báo cáo
105	Nghị định của Chính phủ quy định mức lương tối thiểu đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động	Tháng 5									Bộ LĐT BXH	Chưa báo cáo

	Nội dung công việc	Thời gian hoàn thành		Kết quả thực hiện năm 2024						Cơ quan chủ trì	TT
		Theo quy định tại Nghị quyết số 01/NQ-CP	Theo quy định tại văn bản khác của Chính phủ	Đã hoàn thành	Chưa hoàn thành				Thời gian dự kiến hoàn thành		
					Giải thích tiến độ thực hiện đối với các nội dung chưa hoàn thành hoặc hoàn thành chậm tiến độ						
					Đang triển khai	Lùi thời gian	Rút khỏi Chương trình	Nguyên nhân khác			
106	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch hành động thực hiện Chỉ thị của Bộ Chính trị về tăng cường công tác chăm sóc, giáo dục và bảo vệ trẻ em đáp ứng yêu cầu xây dựng đất nước phồn vinh, hạnh phúc	Năm 2024								Bộ LĐTBXH	Chưa báo cáo
107	Nghị quyết của Chính phủ về Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 42-NQ/TW của Ban chấp hành Trung ương về tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng chính sách xã hội, đáp ứng yêu cầu sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn mới	Tháng 3								Bộ LĐTBXH	Chưa báo cáo
108	Nghị định quy định chế độ tiền lương mới đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang	Tháng 5		x						Bộ NV	Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024

	Nội dung công việc	Thời gian hoàn thành		Kết quả thực hiện năm 2024						Cơ quan chủ trì	TT
		Theo quy định tại Nghị quyết số 01/NQ-CP	Theo quy định tại văn bản khác của Chính phủ	Đã hoàn thành	Chưa hoàn thành				Thời gian dự kiến hoàn thành		
					Giải thích tiến độ thực hiện đối với các nội dung chưa hoàn thành hoặc hoàn thành chậm tiến độ						
					Đang triển khai	Lùi thời gian	Rút khỏi Chương trình	Nguyên nhân khác			
109	Nghị định của Chính phủ về chính sách phát hiện, tìm kiếm, thu hút, trọng dụng nhân tài và tiêu chí xác định nhân tài là người dân tộc thiểu số	Tháng 12			x					UBDT	
110	Quyết định điều chỉnh, bổ sung một số điều của Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia dân tộc thiểu số và miền núi, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025.	Tháng 03		x						UBDT	Quốc hội khóa XV đã thông qua điều chỉnh chủ trương đầu tư Chương trình MTQG DTTS&MN tại Nghị quyết số 142/2024/QH15 ngày 29/6/2024
111	Đề án đặc thù hỗ trợ hợp tác đào tạo với các doanh nghiệp trong nước và quốc tế tạo điều kiện cho sinh viên vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi thực hành và cơ hội việc làm sau khi tốt nghiệp.	Tháng 10		x						UBDT	Tờ trình số 1942/TTr-UBDT

	Nội dung công việc	Thời gian hoàn thành		Kết quả thực hiện năm 2024					Cơ quan chủ trì	TT	
		Theo quy định tại Nghị quyết số 01/NQ-CP	Theo quy định tại văn bản khác của Chính phủ	Đã hoàn thành	Chưa hoàn thành						Thời gian dự kiến hoàn thành
					Giải thích tiến độ thực hiện đối với các nội dung chưa hoàn thành hoặc hoàn thành chậm tiến độ						
					Đang triển khai	Lùi thời gian	Rút khỏi Chương trình	Nguyên nhân khác			
112	Quyết định phê duyệt Kế hoạch triển khai thực hiện các khuyến nghị của Ban Công ước CERD về xóa bỏ mọi hình thức phân biệt chủng tộc nhằm bảo đảm quyền bình đẳng về mọi mặt của người dân tộc thiểu số.	Tháng 12			x					UBDT	
113	Đề án "Bồi dưỡng và chia sẻ kiến thức công tác dân tộc cho cán bộ Lào và Campuchia".	Tháng 10			x					UBDT	Tờ trình số 1948/TTr-UBDT
114	Đề án "Xây dựng hệ thống chỉ tiêu thống kê về công tác dân tộc, hệ thống cơ sở dữ liệu về công tác dân tộc, bộ dữ liệu về các dân tộc thiểu số Việt Nam".	Tháng 9					x			UBDT	Văn bản số 7265/VPCP-KSTT thông báo ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Thường trực Chính phủ Nguyễn Hòa Bình: "Đồng ý với kiến nghị của UBDT về việc đưa nhiệm vụ xây dựng Đề án nêu trên ra khỏi Chương trình công tác năm 2024 của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ"

	Nội dung công việc	Thời gian hoàn thành		Kết quả thực hiện năm 2024					Cơ quan chủ trì	TT	
		Theo quy định tại Nghị quyết số 01/NQ-CP	Theo quy định tại văn bản khác của Chính phủ	Đã hoàn thành	Chưa hoàn thành						Thời gian dự kiến hoàn thành
					Giải thích tiến độ thực hiện đối với các nội dung chưa hoàn thành hoặc hoàn thành chậm tiến độ						
					Đang triển khai	Lùi thời gian	Rút khỏi Chương trình	Nguyên nhân khác			
115	Đề án "Đổi mới mô hình hoạt động của các cơ sở giáo dục trực thuộc Ủy ban Dân tộc, gồm: Học viện Dân tộc, trường Phổ thông vùng cao Việt Bắc, trường dự bị đại học dân tộc Trung ương, trường dự bị đại học dân tộc Sầm Sơn, trường dự bị đại học dân tộc Trung ương Nha Trang và trường dự bị đại học Tp. Hồ Chí Minh."	Tháng 11			x ¹³				UBDT		
VI.	Nhóm nhiệm vụ về ứng phó với biến đổi khí hậu, an ninh nguồn nước, phòng, chống thiên tai, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường; giải quyết hài hòa mối quan hệ giữa phát triển kinh tế với bảo vệ môi trường										

¹³ Đã gửi Bộ Tư pháp xin ý kiến thẩm định

	Nội dung công việc	Thời gian hoàn thành		Kết quả thực hiện năm 2024						Cơ quan chủ trì	TT
		Theo quy định tại Nghị quyết số 01/NQ-CP	Theo quy định tại văn bản khác của Chính phủ	Đã hoàn thành	Chưa hoàn thành				Thời gian dự kiến hoàn thành		
					Giải thích tiến độ thực hiện đối với các nội dung chưa hoàn thành hoặc hoàn thành chậm tiến độ						
					Đang triển khai	Lùi thời gian	Rút khỏi Chương trình	Nguyên nhân khác			
116	Đề án "Kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2024"	Tháng 3		x						Bộ TNMT	Quyết định số 817/QĐ-TTg ngày 09/8/2024 phê duyệt Đề án
117	Đề án tăng cường công tác bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học tại các khu di sản thiên nhiên vùng Đông Nam Bộ (các khu dự trữ sinh quyển, rừng ngập mặn, rừng đặc dụng, vườn quốc gia Cần Giờ, Bù Gia Mập, Côn Đảo, Cát Tiên, Lò Gò - Xa Mát)	Tháng 8				x			Tháng 12	Bộ TNMT	
118	Đề án tăng cường liên kết vùng trong bảo tồn, khai thác sử dụng tài nguyên đa dạng sinh học tại các khu bảo tồn thiên nhiên, di sản thiên nhiên vùng đồng bằng Sông Hồng.	Tháng 11				x			Tháng 12	Bộ TNMT	
119	Điều tra tổng thể về khoáng sản và hoàn thiện nền bản đồ địa chất tỷ lệ 1:50.000 vùng Bắc	Tháng 11			x				Tháng 11	Bộ TNMT	

	Nội dung công việc	Thời gian hoàn thành		Kết quả thực hiện năm 2024					Cơ quan chủ trì	TT	
		Theo quy định tại Nghị quyết số 01/NQ-CP	Theo quy định tại văn bản khác của Chính phủ	Đã hoàn thành	Chưa hoàn thành						Thời gian dự kiến hoàn thành
					Giải thích tiến độ thực hiện đối với các nội dung chưa hoàn thành hoặc hoàn thành chậm tiến độ						
					Đang triển khai	Lùi thời gian	Rút khỏi Chương trình	Nguyên nhân khác			
	Trung Bộ phục vụ quy hoạch phát triển bền vững kinh tế xã hội										
120	Điều tra, đánh giá tổng thể tiềm năng khoáng sản chiến lược (đất hiếm) trên lãnh thổ Việt Nam (phần đất liền) và thăm dò một số diện tích có triển vọng	Tháng 9		x						Bộ TNMT	Tờ trình 279/TTr-BCS ĐBTNMT ngày 08/10/2024 của Ban Cán sự đảng Bộ TN&MT
121	Điều tra, đánh giá tiềm năng cát, cuội, sỏi lòng sông vùng Đồng bằng sông Cửu Long	Tháng 6		x						Bộ TNMT	Đã hoàn thiện Đề án báo cáo Thủ tướng Chính phủ (Tại Văn bản số 5161/BTNMT-KHTC ngày 02 tháng 8 năm 2024).
122	Đề án "Tổ chức Diễn đàn khu vực Châu Á - Thái Bình Dương lần thứ 12 về giảm thiểu, tái sử dụng và tái chế chất thải và kinh tế tuần hoàn tại Hà Nội năm 2024"	Tháng 4					x			Bộ TNMT	Đang tiến hành các thủ tục xin rút Đề án khỏi Nghị quyết 01/NQ-CP và không tổ chức Diễn đàn tại Việt Nam vào năm 2025
123	Đề án phát triển khu vực Hải Phòng - Quảng Ninh trở thành	Tháng 12				x			Tháng 12/2025	Bộ TNMT	Đơn vị chủ trì thực hiện đang đề xuất xin điều

	Nội dung công việc	Thời gian hoàn thành		Kết quả thực hiện năm 2024					Cơ quan chủ trì	TT	
		Theo quy định tại Nghị quyết số 01/NQ-CP	Theo quy định tại văn bản khác của Chính phủ	Đã hoàn thành	Chưa hoàn thành						Thời gian dự kiến hoàn thành
					Giải thích tiến độ thực hiện đối với các nội dung chưa hoàn thành hoặc hoàn thành chậm tiến độ						
					Đang triển khai	Lùi thời gian	Rút khỏi Chương trình	Nguyên nhân khác			
	trung tâm kinh tế biển hiện đại, mang tầm quốc tế, hàng đầu ở Đông Nam Á và là động lực phát triển của Vùng									chính thời gian thực hiện Đề án sang năm 2025	
124	Chiến lược sử dụng đất quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050	Tháng 12					x		Tháng 12/2025	Bộ TNMT	Đang tiến hành các thủ tục xin rút Đề án khỏi Chương trình
125	Nghị định quy định về thanh lý rừng trồng	Tháng 12		x						Bộ NNPTNT	Nghị định số 140/2024/NĐ-CP ngày 28/10/2024
VII.	Nhóm nhiệm vụ về phát triển liên kết vùng, công tác quy hoạch, nâng cao chất lượng đô thị hoá và kinh tế đô thị										
126	Nghị định về cây xanh và công viên công cộng đô thị (thay thế Nghị định số 64/2010/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý cây xanh đô thị)	Tháng 11						x ¹⁴		Bộ XD	

¹⁴ Đã có Văn bản của Chính phủ cho phép lùi thời hạn

	Nội dung công việc	Thời gian hoàn thành		Kết quả thực hiện năm 2024						Cơ quan chủ trì	TT
		Theo quy định tại Nghị quyết số 01/NQ-CP	Theo quy định tại văn bản khác của Chính phủ	Đã hoàn thành	Chưa hoàn thành				Thời gian dự kiến hoàn thành		
					Giải thích tiến độ thực hiện đối với các nội dung chưa hoàn thành hoặc hoàn thành chậm tiến độ						
					Đang triển khai	Lùi thời gian	Rút khỏi Chương trình	Nguyên nhân khác			
127	Điều chỉnh Định hướng phát triển chiếu sáng đô thị Việt Nam đến năm 2035 (thay thế Quyết định số 1874/QĐ-TTg ngày 11/10/2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Định hướng phát triển chiếu sáng đô thị Việt Nam đến năm 2025)	Tháng 12								Bộ XD	
128	Luật Quy hoạch đô thị và quy hoạch nông thôn	Tháng 2		x						Bộ XD	Tờ trình số 05/TTr-BXD ngày 27/02/2024, Tờ trình bổ sung số 07/TTr-BXD ngày 11/3/2024, Tờ trình tóm tắt số 10/TTr-BXD ngày 22/3/2024 cùng hồ sơ dự án Luật kèm theo phục vụ cuộc họp; Ngày 25/10/2024, Quốc hội đã thảo luận tại hội trường về một số nội dung còn ý kiến khác nhau của dự thảo Luật

¹⁵ Đã có Văn bản của Chính phủ cho phép lùi thời hạn

	Nội dung công việc	Thời gian hoàn thành		Kết quả thực hiện năm 2024						Cơ quan chủ trì	TT
		Theo quy định tại Nghị quyết số 01/NQ-CP	Theo quy định tại văn bản khác của Chính phủ	Đã hoàn thành	Chưa hoàn thành				Thời gian dự kiến hoàn thành		
					Giải thích tiến độ thực hiện đối với các nội dung chưa hoàn thành hoặc hoàn thành chậm tiến độ						
					Đang triển khai	Lùi thời gian	Rút khỏi Chương trình	Nguyên nhân khác			
129	Xây dựng một số cơ chế, chính sách đặc thù cho phát triển tỉnh Nghệ An	Tháng 9		x						Bộ KHĐT	Quốc hội đã thông qua Nghị quyết số 137/2024/QH15 ngày 26/6/2024
130	Sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 119/2020/QH14 ngày 19/6/2020 của Quốc hội về thí điểm tổ chức mô hình chính quyền đô thị và một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Đà Nẵng	Tháng 9		x						Bộ KHĐT	Quốc hội đã thông qua Nghị quyết số 136/2024/QH15 ngày 26/6/2024
131	Sơ kết 03 năm việc thực hiện các Nghị quyết của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế chính sách đặc thù phát triển tỉnh Nghệ An	Tháng 9					x			Bộ KHĐT	Tổng Thư ký Quốc hội đã có văn bản số 4069/TB-TTKQH ngày 15/7/2024 đề nghị không phải tiếp tục thực hiện đề án này
132	Sơ kết 03 năm việc thực hiện các Nghị quyết của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế chính sách đặc thù phát triển tỉnh Thanh Hóa	Tháng 9		x						Bộ KHĐT	Báo cáo số 589/BC-CP của ngày 01/10/2024

	Nội dung công việc	Thời gian hoàn thành		Kết quả thực hiện năm 2024						Cơ quan chủ trì	TT
		Theo quy định tại Nghị quyết số 01/NQ-CP	Theo quy định tại văn bản khác của Chính phủ	Đã hoàn thành	Chưa hoàn thành				Thời gian dự kiến hoàn thành		
					Giải thích tiến độ thực hiện đối với các nội dung chưa hoàn thành hoặc hoàn thành chậm tiến độ						
					Đang triển khai	Lùi thời gian	Rút khỏi Chương trình	Nguyên nhân khác			
133	Sơ kết 03 năm việc thực hiện các Nghị quyết của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế chính sách đặc thù phát triển tỉnh Thừa Thiên Huế	Tháng 9		x						Bộ KHĐT	Báo cáo số 588/BC-CP của ngày 01/10/2024
134	Sơ kết 03 năm việc thực hiện các Nghị quyết của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế chính sách đặc thù phát triển thành phố Hải Phòng	Tháng 9		x						Bộ KHĐT	Báo cáo số 587/BC-CP của ngày 01/10/2024
135	Sơ kết 03 năm việc thực hiện các Nghị quyết của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế chính sách đặc thù phát triển thành phố Cần Thơ	Tháng 9		x						Bộ KHĐT	Báo cáo số 591/BC-CP của ngày 02/10/2024
136	Rà soát về một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển vùng trung du và miền núi Phía Bắc	Tháng 12		x						Bộ KHĐT	Đã phối hợp với các bộ, cơ quan trung ương và địa phương để tổng hợp, xây dựng dự thảo

	Nội dung công việc	Thời gian hoàn thành		Kết quả thực hiện năm 2024						Cơ quan chủ trì	TT
		Theo quy định tại Nghị quyết số 01/NQ-CP	Theo quy định tại văn bản khác của Chính phủ	Đã hoàn thành	Chưa hoàn thành				Thời gian dự kiến hoàn thành		
					Giải thích tiến độ thực hiện đối với các nội dung chưa hoàn thành hoặc hoàn thành chậm tiến độ						
					Đang triển khai	Lùi thời gian	Rút khỏi Chương trình	Nguyên nhân khác			
137	Rà soát một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển vùng Đông Nam Bộ	Tháng 12		x						Bộ KHĐT	Đã phối hợp với các bộ, cơ quan trung ương và địa phương để tổng hợp, xây dựng dự thảo
138	Rà soát một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển vùng đồng bằng sông Cửu Long	Tháng 12		x						Bộ KHĐT	Đã phối hợp với các bộ, cơ quan trung ương và địa phương để tổng hợp, xây dựng dự thảo
139	Rà soát một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ	Tháng 12		x						Bộ KHĐT	Đã phối hợp với các bộ, cơ quan trung ương và địa phương để tổng hợp, xây dựng dự thảo
140	Rà soát một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển vùng Tây Nguyên	Tháng 12		x						Bộ KHĐT	Đã phối hợp với các bộ, cơ quan trung ương và địa phương để tổng hợp, xây dựng dự thảo

	Nội dung công việc	Thời gian hoàn thành		Kết quả thực hiện năm 2024						Cơ quan chủ trì	TT
		Theo quy định tại Nghị quyết số 01/NQ-CP	Theo quy định tại văn bản khác của Chính phủ	Đã hoàn thành	Chưa hoàn thành				Thời gian dự kiến hoàn thành		
					Giải thích tiến độ thực hiện đối với các nội dung chưa hoàn thành hoặc hoàn thành chậm tiến độ						
					Đang triển khai	Lùi thời gian	Rút khỏi Chương trình	Nguyên nhân khác			
141	Rà soát cơ chế, chính sách hiện hành để điều chỉnh, bổ sung cơ chế, chính sách đặc thù về phát triển vùng đồng bằng Sông Hồng	Tháng 12		x						Bộ KHĐT	Đã phối hợp với các bộ, cơ quan trung ương và địa phương để tổng hợp, xây dựng dự thảo
142	Tổng kết thực hiện Nghị quyết số 115/NQ-CP của Chính phủ về cơ chế, chính sách đặc thù hỗ trợ tỉnh Ninh Thuận	Tháng 3		x						Bộ KHĐT	Báo cáo số 4166/BC-BKHĐT và Tờ trình số 4164/TTr-BKHĐT ngày 30/05/2024; Tờ trình số 6234/TTr-BKHĐT ngày 06/8/2024
143	Xây dựng cơ chế, chính sách phát triển các vùng động lực, phát triển các hành lang kinh tế ưu tiên	Tháng 12						x ¹⁷	Tháng 12	Bộ KHĐT	
144	Quy hoạch tổng hợp lưu vực sông Cả đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050	Tháng 9						x	Tháng 9/2025	Bộ TNMT	Đơn vị chủ trì thực hiện đang đề xuất xin điều chỉnh thời gian thực hiện Đề án sang năm 2025

¹⁷ Viện Chiến lược phát triển đã phối hợp với Ngân hàng Thế giới triển khai nghiên cứu. Dựa vào kết quả nghiên cứu, Viện Chiến lược phát triển đã tham mưu Lãnh đạo Bộ Kế hoạch và Đầu tư ký công văn số 8559/BKHĐT ngày 16/10/2024 gửi các Bộ, ngành, địa phương liên quan lấy ý kiến góp ý đối với dự thảo Nghị quyết và Tờ trình Chính phủ về cơ chế, chính sách phát triển các vùng động lực, hành lang kinh tế ưu tiên.

	Nội dung công việc	Thời gian hoàn thành		Kết quả thực hiện năm 2024						Cơ quan chủ trì	TT	
		Theo quy định tại Nghị quyết số 01/NQ-CP	Theo quy định tại văn bản khác của Chính phủ	Đã hoàn thành	Chưa hoàn thành				Thời gian dự kiến hoàn thành			
					Giải thích tiến độ thực hiện đối với các nội dung chưa hoàn thành hoặc hoàn thành chậm tiến độ							
					Đang triển khai	Lùi thời gian	Rút khỏi Chương trình	Nguyên nhân khác				
149	Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2030, định hướng đến năm 2035	Tháng 11								Tháng 11	Bộ TTTT	Bộ có Tờ trình số 111/TTr-BTTTT ngày 07/11/2024 đề xuất chuyển sang CTCT năm 2025
150	Nghị định quy định về chữ ký điện tử và dịch vụ tin cậy	Tháng 5		x							Bộ TTTT	Tờ trình số 59/TTr-BTTTT và 60/TTr-BTTTT ngày 29/6/2024
151	Nghị định quy định về giao dịch điện tử trong cơ quan nhà nước và hệ thống thông tin phục vụ giao dịch điện tử	Tháng 5		x							Bộ TTTT	Nghị định số 137/2024/NĐ-CP ngày 23/10/2024
152	Đề án "Đẩy mạnh tuyên truyền nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả của dịch vụ công trực tuyến giai đoạn 2024-2025 và định hướng đến năm 2030"	Tháng 6		x							Bộ TTTT	Tờ trình số 48/TTr-BTTTT ngày 07/6/2024; 103/TTr-BTTTT ngày 30/9/2024
153	Nghị định quy định Danh mục cơ sở dữ liệu quốc gia	Tháng 9		x							Bộ TTTT	Chính phủ đã ký ban hành Nghị định số 47/2024/NĐ-CP ngày 09/5/2024 về việc Quy định về danh mục cơ sở dữ liệu quốc

	Nội dung công việc	Thời gian hoàn thành		Kết quả thực hiện năm 2024						Cơ quan chủ trì	TT
		Theo quy định tại Nghị quyết số 01/NQ-CP	Theo quy định tại văn bản khác của Chính phủ	Đã hoàn thành	Chưa hoàn thành				Thời gian dự kiến hoàn thành		
					Giải thích tiến độ thực hiện đối với các nội dung chưa hoàn thành hoặc hoàn thành chậm tiến độ						
					Đang triển khai	Lùi thời gian	Rút khỏi Chương trình	Nguyên nhân khác			
										gia; việc xây dựng, cập nhật, duy trì, khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu quốc gia	
154	Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 30/2018/NĐ-CP ngày 07/3/2018 của Chính phủ quy định chi tiết việc thành lập và hoạt động của Hội đồng định giá tài sản; trình tự, thủ tục định giá trong tổ tụng hình sự và Nghị định số 97/2019/NĐ-CP ngày 23/12/2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 30/2018/NĐ-CP	Tháng 10			x				Năm 2024	Bộ TC	
155	Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 148/2017/NĐ-CP ngày 25/12/2017 của Chính phủ về Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Đầu tư và	Tháng 12								Bộ TC	Chưa báo cáo

	Nội dung công việc	Thời gian hoàn thành		Kết quả thực hiện năm 2024					Cơ quan chủ trì	TT	
		Theo quy định tại Nghị quyết số 01/NQ-CP	Theo quy định tại văn bản khác của Chính phủ	Đã hoàn thành	Chưa hoàn thành						Thời gian dự kiến hoàn thành
					Giải thích tiến độ thực hiện đối với các nội dung chưa hoàn thành hoặc hoàn thành chậm tiến độ						
					Đang triển khai	Lùi thời gian	Rút khỏi Chương trình	Nguyên nhân khác			
	Kinh doanh vốn nhà nước – SCIC										
156	Nghị định quy định cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về quản lý, sử dụng kinh phí quản lý hành chính thay thế Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 và Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 07/10/2013 của Chính phủ	Tháng 12							Bộ TC	Chưa báo cáo	
157	Nghị định sửa đổi, bổ sung các quy định về cấp phó tại Nghị định số 101/2020/NĐ-CP ngày 28/8/2020 và Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 của Chính Phủ	Năm 2024		x					Bộ NV	Nghị định số 83/2024-NĐ-CP ngày 10/7/2024	
158	Nghị định về chính sách thu hút và trọng dụng người có tài năng vào cơ quan hành chính nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập	Tháng 10			x			Năm 2024	Bộ NV	Đã dự thảo lần 2	

	Nội dung công việc	Thời gian hoàn thành		Kết quả thực hiện năm 2024						Cơ quan chủ trì	TT
		Theo quy định tại Nghị quyết số 01/NQ-CP	Theo quy định tại văn bản khác của Chính phủ	Đã hoàn thành	Chưa hoàn thành				Thời gian dự kiến hoàn thành		
					Giải thích tiến độ thực hiện đối với các nội dung chưa hoàn thành hoặc hoàn thành chậm tiến độ						
					Đang triển khai	Lùi thời gian	Rút khỏi Chương trình	Nguyên nhân khác			
159	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về việc nâng cao tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức người dân tộc thiểu số trong các cơ quan nhà nước trong giai đoạn hiện nay	Tháng 3		x						Bộ NV	Tờ trình số 1592/TTr-BNV ngày 23/3/2024
IX.	Nhóm nhiệm vụ về quốc phòng, an ninh										
160	Đề án xây dựng và phát triển các khu kinh tế - quốc phòng ở các vùng biên giới, biển, đảo, vùng đặc biệt khó khăn để tăng cường tiềm lực quân sự, quốc phòng, sức mạnh tổng hợp bảo vệ tổ quốc gắn với xây dựng và phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn	Tháng 12								Bộ QP	Chưa báo cáo
161	Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng thủ dân sự	Tháng 4		x						Bộ QP	Tờ trình số 1654/TTr-BQP trình Chính phủ xem xét thông qua hồ sơ Nghị định

	Nội dung công việc	Thời gian hoàn thành		Kết quả thực hiện năm 2024						Cơ quan chủ trì	TT
		Theo quy định tại Nghị quyết số 01/NQ-CP	Theo quy định tại văn bản khác của Chính phủ	Đã hoàn thành	Chưa hoàn thành				Thời gian dự kiến hoàn thành		
					Giải thích tiến độ thực hiện đối với các nội dung chưa hoàn thành hoặc hoàn thành chậm tiến độ						
					Đang triển khai	Lùi thời gian	Rút khỏi Chương trình	Nguyên nhân khác			
162	Lập Hồ sơ đề nghị xây dựng Luật Tình trạng khẩn cấp	Tháng 4		x						Bộ QP	Tờ trình số 1692/TTr-BQP trình Chính phủ xem xét thông qua hồ sơ đề nghị xây dựng Luật
X.	Nhóm nhiệm vụ về công tác đối ngoại										
163	Thực hiện vai trò thành viên Hội đồng Chấp hành UNESCO nhiệm kỳ 2021-2025 và thành viên Ủy ban Liên Chính phủ Công ước 2005 về bảo vệ và phát huy sự đa dạng các biểu đạt văn hóa UNESCO nhiệm kỳ 2021-2025	Năm 2024								Bộ NG	Chưa báo cáo
164	Đề án/Lộ trình chuẩn bị tổ chức Hội nghị Thượng đỉnh P4G năm 2025 tại Việt Nam	Năm 2024								Bộ NG	Chưa báo cáo
165	Báo cáo tình hình triển khai Đề án Phát triển quan hệ Việt Nam với các nước Trung Đông – Châu Phi giai đoạn 2016 – 2025	Năm 2024								Bộ NG	Chưa báo cáo

	Nội dung công việc	Thời gian hoàn thành		Kết quả thực hiện năm 2024						Cơ quan chủ trì	TT
		Theo quy định tại Nghị quyết số 01/NQ-CP	Theo quy định tại văn bản khác của Chính phủ	Đã hoàn thành	Chưa hoàn thành				Thời gian dự kiến hoàn thành		
					Giải thích tiến độ thực hiện đối với các nội dung chưa hoàn thành hoặc hoàn thành chậm tiến độ						
					Đang triển khai	Lùi thời gian	Rút khỏi Chương trình	Nguyên nhân khác			
166	Báo cáo tình hình triển khai Đề án tăng cường hợp tác quốc tế để xây dựng và phát triển ngành Halal Việt Nam đến năm 2030	Năm 2024								Bộ NG	Chưa báo cáo
XI.	Nhóm nhiệm vụ về công tác truyền thông, dân vận, tạo đồng thuận xã hội										
167	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về đưa nền tảng truyền hình số quốc gia VTVgo lên tivi thông minh cung cấp đến người dùng tại Việt Nam	Tháng 9					x			Bộ TTTT	VPCP đã có văn bản số 7799/VPCP-KGVX ngày 23/10/2024 đồng ý cho dừng xây dựng
168	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về mạng điện thoại Hệ đặc biệt phục vụ cơ quan Đảng, Nhà nước	Tháng 10		x						Bộ TTTT	Đã hoàn thành (Đã trình TTgCP)